Công Ty CP Nafoods Group
27.04.2018 23:17

CÔNG TY CP NAFOODS GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 27 tháng 04 năm 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: Công ty Cổ phần Nafoods Group

Mã chứng khoán: NAF

Địa chỉ trụ sở chính: Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành Phố Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0383.853322

Fax: 0383.853902

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Mạnh Hùng

Địa chỉ: Công ty Cổ phần Nafoods Group

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 84-383 853322

Fax: 84-983629282

Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☑ định kỳ:

Nội dung thông tin công bố:

- Công ty Cổ phần Nafoods Group công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2017

Thông tin này sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/04/2018 tại đường dẫn https://nafoods.com/quan-he-co-dong/bao-cao-thuong-nien.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2017.

Người đại diện theo pháp luật

M.S.D.N: 2900326375 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP
TP. VINH - NGHỆ AN

NGUYỄN MẠNH HÙNG

PDF SIGNER DEMO VERSION

Scanned by CamScanner

nafoods
group

Trọn vẹn từ thiên nhiên

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

Vững mái chèo

CĂNG BUỒM LỚN

DANH MỤC VIẾT TẮT

BCH	Ban chấp hành
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BKS	Ban Kiểm soát
Bộ NN & PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
Công ty	Công ty Cổ phần Nafoods Group
CP	cổ phần
HĐQT	Hội đồng quản trị
HĐTV	Hội đồng thành viên
IQF	Cấp đông nhanh từng cá thể (Individual Quick Frozen)
NC & PT	Nghiên cứu và Phát triển
PTKD	Phát triển Kinh doanh
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TCKT	Tài chính kế toán
TGĐ	Tổng Giám đốc
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
Các chỉ tiêu tài chính nổi bật
Sự kiện và thành tích nổi bật năm 2017

10 **TỔNG QUAN CÔNG TY**
Thông tin chung
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
Giới thiệu Ban lãnh đạo
Định hướng phát triển

28 **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017**
Tổng quan kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
Tình hình tài chính
Cổ phần, cổ đông và cổ phiếu NAF

40 **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
Đánh giá tổng quan kết quả kinh doanh 2017
Phân tích kết quả kinh doanh năm 2017
Tình hình tài chính
Kế hoạch hoạt động năm 2018

50 **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
Đánh giá chung về nền kinh tế và ngành nông nghiệp
Đánh giá mọi mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Kế hoạch năm 2018

56 **QUẢN TRỊ CÔNG TY**
Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Lương, thù lao của Ban lãnh đạo
Các giao dịch
Tăng cường quản trị công ty
Quan trị rủi ro

70 **PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**
Mục tiêu chung
Trách nhiệm với sản phẩm
Phát triển nguồn nhân lực
Bảo vệ môi trường
Hỗ trợ phát triển cộng đồng
Phát triển kinh tế địa phương

86 **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**
Bảng cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

519 tỷ đồng

Doanh thu thuần tăng trưởng 13%

65 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 9%

> *Bước sang năm 2018, Tôi tin tưởng chắc chắn rằng: khi Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An hoàn thiện và đi vào hoạt động thì doanh thu và lợi nhuận của Nafoods Group sẽ có bước phát triển mạnh mẽ.*

Kính thưa Quý cổ đông,

Với bề dày 23 năm kinh nghiệm trong hoạt động SXKD và 16 năm trải nghiệm với ngành chế biến nước ép trái cây xuất khẩu, các sản phẩm của Nafoods Group đã khẳng định được uy tín trên thị trường Quốc tế, như: Châu Âu, Châu Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc ... từ đó giúp Nafoods Group tận dụng triệt để thời cơ và quản trị tốt thách thức, kiên định với Tầm nhìn trở thành một tập đoàn tiên phong phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp xanh, khép kín từ sản xuất giống, trồng, chăm sóc, chế biến và tiêu thụ.

Luôn kiên định với Tầm nhìn cùng với Sứ mệnh cung cấp cho Thế giới các sản phẩm tự nhiên, an toàn, thân thiện môi trường, đem lại cuộc sống tốt đẹp cho mọi người, Nafoods Group từng bước hoàn thiện mô hình quản trị theo hướng tinh gọn và hiệu quả, đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi, áp dụng khoa học công nghệ vào Chuỗi giá trị nông nghiệp xanh, khép kín, tạo ra những sản phẩm thương hiệu Nafoods có lợi thế canh tranh và hoàn toàn tự nhiên, mang lại giá trị gia tăng cao nhằm đáp ứng sự mong đợi của khách hàng Quốc tế và hướng tới phục vụ người tiêu dùng trong nước.

Năm 2017 là năm mở đầu thực hiện mục tiêu chiến lược giai đoạn 5 năm 2017-2021 đã được HĐQT thông qua, với những nỗ lực không mệt mỏi của HĐQT, Ban TGĐ, toàn thể CBCNV và sự ủng hộ của Quý cổ đông, với tôn chỉ "kiên định, tập trung và bền vững", hệ thống Nafoods Group đã đạt được thành tựu cụ thể như sau:

- *Năm đạt được cơ bản các chỉ số về doanh thu, lợi nhuận gộp;*
- *Năm thực hiện các dự án đi vào trọng tâm và chiều sâu của Chuỗi giá trị: Dự án nghiên cứu giống mới dành riêng cho bán quả tươi và giống dành cho ép nước xuất khẩu hiệu suất thu hồi cao hơn 20%;*
- *Năm Viện giống Chanh leo sạch bệnh đi vào hoạt động ổn định với công suất 4 triệu cây giống/năm, cung cấp cho thị trường trong nước và Lào;*
- *Năm đưa hoạt động của Viện NC & PT Nông nghiệp Nafoods và Ban PTKD và Marketing đi vào hoạt động thực chất và đạt được những thành tựu bước đầu đáng khích lệ với 1 đề tài và 1 dự án đã được Bộ NN & PTNT thông qua, chính thức ký hợp đồng và giải ngân trong năm 2018;*
- *Năm sản phẩm chanh leo quả tươi thương hiệu Nafoods đã chính thức được xuất khẩu sang thị trường các nước Châu Âu.*

Tuy kết quả chưa đạt được như kỳ vọng, nhưng với những gì đã làm được năm 2017, Nafoods Group có quyền tự hào và những kết quả này chính là những tiền đề cho kế hoạch 2017 - 2021.

*Năm 2018 có nhiều thách thức nhưng hứa hẹn sẽ mở ra rất nhiều cơ hội mới cho hệ thống Nafoods Group, với tinh thần **"vững mái chèo - căng buồm lớn",** HĐQT sát cánh cùng Ban TGĐ xây dựng Mục tiêu chiến lược và Kế hoạch hành động cho năm 2018 với các nội dung chính sau:*

- *Cơ cấu, đảm bảo dòng tiền cho toàn hệ thống và đưa "Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu" tại Long An chính thức đi vào hoạt động vào tháng 4 năm 2018; vận hành hiệu quả Nhà máy Nghệ An và Nhà máy Long An, đảm bảo đạt và vượt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận đã công bố.*
- *Xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, hiệu quả;*
- *Tái cấu trúc mô hình quản trị hệ thống Nafoods Group theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả;*
- *Tuyển chọn, xây dựng đội ngũ nhân sự chủ chốt phù hợp, đặc biệt là đội ngũ quản lý cao cấp và nhân sự kế cận;*
- *Trình HĐQT các báo cáo nghiên cứu khả thi và thực hiện các dự án áp dụng công nghệ cao, công nghệ 4.0 trong nhân giống, trồng trọt và đặc biệt là chế biến nhằm gia tăng giá trị trong Chuỗi giá trị;*
- *Có 2 cây giống chanh leo mới mang thương hiệu Nafoods vào cuối năm 2018.*

HĐQT tin tưởng rằng với Mục tiêu kinh doanh đã được thông qua và Kế hoạch hành động chi tiết từng tháng đã được Ban TGĐ giao đến tận Công ty, phòng ban và cá nhân, cùng với tinh thần quyết tâm cao của Ban TGĐ và đội ngũ CBCNV và sự hỗ trợ quý báu từ Quý cổ đông, Nafoods Group sẽ vượt qua những thách thức, tận dụng các cơ hội để hoàn thành mục tiêu 2018, đưa con tàu Nafoods Group vững vàng ra biển lớn.

Mỗi một thành viên của Nafoods Group đang ngày đêm nỗ lực hết mình, không ngừng học hỏi, cầu thị, làm việc có hiệu quả vì chung một khát vọng chinh phục chuỗi giá trị Nông nghiệp xanh và bền vững. Tôi luôn trân trọng và cảm kích tinh thần này. Sự nhiệt tâm, cống hiến và đồng hành đó luôn là niềm cổ vũ để quyết tâm đưa Nafoods Group phát triển chuyên nghiệp, bền vững, đồng hành cùng Đất nước góp phần làm thay đổi và đưa nền Nông nghiệp Việt Nam cất cánh vươn xa.

Tôi xin trân trọng cám ơn sự tin tưởng và gắn bó cuả Quý vị cổ đông! Với cơ hội từ dự báo sự tăng trưởng của nền kinh tế nước nhà, với nền tảng và tiền đề từ năm 2017 của Nafoods Group, cùng với hệ thống quản trị ngày càng hoàn thiện và chuyên nghiệp, Hội đồng Quản trị, Ban TGĐ và toàn thể CBCNV quyết tâm hoàn thành những kế hoạch, mục tiêu năm 2018 đã đặt ra.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

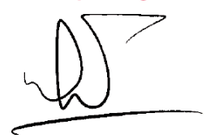

Nguyễn Mạnh Hùng

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Doanh thu thuần (tỷ đồng)
CAGR=37%

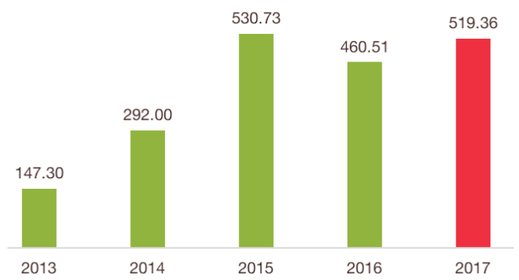

Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)
CAGR=161%

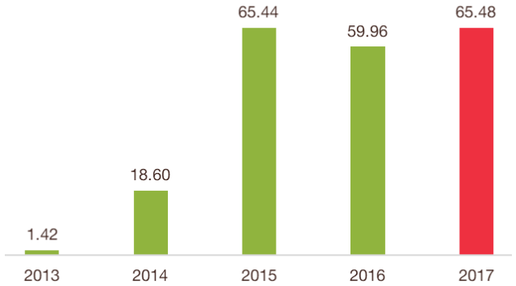

Tổng tài sản (tỷ đồng)
CAGR=80%

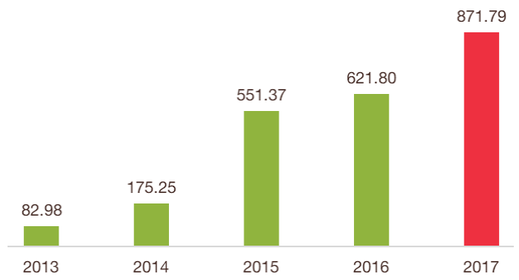

Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)
CAGR=93%

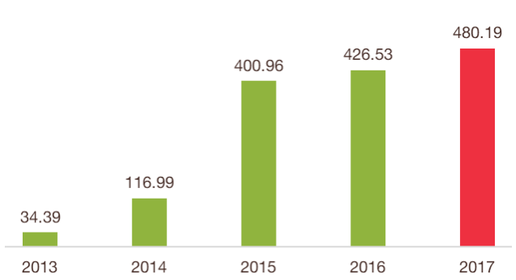

ROE (%)

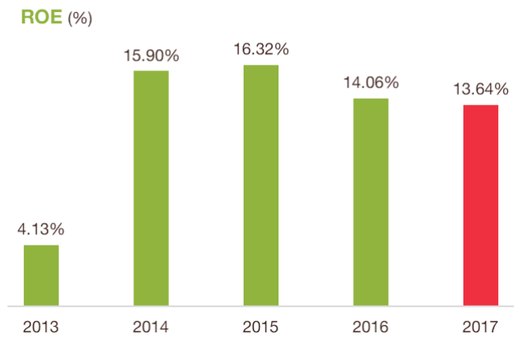

EPS (đồng/cổ phiếu)

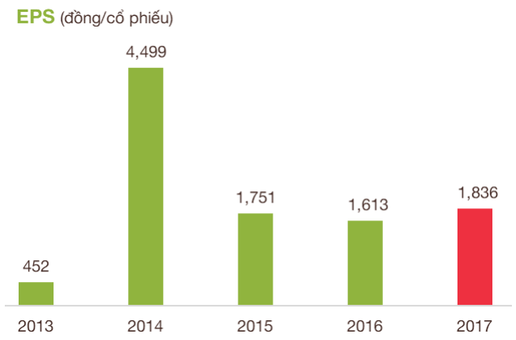

Chỉ tiêu	Đơn vị	2013	2014	2015	2016	2017
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Doanh thu	Tỷ đồng	147.52	298.59	533.50	462.72	529.94
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	147.30	292.00	530.73	460.51	519.36
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	135.54	257.82	419.37	334.58	366.47
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	11.76	34.18	111.36	125.92	152.89
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	1.43	5.56	-2.21	-3.13	-9.12
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	11.89	19.90	39.73	53.55	64.23
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	1.30	19.84	69.40	69.13	78.15
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ đồng	0.11	-0.14	-0.22	-1.82	0.57
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.42	19.69	69.18	67.31	78.72
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.42	18.60	65.44	59.96	65.48
Bảng cân đối kế toán						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	82.98	175.25	551.37	621.80	871.79
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	40.00	104.00	300.00	300.00	300.00
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	34.39	116.99	400.96	426.53	480.19
Nợ phải trả	Tỷ đồng	48.59	58.27	150.42	195.27	391.60
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu						
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	4.13%	15.90%	16.32%	14.06%	13.64%
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	1.71%	10.61%	11.87%	9.64%	7.51%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	VNĐ	452	4,499	1,751	1,613	1,836

Vững mái chèo - **CĂNG BUỒM LỚN**

CÁC SỰ KIỆN VÀ THÀNH TÍCH NỔI BẬT NĂM 2017

1

Ngày 9/1/2017, Ông Nguyễn Trung Kiên – Phó TGĐ Kinh doanh đại diện cho Nafoods Group tham gia chương trình 'Tết vì người nghèo – Đinh Dậu 2017' do Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Nghệ An phối hợp tổ chức;

2

Chiều ngày 27/2/2017 tại Vinh, Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam (thuộc hệ thống Nafoods Group) và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Nghệ An (Vietcombank Nghệ An) tổ chức Lễ ký kết Hợp đồng tín dụng tài trợ "Dự án xây dựng Nhà máy Chế biến Hoa quả Xuất khẩu tại Long An".

3

Ngày 8/3/2017, Lãnh đạo Nafoods tham dự cùng đoàn đại biểu cấp cao tỉnh Nghệ An do đồng chí Lê Ngọc Hoa - Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng đoàn đã tham dự Hội nghị cấp cao lần thứ 20 của 9 tỉnh 3 nước Việt Nam - Lào - Thái Lan.

4

Ngày 27/4/2017, Nafoods Group tổ chức lễ trao Chứng nhận đại lý cấp I – Bán cây giống

5

Sáng ngày 28/4/2017, tại Thành phố Vinh, Nghệ An, Công ty Cổ phần Nafoods Group đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017

6

Tháng 5/2017, HĐQT đã có 3 ngày làm việc tại Sầm Sơn – Thanh Hóa và đã phê duyệt chiến lược 5 năm của Nafoods Group làm kim chỉ nam cho các hoạt động của Nafoods trong thời gian tới.

7

Từ ngày 16 – 19/05/2017, Công ty cổ phần Nafoods Group đã cử đại diện bán hàng tham gia Triển lãm Thực phẩm Seoul Food 2017 do Cơ quan Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Hàn Quốc (KOTRA) chủ trì được tổ chức hàng năm tại Trung tâm Triển lãm Quốc tế Hàn Quốc. Đây là một trong những Triển lãm chuyên ngành thực phẩm nổi tiếng hàng đầu của Châu Á.

8

Chiều 5/6/2017, Nafoods Group đã tham gia Hội nghị xúc tiến đầu tư Việt Nam với sự tham dự của 1.600 đại biểu, doanh nghiệp, trong đó có 200 đại biểu doanh nghiệp Việt Nam tại Nhật Bản, dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Xuân Phúc và Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe.

9

Tháng 10 năm 2017, Nafoods Group tham gia hội chợ thực phẩm và đồ uống quốc tế ANUGA lớn nhất thế giới tại Đức.

10

Tháng 12 năm 2017, Sản phẩm quả chanh leo tươi của Nafoods Group đã chính thức được xuất khẩu sang thị trường Châu Âu. Đây là một tin vui đáng được quan tâm đối với người dân trồng chanh leo tại Mộc Châu Sơn La, các tỉnh Tây Bắc nói riêng và cả nước nói chung. Đặc biệt còn là dấu mốc quan trọng trong chiến lược kinh doanh 2017 – 2021 của Nafoods Group.

Nafoods Group là ***"1 trong 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững"*** do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD) bình chọn

Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị, TGĐ của Nafoods Group vinh dự nhận danh hiệu ***"Cúp vàng doanh nhân xứ Nghệ"*** lần thứ 6 do UBND tỉnh Nghệ An tổ chức

Anh Lê Doãn Lệ (Nhân viên Công ty Cổ phần Nafoods Group) được Trung ương Đoàn vinh danh là 1 trong 60 ***"Người thợ trẻ giỏi toàn quốc".***

Anh Hồ Đình Long (Nhân viên Công ty Cổ phần Nafoods Group) được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An trao tặng giải thưởng ***"Sáng tạo khoa học công nghệ"***

TỔNG QUAN CÔNG TY

- Thông tin chung
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- Giới thiệu ban lãnh đạo
- Định hướng phát triển

THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Nafoods Group
Tên tiếng Anh	NAFOODS GROUP JOINT STOCK COMPANY
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 2900326375
Ngày thành lập	26/08/1995
Vốn điều lệ	300,000,000,000 VNĐ
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	30,000,000 cổ phiếu
Địa chỉ	Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Số điện thoại	02383 853.322
Số fax	02383 853.902
Website	www.nafoods.com.vn
Mã cổ phiếu	NAF

nafoods group

Trọn vẹn từ thiên nhiên

Tầm nhìn

Là tập đoàn tiên phong phát triển Chuỗi giá trị nông nghiệp xanh và bền vững

Sứ mệnh

Cung cấp cho thế giới các sản phẩm nông nghiệp tự nhiên, an toàn và đem lại cuộc sống tốt đẹp cho mọi người

Giá trị văn hóa

Cam kết

Chúng tôi cam kết nỗ lực hết mình cho đến khi thành công, cam kết luôn luôn gắn bó với Tầm nhìn, Sứ mệnh và giá trị văn hóa của Nafoods Group, với đội ngũ và khách hàng của Nafoods Group.

Trung thành

Chúng tôi trước sau một lòng một dạ, giữ trọn niềm tin, giữ trọn những tình cảm gắn bó, những điều đã cam kết với sự chính trực và trách nhiệm. Chúng tôi luôn Trung thành với Tầm nhìn, sứ mệnh, Văn hóa của Nafoods Group, với đội ngũ Nafoods Group hiện tại và tương lai, với khách hàng, cổ đông và bà con Nông dân.

Chất lượng

Chúng tôi cam kết cung cấp sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn có chất lượng tốt nhất, luôn luôn chủ động nghiên cứu và đưa ra những cải tiến sản phẩm cho khách hàng, và cùng khách hàng phát triển sản phẩm mới tăng giá trị gia tăng cho khách hàng. Chúng tôi chịu trách nhiệm cao nhất đối với chất lượng sản phẩm trong thời hạn sử dụng cam kết.

Sáng tạo

Chúng tôi luôn tư duy sáng tạo và phát triển không ngừng nhằm tìm tòi và học hỏi để tìm ra ý tưởng mới, sản phẩm mới, cách giải quyết tốt nhất để đạt được hiệu quả tốt nhất cho doanh nghiệp.

Chuyên nghiệp

Chúng tôi phải tuân thủ kỷ luật, tuân thủ các quy trình, chỉn chu từ việc nhỏ nhất đến lớn nhất một cách hoàn mỹ, đảm bảo sự nhất quán, hiệu quả nhằm đem lại sự hài lòng cho nhân viên, khách hàng, cổ đông và mọi người.

Hiệu quả

Chúng tôi làm việc với 100% năng lực của mình để hoàn thành xuất sắc công việc, đem đến kết quả tốt nhất cho Phòng ban và Công ty, đồng thời sử dụng thời gian và các công cụ một cách ưu việt nhất để đạt được mục tiêu đề ra.

Bền vững

Chúng tôi luôn kiên định phát triển Công ty theo chuỗi giá trị nông nghiệp xanh bền vững từ khâu sản xuất cây giống, trồng nguyên liệu, sản xuất chế biến và bán hàng. Từ đó đem đến cuộc sống hạnh phúc, cân bằng và giá trị gia tăng cho cổ đông, người lao động, bà con nông dân.

Học hỏi và chia sẻ

Chúng tôi kiến tạo nét văn hóa học tập hiệu quả bằng sự chia sẻ kiến thức trong nội bộ. Với tinh thần sẵn sàng chia sẻ và sẵn sàng học hỏi, cả người cho và người nhận đều được nâng cao kỹ năng mềm và kiến thức chuyên môn. Chúng tôi nhận ra rằng, chỉ cần nhiệt huyết, tinh thần sẵn sàng chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và truyền cảm hứng cho người khác, thì bất kỳ ai cũng đều có cơ hội trở thành giảng viên nội bộ; Và, chỉ cần sẵn sàng học hỏi, biết lắng nghe, có tinh thần xây dựng và tính cầu thị thì môi trường làm việc nội bộ là giảng đường học tập tốt nhất cho bất kỳ ai.

Khát vọng

Chúng tôi làm việc với niềm đam mê với chuỗi giá trị nông nghiệp xanh, bền vững của Nafoods Group; khát vọng khẳng định mình và góp phần xây dựng một Nafoods Group trường tồn và phát triển.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

GIAI ĐOẠN 1995 - 1998

NĂM 1995
Ngày 26/8/1995, Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Vinh – tiền thân của Công ty cổ phần Nafoods Group được thành lập, với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất và phân phối nước giải khát.

NĂM 1996
Các sản phẩm mang thương hiệu nước giải khát Festi của Công ty TNHH Thành Vinh được đông đảo khách hàng biết đến và phân phối rộng rãi trên thị trường.

NĂM 1998
Những khó khăn bắt đầu thách thức doanh nghiệp trước làn sóng tấn công thị trường hàng tiêu dùng nội địa của các thương hiệu nước giải khát lớn trên thế giới như CocaCola, Pepsi,…

GIAI ĐOẠN 2000 - 2007

NĂM 2000
Nghiên cứu Dự án Xây dựng Nhà máy chuyên sản xuất chế biến và xuất khẩu các sản phẩm rau quả.

NĂM 2003
Nhà máy sản xuất chế biến rau quả chính thức được khánh thành và đi vào hoạt động sau 1 năm xây dựng ở xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Hệ thống dây chuyền máy móc đạt chuẩn Châu Âu với dây chuyền sản xuất nước ép trái cây.

NĂM 2007
Sau hơn 4 năm vận hành nhà máy và trung thành với sản xuất và xuất khẩu sản phẩm chủ lực: nước dứa cô đặc; công ty rơi vào tình trạng khó khăn với những cạnh tranh khốc liệt trên thị trường xuất khẩu.

GIAI ĐOẠN 2009 - 2011

NĂM 2009
Năm Nafoods Group mạnh mẽ thay đổi và tìm kiếm các cơ hội để ngoạn mục lội ngược dòng vượt qua giai đoạn khó khăn. Đây cũng là năm công ty tìm kiếm và phát triển sản phẩm mới: chanh leo

NĂM 2010
Năm đánh dấu bước nhảy vọt về doanh thu xuất khẩu của Nafoods Group, từng bước đưa công ty ra khỏi khó khăn với sản phẩm chủ đạo: chanh leo.

NĂM 2011
Ngoài sản phẩm chủ lực là chanh leo, sản phẩm Gấc cũng được đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu với hơn 100 ha diện tích đất công ty sở hữu, cung ứng nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất.

GIAI ĐOẠN 2013 - 2014

NĂM 2013
Nafoods Group đầu tư thêm dây chuyền sản xuất sản phẩm IQF, đa dạng hóa các sản phẩm và mở rộng thị trường xuất khẩu. Đây cũng là năm song song giải quyết bài toán khủng hoảng chung toàn cầu bằng những chiến lược phát triển rõ ràng.

NĂM 2014
Khu vườn ươm giống chanh leo công nghệ cao do chính công ty đầu tư chính thức đi vào hoạt động, cung ứng giống cho vùng nguyên liệu công ty sở hữu và các vùng liên kết, trọn vẹn chuỗi giá trị khép kín.

NĂM 2015

NĂM 2015
Nafoods Group đứng trước một vận hội lớn. Năm 2015 được đánh giá là năm đầy tiềm năng và cơ hội cho Nafoods Group với mục tiêu đã đạt được đó là niêm yết thành công và giao dịch chính thức cổ phiếu NAF trên sàn HOSE; năm ra quân mở rộng thị trường không chỉ thị trường xuất khẩu truyền thống mà còn phát triển thị trường nội địa với sản phẩm tiêu dùng Juice Smile mang thương hiệu Nafoods.

GIAI ĐOẠN 2016 - 2017

NĂM 2016
Hoàn thành dự án Viện giống Nafoods, khởi công dự án xây dựng Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An.

Nafoods Group vinh dự là 1 trong 100 doanh nghiệp được lựa chọn là doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam

NĂM 2017
Công suất viện giống đạt 4 triệu cây giống/năm. Các dự án mới của Nafoods Group tại Tây Nguyên, Tây Bắc cùng với việc Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An sẽ đi vào hoạt động vào tháng 4 năm 2018 sẽ mở ra rất nhiều cơ hội mới cho Nafoods Group

nafoods
group

Trọn vẹn từ thiên nhiên

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả, sản phẩm rau củ quả đông lạnh, trái cây tươi và kinh doanh giống cây trồng.

Các sản phẩm chính

Nước ép chanh leo

Sản phẩm chanh leo, cụ thể là nước ép chanh leo ngày càng được ưa chuộng không những tại các nước tiêu thụ truyền thống như Châu Âu, Mỹ mà còn phát triển mạnh ở các nước Châu Á và Trung Đông. Nafoods Group từ lâu đã xác định nước ép Chanh leo là dòng sản phẩm chủ đạo số 1 của mình bao gồm các loại:

• Nước ép Chanh leo cô đặc – đây là sản phẩm có tỷ trong Doanh thu cao nhất hiện nay;

• Nước ép Chanh leo puree – Nafoods Group sẽ đẩy mạnh sản lượng và doanh thu khi Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An đi vào hoạt động;

• Bên cạnh đó, sản phẩm dịch chanh leo có hạt – đang có xu hướng tăng mạnh tại các nước Trung Đông và Châu Á, đặc biệt là Trung Quốc

Nước ép Gấc puree

Quả Gấc Việt Nam được xếp vào loại siêu trái cây với các đặc tính đặc biệt như chứa hàm lượng beta-caroten cao gấp đôi cà rốt và hàm lượng Ly-copen cao gấp 70 lần cà chua. Nafoods Group đã sớm nắm bắt những lợi thế đặc biệt này của quả Gấc Việt Nam và đã đầu tư phát triển Gấc trở thành sản phẩm chiến lược của công ty. Hiện tại Nafoods Group đang là đơn vị xuất khẩu sản phẩm nước ép Gấc puree lớn nhất vào thị trường Mỹ.

Rau củ quả đông lạnh IQF

Bao gồm các loại rau, củ, quả chế biến cấp đông nhanh như: Chuối IQF, Thanh long đỏ IQF, Dừa IQF, Xoài IQF, Dứa IQF, Chanh leo IQF, Cà rốt IQF, Gừng IQF,… Vì tính chất đặc thù của sản phẩm, Nafoods Group đã xác định chiến lược đẩy mạnh sản lượng và doanh thu dòng sản phẩm này khi Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An đi vào hoạt động, cụ thể là các sản phẩm Xoài IQF, Thanh long đỏ IQF, Dừa IQF, Dứa IQF

Trái cây tươi

Tháng 12 năm 2017, sản phẩm quả chanh leo tươi của Nafoods Group đã chính thức được xuất khẩu sang thị trường Châu Âu. Sự kiện này đánh dấu một bước tiến quan trọng trong chiến lược kinh doanh 2017 – 2021 của Nafoods Group.

Ngoài ra, Nafoods Group cũng đang tiến hành những bước đi đầu tiên để xuất khẩu chanh leo quả tươi sang thị trường Trung Quốc, thanh long quả tươi, xoài quả tươi, v.v…Năm 2018 sẽ là một năm đầy hứa hẹn đối với mặt hàng trái cây tươi của Nafoods Group.

Cây giống chanh leo

Sản phẩm cây giống Chanh leo Đài nông 1 được Nafoods Group sản xuất và giới thiệu ra thị trường từ năm 2015, sự ra đời của sản phẩm này tạo nên vòng tròn khép kín của một chuỗi giá trị nông nghiệp dọc ở Nafoods Group. Hơn thế, sản phẩm này không những mang lại cho Nafoods Group một cơ cấu doanh thu đáng kể mà quan trọng hơn sẽ làm cầu nối là phương tiện để Nafoods Group kiểm soát và quản trị tốt vùng nguyên liệu đảm bảo nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất ổn định. Bởi vậy Nafoods Group xác định Cây giống chanh leo sẽ là sản phẩm quan trọng góp phần tạo nên sự khác biệt và phát triển bền vững của Nafoods Group.

Sản phẩm Cây giống chanh leo Đài nông 1 của Nafoods Group là sản phẩm của Viện giống Nafoods, được sản xuất trong Hệ thống nhà kính hiện đại với một quy trình khép kín, nghiêm ngặt kiểm soát tốt virus, với quy mô 5 ha, công suất 4 triệu cây/năm.

Hiện nay, Viện giống Nafoods đang phối hợp với các chuyên gia đầu ngành của Việt Nam và Đài Loan để nghiên cứu các loại cây giống chanh leo mới phù hợp với điều kiện khí hậu thổ nhưỡng của khu vực miền Bắc và miền Trung của Việt Nam, quả to hơn và có độ axit cao hơn so với loại giống hiện tại. Dự kiến Nafoods Group sẽ cung cấp giống chanh leo mới ra thị trường vào cuối năm 2018.

Địa bàn hoạt động

Vùng nguyên liệu của Nafoods Group trải dài từ Tây Bắc, các tỉnh miền Trung, các tỉnh Tây Nguyên và khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long. Với các nhà máy trong hệ thống Nafoods: Nhà máy đầu tiên tại Nghệ An, Nhà máy thứ 2 đang khởi công tại Mộc Châu, Sơn La dự kiến sẽ đi vào hoạt động vào tháng 9/2018 và Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An đi vào hoạt động vào tháng 4/2018, hệ thống Nafoods Group sẽ hợp tác làm việc với bà con nông dân, các hợp tác xã và các đối tác ở cả ba khu vực Bắc, Trung, Nam và một số đối tác lớn tại Lào.

Thị trường

Nafoods Group cũng đã chinh phục được những thị trường khó tính từ Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Đông và Úc. Hiện nay, các sản phẩm của Nafoods Group đang xuất khẩu sang hơn 60 quốc gia trên thế giới, bao gồm:

• **Châu Âu:** Hà Lan, Thuỵ Sỹ, Đức, Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ba Lan, Thuỵ Điển, Bỉ, Đan Mạch, Ý, Belarus, Nga, Lithuania, Latvia, Slovakia, Serbia, Croatia, Áo.

• **Châu Mỹ:** Hoa Kỳ, Canada, Puerto Rico, Jamaica, Brazil, Mexico, Nicaragua, Bolivia, Dominica.

• **Châu Úc:** Úc, New Zealand.

• **Châu Á:** Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Sri Lanka, Đài Loan, Singapore, Kazakhstan, Pakistan, Phillippines.

• **Châu Phi:** Nam Phi, Angeria, Senegal, Kenya, Nigeria, Camaroon, Ghana, Uganda.

• **Trung Đông:** Ai Cập, Iran, Iraq, Israel, Jordan, Kuwait, Liban, Palestine, Oman, Qatar, Ả Rập Saudi, Sudan, Syria, Các Tiểu Vương quốc ẢRập Thống nhất, Yemen, Bahrain

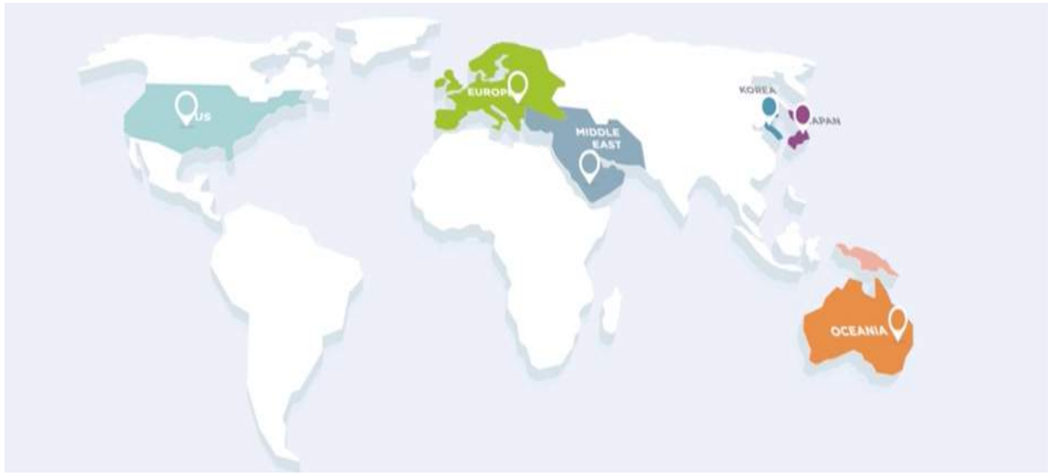

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị công ty

Công ty hoạt động theo mô hình quản trị bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Sơ đồ tổ chức

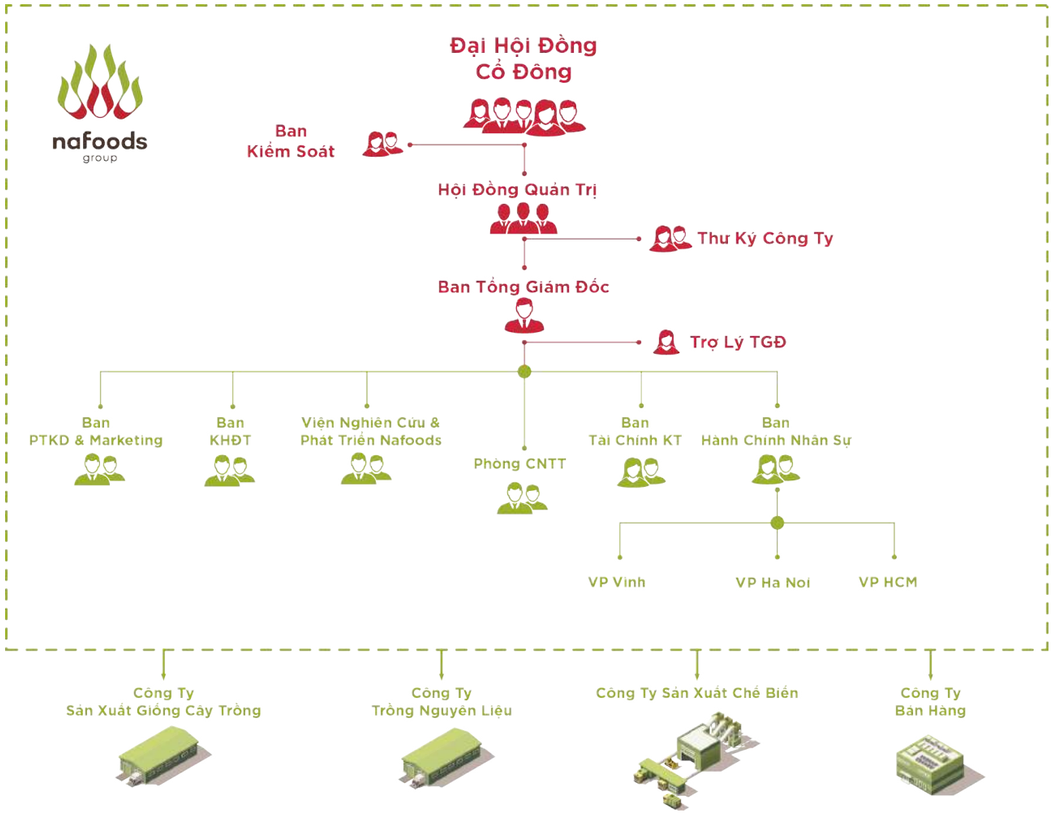

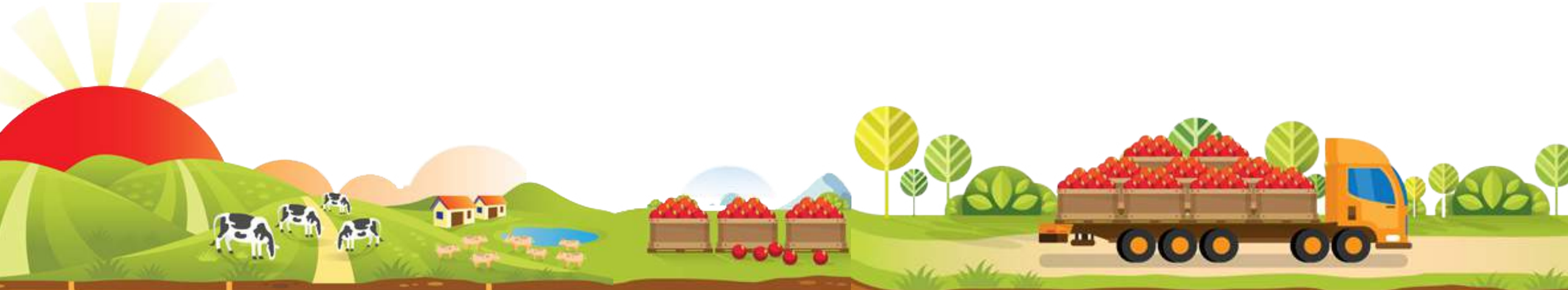

Công ty con và công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN CHANH LEO NAFOODS

Địa chỉ: Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng trọt và sản xuất giống cây trồng

Vốn điều lệ: 60 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của Nafoods Group **75,43%**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LMC

Địa chỉ: Số 162A Nguyễn Tuân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh thương mại đồ uống, thực phẩm

Vốn điều lệ: 10 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của Nafoods Group **65,00%**

CÔNG TY CỔ PHẦN GẤC TÂN THẮNG

Địa chỉ: Xã Tân Thắng, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng trọt chăn nuôi hỗn hợp, chi tiết: Trồng Gấc

Vốn điều lệ: 40 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của Nafoods Group **65,00%**

CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS MIỀN NAM

Địa chỉ: Ấp Hóc Thơm 1, Xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất chế biến các loại sản phẩm nước ép hoa quả và sản phẩm rau củ quả đông lạnh

Vốn điều lệ: 120 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của Nafoods Group **95,00%**

CÔNG TY TNHH MTV QUỐC TẾ NAFOODS

Địa chỉ: Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả và rau củ quả đông lạnh; kinh doanh giống cây trồng

Vốn điều lệ: 60 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của Nafoods Group **100%**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU QUẾ PHONG

Địa chỉ: Bản D1 Minh Châu, Xã Tri Lễ, Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng cây gia vị, cây dược liệu

Vốn điều lệ: 40 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của Nafoods Group **30,00%**

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP LA GIANG

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, Thị trấn Đức Thọ, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp

Vốn điều lệ: 40 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của Nafoods Group **30,00%**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI TÂN THẮNG

Địa chỉ: Xóm Bắc Thắng, Xã Tân Thắng, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi khác, chi tiết: chăn nuôi bò sữa và các gia súc khác

Vốn điều lệ: 20 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của Nafoods Group **5,00%**

CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS TÂY NGUYÊN

Địa chỉ: 834 Lê Duẩn, Xã Chư Á, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất giống cây trồng, Hoạt động dịch vụ trồng trọt.

Vốn điều lệ: 60 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của Nafoods Group **40,00%**

CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS PLEIKU

Địa chỉ: Số 49 Hùng Vương, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng chanh leo và kinh doanh thương mại Chanh leo quả

Vốn điều lệ: 7 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của Nafoods Group **35,00%**

CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS TÂY BẮC

Địa chỉ: Tiểu khu 84-85 Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng chanh leo và kinh doanh thương mại Chanh leo quả

Vốn điều lệ: 4 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của Nafoods Group **35,00%**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NGHỆ AN

Địa chỉ: Xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu , tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất nước ép hoa quả, rau củ quả IQF.

Vốn điều lệ: 62 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của Nafoods Group **5,00%**

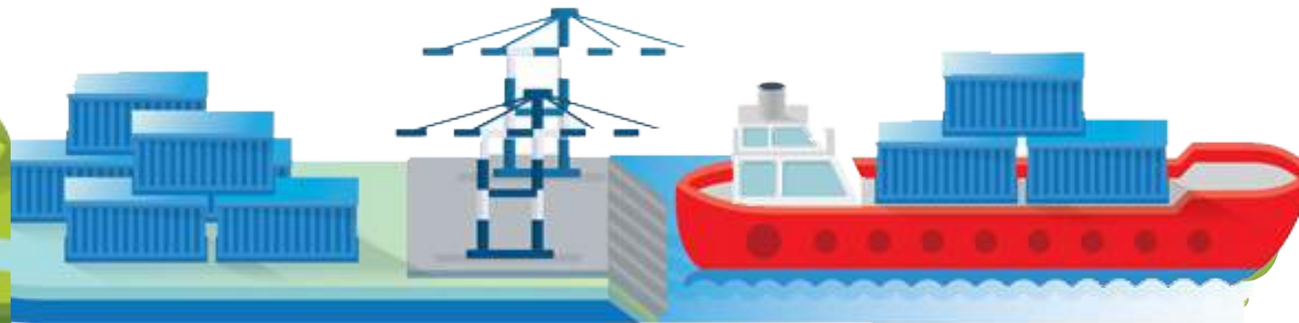

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Làm CEO khi tuổi đời còn rất trẻ, Ông là người đứng đầu, sáng lập và dẫn dắt Nafoods Group từ ngày đầu thành lập cho đến nay. Ông luôn là gương mặt tiêu biểu đảm nhiệm vai trò chủ chốt trong các hoạt động của Hội doanh nghiệp trẻ Nghệ An với vị trí chủ tịch trong 12 năm liền và là Ủy viên BCH Hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam trong nhiều khóa. Trong suốt thời gian 23 năm chèo lái con thuyền "Nafoods Group", Ông đã vinh dự dành được nhiều giải thưởng, dự án và đề tài nghiên cứu. Với niềm đam mê, khát vọng và hoài bão góp phần làm thay đổi diện mạo nên Nông nghiệp Việt Nam, trong vai trò "thuyền trưởng" của Nafoods Group, Ông đã định hướng, lãnh đạo và xác định kim chỉ nam hành động cho toàn hệ thống hoạt động theo chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín, đưa thương hiệu Nafoods khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế.

Năm sinh: 1968

Quá trình công tác

• Từ 1996 đến 1997: Giám đốc Nhà máy nước giải khát Festi

• Từ 1998 đến 2008: Chủ tịch HĐTV kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thành Vinh

• Từ 2000 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thực phẩm Nghệ An

• Từ 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần ChoaViet (tiền thân của Công ty cổ phần Nafoods Group)

• Từ 2013 đến nay: Chủ tịch HĐQTCông ty Cổ phần Chanh leo Nafoods

• Từ 2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Công ty CP Nafoods Group

• Từ 2015 đến nay: Chủ tịch công ty TNHH MTV Quốc Tế Nafoods, Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam.

• Từ 2016 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nafoods Pleiku và Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc.

Bà Phan Thị Minh Châu

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Là một trong những người thuộc thế hệ Lãnh đạo đầu tiên của Nafoods Group. Với 22 năm đồng hành cùng Nafoods Group, đã có gần 21 năm kinh nghiệm trong nhiều vai trò quản lý, Bà Phan Thị Minh Châu đã tham gia nhiều dự án và đạt được nhiều giải thưởng trong quá trình hoạt động, đặc biệt nắm giữ vai trò chủ chốt trong hệ thống với vị trí Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính kiêm Giám đốc điều hành trong nhiều năm. Bà là người đã có sự đóng góp rất lớn cùng Ban Lãnh đạo của Nafoods Group quyết tâm đưa phương pháp BSC và công cụ KPI vào áp dụng để điều hành và quản trị mục tiêu của doanh nghiệp từ năm 2014. Bà là một trong những cổ đông sáng lập của Công ty.

Năm sinh: 1972

Quá trình công tác

• Từ 1996 đến 1997: Kế toán viên Nhà máy nước giải khát Festi

• Từ 1998 đến 2008: Kế toán trưởng Công ty TNHH Thành Vinh

• Từ 2000 đến 2007: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thực phẩm Nghệ An

• Từ 2008 đến nay: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty CPTP Nghệ An

• Từ 2009 đến 2015: Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần ChoaViet (nay là Công ty Cổ phần Nafoods Group)

• Từ 2014 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Nafoods Group.

• Từ 2016 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Nafoods Tây Bắc và Công ty CP Nafoods Pleiku

Ông Nguyễn Tiến Chinh

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông là một trong những người thuộc thế hệ Lãnh đạo đầu tiên của Nafoods Group từ ngày đầu thành lập cho đến nay. Với sự thông thạo và am hiểu sâu về hoạt động sản xuất chế biến nông sản, Ông đã nắm lòng mắt xích "sản xuất chế biến" – một khâu rất quan trọng trong chuỗi giá trị của Nafoods Group. Với chiều dài 22 năm gắn bó, Ông trải qua nhiều vai trò quản lý và hiện nay đang đảm nhiệm vai trò Phó Tổng giám đốc phụ trách Sản xuất chế biến của Nafoods Group. Ông là người đã có sự đóng góp rất lớn cùng Ban Lãnh đạo quyết tâm để mắt xích sản xuất chế biến của Nafoods Group đạt các chứng chỉ khắt khe nhất, như: AIJN, Halal, Kosher, BRC, ISO 22000:2005, nhờ đó sản phẩm của Nafoods Group đã đáp ứng được các đòi hỏi của thị trường khó tính nhất trên thế giới. Hiện nay, Ông còn giữ chức vụ Bí thư Chi bộ Nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu.

Năm sinh: 1958

Quá trình công tác

• Từ 1985 đến 1996: Quản đốc phân xưởng Nhà máy phân đạm Hà Bắc

• Từ 1996 đến 1997: Phó Giám đốc Nhà máy nước giải khát Festi

• Từ 1998 đến 2008: Phó Giám đốc Công ty TNHH Thành Vinh

• Từ 2000 đến 2002: Trưởng Ban quản lý Dự án Nhà máy chế biến nước ép rau quả cô đặc 10 tấn NL/h thuộc Công ty cổ phần Thực phẩm Nghệ An

• Từ 2003 đến nay: Giám đốc sản xuất Công ty cổ phần Thực phẩm Nghệ An

• Từ 2014 đến nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất chế biến Công ty cổ phần Nafoods Group

• Từ 2015 đến nay: Giám đốc điều hành công ty CP Thực phẩm Nghệ An

Ông Lê Văn Minh

Thành viên Hội đồng quản trị

Trách nhiệm và đam mê với nền Nông nghiệp Việt Nam, chính vì vậy suốt cả sự nghiệp của mình Ông đã gắn bó và trải qua nhiều chức vụ khác nhau ở các Bộ Ngành. Ông luôn dõi theo và trân trọng mô hình Chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín của Nafoods Group, khi về nghỉ hưu Ông đã được tín nhiệm đề cử là thành viên HĐQT độc lập của Nafoods Group – một doanh nghiệp SXKD trong lĩnh vực Nông nghiệp ngay chính trên quê hương Nghệ An của Ông. Với sự am hiểu sâu rộng về ngành, Ông luôn luôn thể hiện vai trò độc lập để phản biện cũng như có những ý kiến đóng góp đầy tâm huyết, thẳng thắn và trách nhiệm vào chiến lược, mục tiêu và kế hoạch của Nafoods Group. Ông là người đã có công giới thiệu và kết nối Nafoods Group với các Viện Nghiên cứu khoa học Nông nghiệp và các Chuyên gia, các Nhà khoa học.

Năm sinh: 1948

Quá trình công tác

• Từ 1972 đến 1988: Nhân viên Vụ Khoa học – Kỹ thuật

• Từ 1989 đến 1994: Phó vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế - Bộ Thuỷ lợi

• Từ 1994 đến 10/1994: Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế - Bộ Thuỷ lợi

• Từ 10/1994 đến 10/1996: Tổng thư ký Uỷ ban Sông Mê kông Việt Nam

• Từ 1996 đến 2010: Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế - Bộ Nông nghiệp & phát triển nông thôn

• Từ 2010 đến 2012: Chủ tịch Mạng lưới nước Đông Nam Á

• Từ 2012 đến nay: Chủ tịch Mạng lưới nước Việt Nam

• Từ 2015 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nafoods Group

Ông Nguyễn Văn Bộ

Thành viên Hội đồng quản trị

Là người suốt sự nghiệp của mình tâm huyết và gắn bó với sự phát triển của Khoa học Nông nghiệp nước nhà. Ông biết đến Nafoods Group khi đang đương nhiệm chức Giám đốc Viện Khoa học Nông Nghiệp Việt Nam – Viện nghiên cứu khoa học Nông nghiệp lớn nhất Viện Nam. Ông đánh giá cao và rất tâm đắc với bản lĩnh và sự mạnh dạn của Nafoods Group khi gắn sứ mệnh của mình với một Chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín nhiều cơ hội nhưng không ít những thách thức. Năm 2014, Ông là người đã giới thiệu Nafoods Group với các Giáo sư đầu ngành về khoa học Nông nghiệp của Đài Loan làm tiền đề cho sự hợp tác chặt chẽ giữa Nafoods Group và Đại học Quốc gia Chung Hsing - Đài Loan hiện nay. Sau khi nghỉ hưu, Ông đã được tín nhiệm đề cử là thành viên HĐQT độc lập của Nafoods Group.

Năm sinh: 1954

Quá trình công tác

• Từ năm 1995 đến năm 1999: Viện trưởng Viện Thổ nhưỡng Nông hóa

• Từ năm 1999 đến 2005: Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công Nghệ, Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn

• Từ 2005 đến 2014: Giám đốc Viện Khoa học Nông Nghiệp Việt Nam

• Từ 2014 đến nay: Chủ tịch Hội đồng nghiên cứu và đào tạo, Viện Khoa học Nông Nghiệp Việt Nam

• Từ ngày 23/04/2016 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nafoods Group

Ông Johan De Geer

Thành viên Hội đồng quản trị

Là một công dân Thụy Điển, Ông De Geer có 14 năm kinh nghiệm quản lý điều hành tại các thị trường mới nổi.

Ông De Geer tốt nghiệp Thạc sỹ về Marketing và Tài chính của Trường Kinh tế Stockholm, và một bằng phụ về Kinh doanh quốc tế từ Đại học St Petersburg. Ông cũng được đào tạo về chiến lược và lãnh đạo trong vai trò là một sĩ quan trong lực lượng bộ binh của Thụy Điển sau khi tốt nghiệp với bằng khen từ trường Nordic Combat.

Kể từ khi làm Giám đốc Marketing tại nhà sản xuất thực phẩm có gắn nhãn tích hợp Chumak - hiện nay là một trong những thương hiệu tiêu dùng nổi tiếng nhất của Ukraine - ông De Geer đã có hơn 10 năm kinh nghiệm quản lý các công ty về lĩnh vực hàng tiêu dùng nhanh. Từ năm 2007 đến năm 2009, ông De Geer đã làm việc với Nhóm Tư vấn Boston ở Stockholm với vai trò là một nhà tư vấn quản lý về các dự án chiến lược trong các lĩnh vực như M&A, Due Diligence, Phát triển Tổ chức, Quản trị hệ thống/ và Tăng trưởng Doanh nghiệp.

Ông De Geer cư trú tại Việt Nam từ năm 2012 với vai trò ông là GĐ Điều hành của Oriflame - một trong những thương hiệu tiêu dùng nổi tiếng nhất với mạng lưới bán hàng bao gồm hàng chục nghìn nhà phân phối độc lập. Sau đó, ông đã cùng các cộng sự của mình sáng lập nên Endurance Capital, một công ty đầu tư hợp tác và là một trong những cổ đông lớn của Nafoods Group. Tháng 8 năm 2017, Ông đã được tín nhiệm bầu làm thành viên HĐQT của Nafoods Group.

Năm sinh: 1977

Quá trình công tác:

• 3 năm kinh nghiệm làm Quản lý tại Oriflame Việt Nam

• 3 năm kinh nghiệm làm Quản lý tại Oriflame Latvia

• 2 năm kinh nghiệm làm Tư vấn tại The Boston Consulting Group, Stockholm.

• 4 năm kinh nghiệm làm Giám đốc Marketing tại Chumak, Ukraine

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đã giới thiệu tại mục Hội đồng quản trị

Bà Phan Thị Minh Châu

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

Đã giới thiệu tại mục Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Tiến Chinh

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất

Đã giới thiệu tại mục Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Trung Kiên

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh

Là thành viên Ban Lãnh đạo trẻ tuổi nhất của Nafoods Group – với chức danh Phó Tổng giám đốc phụ trách Kinh doanh kiêm Giám đốc điều hành Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods, Ông tốt nghiệp đại học Ngoại thương Hà Nội năm 2006, với hoài bão đưa sản phẩm nông nghiệp Việt Nam chinh phục các thị trường khó tính nhất thế giới, Ông gia nhập Nafoods Group từ năm 2011 - những ngày công ty đứng trước cả vận hội và thách thức. Bằng sức trẻ, tâm huyết và niềm đam mê, Ông đã mang lại những dấu ấn trong hoạt động kinh doanh của công ty, là người đã có sự đóng góp rất lớn cùng Ban Lãnh đạo đưa sản phẩm của Nafoods Group đến với nhiều thị trường thế giới ngày một nhiều hơn, đặc biệt là các thị trường khó tính.

Năm sinh: 1984

Quá trình công tác

• Từ 2011 đến 2013: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An

• Từ 2014 - T3/2018: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Nafoods Group

• Từ 2016 - T3/2018: Giám đốc điều hành Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods

Ông Phạm Duy Thái

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nông nghiệp

Gắn bó và đam mê với hoạt động sản xuất nông nghiệp, ngay sau khi tốt nghiệp trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội vào năm 2004, Ông đã gia nhập vào Nafoods Group. Với 12 năm gắn bó, trải qua nhiều vị trí khác nhau, Ông tâm đắc với những lợi thế cạnh tranh cũng như ý thức được những thách thức mà chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín Nafoods Group đã theo đuổi, năm 2010 Ông được giao phó tiếp cận và phụ trách Dự án nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu với chuỗi giá trị cây Chanh leo của Nafoods Group được tổ chức Danida – Đan Mạch tài trợ và nhiều dự án nông nghiệp khác. Năm 2013, Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc điều hành của Công ty cổ phần chanh leo Nafoods và giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách Nông nghiệp từ năm 2014 đến nay.

Năm sinh: 1983

Quá trình công tác

• Từ 2006 đến 2008: Kế toán Tổng hợp Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An

• Từ 2008 đến 2012: Thư ký Tài chính TGĐ Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An

• Từ 2010 đến 2013: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần ChoaViet

• Từ 2013 đến nay: Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Chanh leo Nafoods

• Từ 2014 đến nay: Phó Tổng giám đốc phụ trách Nông nghiệp Công ty Cổ phần Nafoods Group.

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Phương Hồng

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1978

Quá trình công tác

• Từ năm 2003 đến năm 2004: Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần Thực Phẩm Nghệ An

• Từ năm 2005 đến 10/2015: Trưởng phòng Tài Chính – Kế toán Nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu – Công ty Cổ phần Thực Phẩm Nghệ An

• Từ 11/2015 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực Phẩm Nghệ An

• Từ 23/04/2016 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nafoods Group.

Ông Hồ Minh Tuấn

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1968

Quá trình công tác

• Từ 2002 đến 2014: Trưởng ca sản xuất Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An

• Từ 2014 đến nay: Trưởng phòng Kế hoạch vật tư Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An

• Từ 2015 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nafoods Group

Ông Hồ Quốc Công

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1981

Quá trình công tác

• Từ 2006 đến 2008: Kế toán Tổng Công ty hợp tác kinh tế Quân khu 4

• Từ 2008 đến 2011: Kế toán TH Công ty Cổ phần công nghiệp cao su COECCO

• Từ 2011 đến 2014: Phó phòng TCKT Công ty Cổ phần công nghiệp cao su COECCO

• Từ 2014 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chanh leo Nafoods

• Từ 23/04/2016 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nafoods Group

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Vị thế của Nafoods Group

Sau 23 năm hình thành và phát triển, Nafoods Group đã khẳng định được vị thế trong lĩnh vực chế biến các sản phẩm nước ép trái cây, rau củ quả đông lạnh xuất khẩu, cây giống chanh leo và trái cây tươi.

Nhà cung cấp chanh leo cô đặc lớn nhất Châu Á

Ở Việt Nam, Nafoods Group là đơn vị tiên phong và dẫn đầu trong việc sản xuất nước chanh leo cô đặc. Hiện nay, Công ty chiếm hơn 80% sản lượng nước chanh leo cô đặc sản xuất tại Việt Nam với vùng nguyên liệu rộng hơn 6.600 ha trải dài khắp các vùng miền.

Trên trường quốc tế, sản phẩm chanh leo của Nafoods Group đã chinh phục được những thị trường khó tính nhất như Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc … Hiện tại, Công ty cung cấp khoảng 8% sản lượng chanh leo cô đặc trên thế giới và là nhà cung cấp chanh leo cô đặc lớn nhất Châu Á.

Sản phẩm từ quả chanh leo tím mà Công ty cung cấp với hương vị thơm ngon và giá trị dinh hưỡng cao hơn hẳn quả chanh leo vàng của các nước Nam Mỹ đã dần dần trở nên quen thuộc và được ưa chuộng ở hơn 60 quốc gia trên thế giới.

Đơn vị duy nhất tại Việt Nam sản xuất thành công cây giống chanh leo Đài Nông 1 sạch bệnh trên quy mô lớn

Sở hữu Viện giống quy mô lớn với công suất 4 triệu cây giống/năm, Nafoods Group tự hào là đơn vị duy nhất tại Việt Nam sản xuất thành công cây giống chanh leo Đài Nông 1 sạch bệnh trên quy mô lớn, cung cấp cho vùng nguyên liệu chanh leo rộng lớn tại Việt Nam và Lào.

SWOT

Điểm mạnh:

• Nafoods Group phát triển trên mô hình chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín giúp Công ty chủ động được tất cả các khâu trong quá trình sản xuất kinh doanh từ bước tạo cây giống cho đến khi tiêu thụ các sản phẩm.

• Nafoods Group tập trung các nguồn lực để phát triển các sản phẩm mà Việt Nam và công ty có lợi thế cạnh tranh cao.

• Nafoods Group có vùng nguyên liệu rộng, trải dài ở nhiều vùng miền, trong đó có nhiều khu vực được ưu đãi về thuế.

• Dây chuyền sản xuất sản phẩm của Nafoods Group hiện đại đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt.

• Lãnh đạo và cán bộ nhân viên của Nafoods Group là những người có trình độ, kinh nghiệm cũng như có niềm đam mê trong lĩnh vực nông nghiệp để mang đến những giá trị tốt đẹp cho cộng đồng.

• Các sản phẩm của Nafoods Group đã khẳng định được chỗ đứng của mình trên trường quốc tế sau 16 năm xuất khẩu tới 60 quốc gia trên thế giới.

Cơ hội:

• Khi hậu và thổ nhưỡng nước ta đem đến nguồn nông sản đa dạng phong phú cũng như có giá trị dinh dưỡng cao. Là một doanh nghiệp đã khẳng định được tên tuổi trên trường quốc tế, Nafoods Group có nhiều thuận lợi trong việc quảng bá những sản phẩm này cho bạn bè quốc tế.

• Chính phủ luôn quan tâm, chú trọng phát triển nông nghiệp, ban hành nhiều chính sách hỗ trợ như miễn giảm thuế, hỗ trợ nghiên cứu giống cây trồng mới, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

• Nguồn nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp có chi phí thấp, giá thành nguyên vật liệu rẻ so với giá bình quân trên thế giới.

Điểm yếu:

• Nguồn vốn của Công ty còn nhỏ, so với nhu cầu của hoạt động kinh doanh ngày càng được mở rộng thì chưa kịp đáp ứng, điều này cũng ảnh hưởng lớn đến việc mở rộng và phát triển Công ty.

Thách thức

• Sản phẩm của Nafoods Group là sản phẩm nông nghiệp do vậy chịu ảnh hưởng của yếu tố thời tiết. Nhiều giai đoạn thời tiết không thuận lợi như mưa đá, gió bão có thể gây khó khăn cho năng suất cây trồng, từ đó ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu của Công ty. Cây trồng còn mang tính chất mùa vụ.

• Nguồn lao động trong lĩnh vực nông nghiệp ngày càng thu hẹp do xu hướng toàn cầu hóa. Bên cạnh đó, địa bàn hoạt động của Nafoods Group thường ở những vùng kinh tế còn khó khăn, vì vậy công tác thu hút nhân tài sẽ là một thách thức đối với Công ty.

• Ngành nông nghiệp nước ta nói chung còn tương đối manh mún, bà con nông dân canh tác chủ yếu theo kinh nghiệm vì vậy việc áp dụng khoa học kỹ thuật để tăng năng suất, giảm giá thành còn nhiều khó khăn.

Mục tiêu và chiến lược phát triển

Mục tiêu

• Doanh thu: Dự kiến doanh thu tăng trưởng bình quân mỗi năm là 35%, đến năm 2021 doanh thu đạt 1.693 tỷ đồng

• Lợi nhuận: Dự kiến lợi nhuận tăng trưởng bình quân mỗi năm là 22,5%, đến năm 2021 lợi nhuận đạt 155 tỷ đồng.

Chiến lược phát triển giai đoạn 2017 – 2021:

Nafoods Group tiếp tục duy trì và phát triển vị thế dẫn đầu về sản phẩm đối với các sản phẩm truyền thống và cốt lõi là Chanh leo, đồng thời cũng đi tiên phong trong việc phát triển sản phẩm mới và sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên, hữu cơ đạt tiêu chuẩn Quốc tế. Bên cạnh đó, Nafoods Group cũng quyết tâm trở thành nhà cung cấp xuất sắc thông qua việc duy trì và phát triển về chiều sâu thị trường truyền thống; thiết lập và phát triển các thị trường mới; duy trì các sản phẩm chế biến hiệu quả như nước ép chanh leo, gấc puree, vải cô đặc, măng cầu puree, chuối IQF, xoài IQF, dứa IQF… và phấn đấu mỗi năm cho ra thị trường tối thiểu 03 sản phẩm chế biến mới. Ngoài việc hoàn thiện, phát triển chuỗi giá trị chanh leo và gấc, chiến lược kinh doanh giai đoạn 2017 – 2021 cũng đã đưa nhiệm vụ xây dựng và phát triển thêm một số chuỗi giá trị nông nghiệp mới như bơ và gừng trở thành một trong những mục tiêu then chốt của công ty.

Việc sản xuất cây giống chanh leo mang thương hiệu Nafoods là bước đi tất yếu để tăng vị thế của Nafoods Group trong thị trường cây giống. Dự kiến cuối năm 2018, Nafoods Group sẽ cho ra đời cây giống chanh leo mới mang thương hiệu Nafoods phù hợp với điều kiện khí hậu thổ nhưỡng của khu vực miền Bắc và miền Trung của Việt Nam, quả to hơn và có độ axit cao hơn so với loại giống hiện tại; và tăng sản lượng cây giống mang thương hiệu Nafoods cung cấp ra thị trường qua từng năm.

Bên cạnh đó, Nafoods Group tập trung chú trọng đẩy mạnh xuất khẩu quả tươi, đặc biệt là chanh leo quả tươi, thanh long quả tươi, v.v… nhằm mang đến lợi nhuận gộp cao, trong đó phải kể đến chiến lược tập trung vào thị trường Trung Quốc – thị trường tiềm năng bậc nhất thế giới về nhu cầu ăn tươi. Việc xuất khẩu thành công chanh leo quả tươi cũng như phát triển sản phẩm dịch chanh leo có hạt đem đến lợi thế cho Nafoods Group khi thu mua sản phẩm đầu ra của bà con nông dân. Từ việc chỉ mua chanh loại 3 để sản xuất dịch cô đặc, hiện nay Nafoods Group có thể thu mua toàn bộ chanh leo loại 1, loại 2 và loại 3, đem đến lợi thế không nhỏ cho Nafoods Group cũng như đảm bảo một phần đầu ra cho bà con nông dân trồng chanh.

MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2021:

DOANH THU ĐẠT 1,693 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ ĐẠT 155 TỶ ĐỒNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

- Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cổ phần, cổ đông và cổ phiếu NAF

TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017

Năm 2017, tốc độ tăng tưởng GDP của Việt Nam là 6.81%. Đây là mức tăng trưởng cao nhất trong nhiều năm qua và cao hơn mức chỉ tiêu kế hoạch của Chính phủ là 6.7%. Kinh tế vĩ mô tương đối tốt với mức lạm phát thấp, tỷ giá và lãi suất được duy trì ổn định. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của nước ta trong năm qua cũng có một năm tăng trưởng mạnh mẽ. Trong đó ngành nông, lâm, thủy sản ngày càng trở thành một ngành xuất khẩu mũi nhọn với nhiều mặt hàng xuất khẩu "tỷ đô".

Năm 2017 đối với Nafoods Group bên những thuận lợi chung từ nên kinh tế thì cũng phải đối mặt với những khó khăn và thách thức. Tình hình thời tiết năm qua diễn biến khó lường, mưa lũ kéo dài ảnh hưởng tới thời vụ và năng suất của chanh leo. Bên cạnh đó, năm 2017 rơi vào chu kỳ giảm giá của sản phẩm nước ép chanh leo trên thị trường thế giới nên cũng ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty.

Trong bối cảnh đó, năm 2017 Nafoods Group vẫn kiên định với mục tiêu chiến lược của mình. Công ty đã nỗ lực nghiên cứu và phát triển các dòng sản phẩm nông nghiệp mang lại giá trị và hiệu quả cao đồng thời không ngừng duy trì và mở rộng phát triển các thị trường mới. Do đó, những kết quả đạt được năm 2017 là tương đối tốt.

519 tỷ đồng

Doanh thu thuần tăng trưởng 13%
đạt 98% kế hoạch

65 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 9%
đạt 94% kế hoạch

Kết quả sản xuất kinh doanh qua các năm

Chỉ tiêu	Đơn vị	2013	2014	2015	2016	2017	CAGR giai đoạn 2013-2017
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	147.30	292.00	530.73	460.51	519.36	37.03%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	135.54	257.82	419.37	334.58	366.47	28.23%
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	11.89	19.90	39.73	53.55	64.23	52.46%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.42	19.69	69.18	67.31	78.72	172.93%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.42	18.60	65.44	59.96	65.48	160.65%

Cơ cấu doanh thu năm 2017

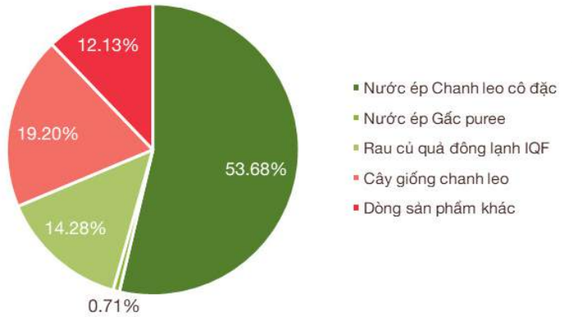

Cơ cấu doanh thu theo khu vực năm 2017

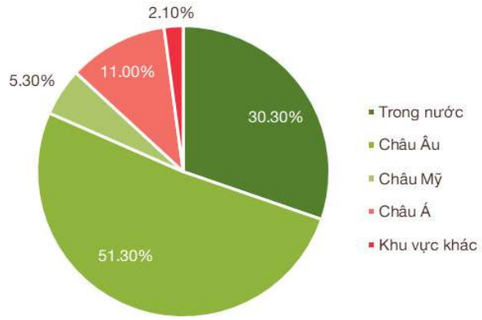

Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2017

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2017	TH năm 2017	TH 2017/KH 2017 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	528.00	519.36	98.36%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	86.00	78.72	91.54%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	70.00	65.48	93.54%
Cổ tức	%	10-12%	10%	100%

Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2017 của Công ty như sau:

• Doanh thu thuần đạt 519 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2016 và đạt 98% kế hoạch đặt ra.

• Lợi nhuận trước thuế đạt 79 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2016 và đạt 92% kế hoạch đặt ra

• Lợi nhuận sau thuế đạt 65 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2016 và đạt 94% kế hoạch đặt ra

• Mức cổ tức dự kiến năm 2017 trình ĐHĐCĐ năm 2018 thông qua là 10% đạt 100% kế hoạch đặt ra

Kết quả kinh doanh năm 2017 của Công ty tuy chưa đạt được mức kế hoạch đầu năm song vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối tốt trong năm qua. Trong đó, tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) giai đoạn 2013 – 2017 đối với doanh thu là 37% và đối với lợi nhuận sau thuế là 161%.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Những thay đổi trong Ban lãnh đạo Công ty năm 2017

Ngày 15/9/2017, Ông Johan De Geer được bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông

Lao động

Thống kê lao động năm 2017

STT	Tiêu chí	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
I	**Theo trình độ lao động**			
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	Người	108	117
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	Người	62	50
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	Người	20	20
4	Lao động phổ thông	Người	230	184
II	**Theo đối tượng lao động**			
1	Lao động trực tiếp	Người	289	258
2	Lao động gián tiếp	Người	131	113
III	**Theo giới tính**			
1	Nam	Người	230	189
2	Nữ	Người	190	182
	Tổng cộng	**Người**	**420**	**371**

Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Bộ phận gián tiếp làm việc 5,5 ngày/tuần (nghỉ chiều thứ 7 và ngày chủ nhật), 8h/ngày, nghỉ trưa 1,5h; bộ phận trực tiếp làm việc 6 ngày/tuần (nghỉ ngày chủ nhật), 8h/ngày, nghỉ trưa 1,5h. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh lao động.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Chính sách tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

Chính sách đào tạo: Lấy phương pháp thẻ điểm cân bằng BSC để điều hành doanh nghiệp, trong đó Nafoods Group tập trung vào khía cạnh gốc rễ "Học hỏi và Phát triển", vì vậy chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là đào tạo nội bộ.

Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa học trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:

Chính sách lương: Công ty áp dụng chính sách lương 3P (chính sách lương tiến bộ nhất hiện nay) để tạo động lực cho người lao động, Cụ thể:

• Lương P1: Trả theo vị trí người lao động đang nắm giữ trong doanh nghiệp, bằng cấp, thâm niên công tác.

• Lương P2: Trả theo năng lực (đánh giá định kỳ 6 tháng – 12 tháng/1 lần)

• Lương P3: Trả theo mức độ hoàn thành công việc hay trả theo hiệu quả công việc được đánh giá định kỳ tháng/ quý/ bằng công cụ KPI để quản trị mục tiêu doanh nghiệp gắn với việc quản trị chỉ tiêu trọng yếu giao đến từng phòng ban và từng cá nhân.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền mặt, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch nước ngoài khi có điều kiện, khen thưởng bằng cổ phiếu thưởng của Công ty.

Chính sách bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp BHXH, BHYT và BHTN được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết, ... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tình hình các dự án đầu tư

Trong năm 2017, Nafoods Group tiếp tục triển khai các dự án đầu tư trọng điểm, trong đó phải kể đến dự án lớn nhất: Dự án Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An

• Địa điểm: Ấp Hóc Thơm 1, Xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

• Tổng mức đầu tư ban đầu: 380 tỷ đồng

• Tổng mức đầu tư điều chỉnh hiện tại: 410 tỷ đồng

• Thời gian hoàn thành được giãn tiến độ dự kiến: tháng 4/2018

Ngoài ra, các dự án nhỏ khác cũng được triển khai thực hiện, và đem đến những tín hiệu tích cực và kết quả bước đầu cho kế hoạch sản xuất kinh doanh của Nafoods Group:

• Dự án xuất khẩu quả tươi bước đầu đạt được những thành tựu đáng khích lệ khi cuối năm 2017, những lô chanh leo quả tươi của Nafoods Group đã cập bến các quốc gia Châu Âu, cụ thể Thụy Sỹ, Pháp, Anh, v.v

• Đề tài lai tạo giống Chanh leo mới chính thức được Bộ NN & PTNT thông qua và tài trợ 4.3 tỷ đồng. Dự án xây dựng Nhà máy sơ chế quả chanh leo tươi xuất khẩu đã chính thức được Bộ NN & PTNT phê duyệt và chấp thuận tài trợ 5.3 tỷ đồng. Năm 2018 sẽ tiến hành ký kết hợp đồng, giải ngân và thực hiện đề tài/dự án này;

• Xưởng chế biến dịch chanh leo tại Pleiku thuộc Công ty Cổ Phần Nafoods Tây Nguyên đã chính thức đi vào hoạt động vào tháng 6/2017, góp phần không nhỏ vào kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ Phần Nafoods Tây Nguyên nói riêng và hệ thống Nafoods Group nói chung, đặc biệt là sản phẩm dịch xuất khẩu nguyên hạt;

• Ban PTKD & Marketing đang phối hợp với Viện NC & PT Nông nghiệp Nafoods lập báo cáo nghiên cứu khả thi một số dự án mới, dự kiến xin ý kiến của Hội đồng đầu tư trong năm 2018 để triển khai đầu tư và thực hiện.

Sau gần tròn 2 năm kể từ ngày khởi công (12/4/2016 – 4/4/2018), Nafoods Group đã tổ chức thành công Lễ khánh thành Tổ hợp sản xuất & chế biến hoa quả xuất khẩu thuộc Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam.

Kết quả hoạt động của các công ty con, công ty liên kết năm 2017

Kết thúc năm 2017, Nafoods Group có 5 công ty con và 7 công ty liên kết. Trong đó, hầu hết các công ty đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản. Vì vậy, hoạt động của các công ty này còn chưa đạt tối đa công suất và lợi nhuận đem về chưa cao.

Một góc Tổ hợp sản xuất & chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng trưởng
Tổng tài sản	Tỷ đồng	621.80	871.79	40.20%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	460.51	519.36	12.78%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	69.13	78.15	13.05%
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	-3.13	-9.12	-191.03%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	-1.82	0.57	319%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	67.31	78.72	16.95%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	59.96	65.48	9.20%

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Các chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	(2017)-(2016)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	2.21	2.12	-0.09
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	2.01	1.92	-0.09
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	31.40%	44.92%	13.52%
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	45.78%	81.55%	35.77%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	9.34	8.06	-1.27
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0.74	0.60	-0.14
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ DTT	%	13.02%	12.61%	-0.41%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	14.06%	13.64%	-0.42%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	9.64%	7.51%	-2.13%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/DTT	%	15.01%	15.05%	0.04%

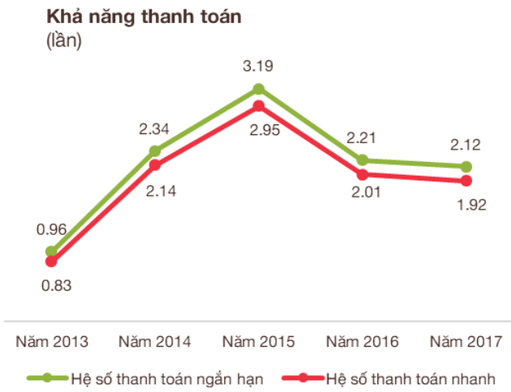

Cả hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều giảm trong năm qua do công ty tăng vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động phục vụ việc thu mua nguyên liệu (vay ngắn hạn tăng 31 tỷ đồng - tương đương 22%). Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 2.12 lần giảm 0.09 lần so với năm 2016. Hệ số thanh toán nhanh đạt 1.92 lần giảm 0.09 lần so với năm 2016. Cả hai hệ số này giảm tuy nhiên vẫn xấp xỉ ở mức 2 cho thấy khả năng thanh toán các khoản phải trả ngắn hạn của công ty cơ bản được đảm bảo.

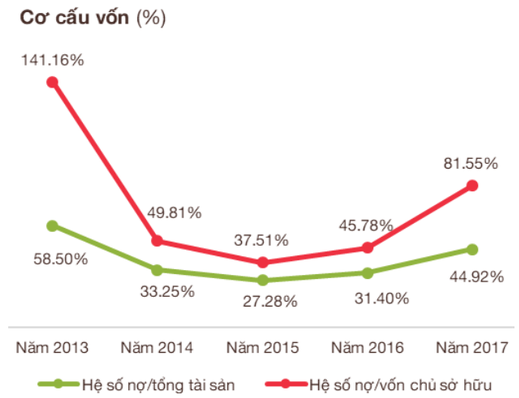

Cơ cấu vốn của công ty đang có xu hướng tăng tỷ trọng của các khoản nợ. Các hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu đều tăng trong năm 2017 do nợ dài hạn tăng mạnh (đạt 118 tỷ đồng gấp 21 lần so với năm 2016) chủ yếu để phục vụ cho dự án xây dựng "Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu" tại tỉnh Long An. Hệ số nợ /tổng tài sản năm 2017 là 44.92% tăng 13.52% so với năm 2016. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu năm 2017 là 81.55% tăng 35.77% so với năm 2016

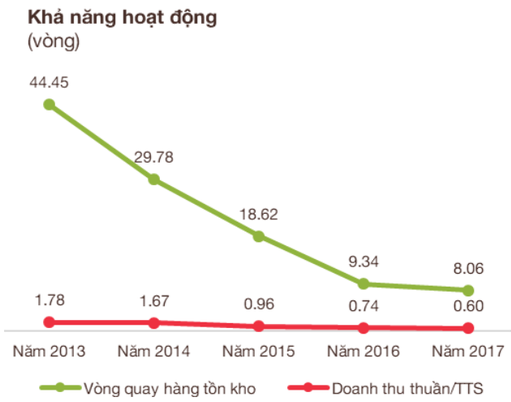

Vòng quay hàng tồn kho năm 2017 đạt 8.06 lần, giảm 1.27 lần so với năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu là do hàng tồn kho năm 2017 của công ty tăng mạnh (15 tỷ đồng – 40%)

DTT/Tổng TS năm 2017 đạt 0.6 lần, giảm 0.14 lần so với năm 2016 do tốc độ tăng trưởng của doanh thu không theo kịp tốc độ tăng trưởng của tổng tài sản.

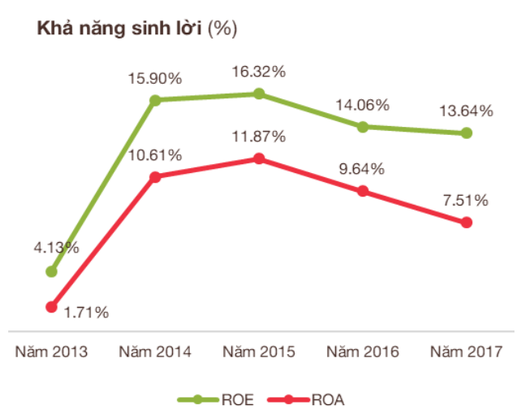

Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần của công ty vẫn tương đối tốt: đạt 15.05% trong năm 2017 và đều tăng trong giai đoạn 2013-2017. Điều nay cho thấy hiệu quả của hoạt động sản xuất của công ty đang được cải thiện. Trong khi đó, các hệ số LNST/DTT, ROE, ROA lại có xu hướng giảm từ năm 2015 trở về nay do công ty đang triển khai đầu tư các dự án mới.

CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHIẾU NAF

Cổ phần

Tính đến hết ngày 31/12/2017, Công ty Cổ phần Nafoods Group đã phát hành 30,000,000 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phần phổ thông: 30,000,000 cổ phiếu
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành: 30,000,000 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 đồng

Trong năm 2017, công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ

Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	**Cổ đông Nhà nước**	-	-
2	**Cổ đông lớn (sở hữu ≥ 5% vốn CP)**	**10,022,840**	**33.41%**
	- Trong nước	7,500,000	25.00%
	- Nước ngoài	2,522,840	8.41%
3	**Cổ đông khác**	**19,977,160**	**66.59%**
	- Trong nước	18,300,170	61.00%
	- Nước ngoài	1,676,990	5.59%
	Tổng cộng	**30,000,000**	**100.00%**

Dựa trên danh sách cổ đông chốt ngày 15/08/2017

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ đông	Tỷ lệ (%)
1	**Cổ đông trong nước**	**435**	**86.00%**
	- Tổ Chức	0	0
	- Cá nhân	435	86.00%
2	**Cổ đông nước ngoài**	**16**	**14.00%**
	- Tổ chức	9	13.82%
	- Cá nhân	7	0.18%
	Tổng cộng	**451**	**100.00%**

Dựa trên danh sách cổ đông chốt ngày 15/08/2017

Cơ cấu cổ đông

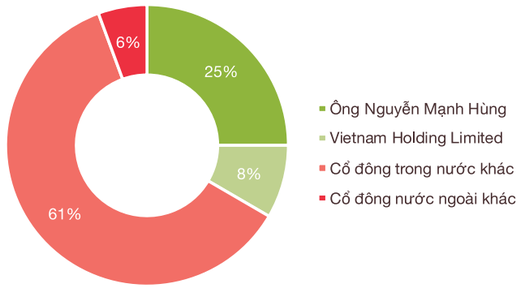

Lịch sử tăng vốn
(tỷ đồng)

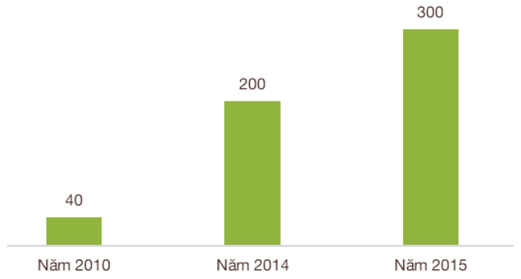

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL (%)
1	Nguyễn Mạnh Hùng	182134923	18/03/2009	7,500,000	25.00%
2	Vietnam Holding Limited	CS1077	29/05/2006	2,522,840	8.41%

Theo Báo cáo Danh sách cổ đông Nhà nước, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược và cổ phiếu quỹ năm 2017

Lịch sử tăng vốn

Năm	Vốn điều lệ (đồng)	Nội dung tăng vốn
2010	40,000,000,000	Cổ phần hóa
2014	200,000,000,000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu 1,600,000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng.
2015	300,000,000,000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu 1,000,000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng

Trong năm 2017, Công ty không thực hiện tăng vốn

Cổ phiếu NAF (biểu đồ giá cổ phiếu NAF trong năm 2017)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá tổng quát kết quả kinh doanh năm 2017
- Phân tích kết quả kinh doanh năm 2017
- Tình hình tài chính
- Kế hoạch hoạt động năm 2018

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017

Doanh thu

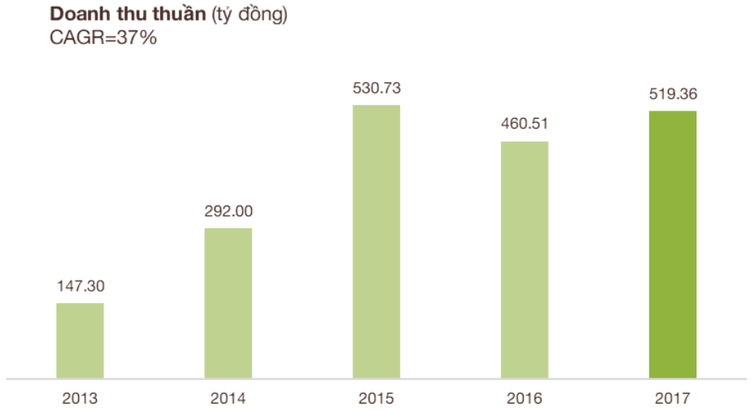

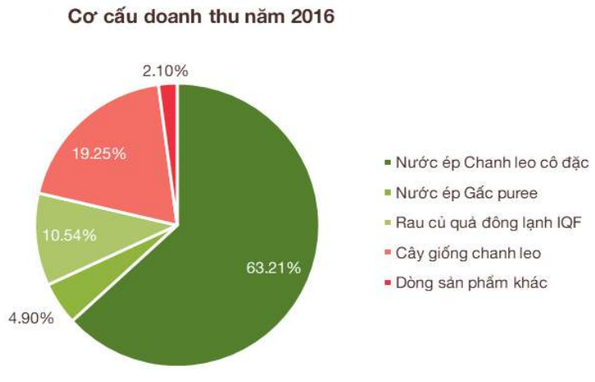

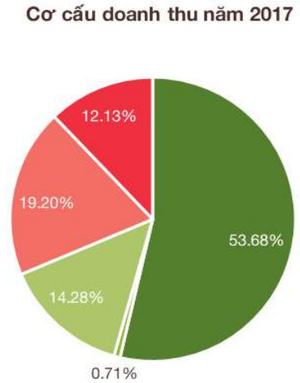

Giai đoạn 2013 – 2017, Doanh thu thuần của Công ty đạt tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) là 37%. Năm 2017, Doanh thu thuần đạt 519 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2016. Trong đó, ghi nhận sự tăng trưởng của doanh thu các dòng sản phẩm Rau củ qua đông lạnh IQF, cây giống chanh leo và các sản phẩm khác. Trong khi đó, doanh thu Nước ép chanh leo cô đặc và Nước ép Gấc Puree giảm nhẹ trong năm qua. Cụ thể như sau:

• Doanh thu Nước ép chanh leo cô đặc năm 2017 đạt 279 tỷ đồng, giảm nhẹ 4% so với mức 291 tỷ đồng năm 2016.

• Doanh thu Nước ép quả Gấc Puree giảm 84% so với năm 2017, đạt gần 4 tỷ đồng (năm 2016 là gần 23 tỷ đồng)

• Doanh thu từ các Rau củ quả đông lạnh IQF năm 2017 đạt 74 tỷ đồng, tăng 53% so với mức 49 tỷ đồng năm 2016

• Doanh thu từ Cây giống chanh leo năm 2017 đạt gần 100 tỷ đồng, tăng 13% so với mức 87 tỷ đồng năm 2016

• Doanh thu các dòng sản phẩm khác (chủ yếu là từ hoạt động thương mại) tăng mạnh trong năm qua. Doanh thu các dòng sản phẩm khác đạt 63 tỷ đồng trong năm 2017, tăng 549% so với năm 2016.

Xét về cơ cấu doanh thu chi tiết, kết quả kinh doanh năm 2017 tiếp tục phản ánh rõ cơ cấu đặc trưng trong hoạt động kinh doanh của Nafoods Group. Theo đó, những dòng sản phẩm chiến lược, hiệu quả cao trong chuỗi giá trị của Nafoods Group vẫn chiếm tỷ trọng cao. Cụ thể, doanh thu của Nước ép chanh leo cô đặc tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất – chiếm 54% tổng doanh thu thuần. Đứng thứ 2 là tỷ trọng sản phẩm cây giống chanh leo – chiếm 19% tổng doanh thu thuần. Đứng thứ 3 là tỷ trọng Rau củ quả đông lạnh IQF – chiếm 14% tổng doanh thu thuần. Phần còn lại là các dòng sản phẩm khác.

Lợi nhuận gộp

Tương tự như doanh thu thuần, hai dòng sản phẩm đạo của công ty là Nước ép chanh leo cô đặc và Cây giống chanh leo vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu lợi nhuận gộp, lần lượt là 47% và 43%. Trong khi đó, các cấu lợi nhuận gộp các dòng sản phẩm khác không có sự thay đổi nhiều.

Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2017

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2017	TH năm 2017	TH 2017/KH 2017 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	528.00	519.36	98.36%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	86.00	78.72	91.54%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	70.00	65.48	93.54%
Cổ tức	%	10-12%	10%	100%

Kết quả thực hiện kế hoạch đầu năm của Công ty như sau:

• Doanh thu thuần đạt 519 tỷ đồng, bằng 98% kế hoạch

• Lợi nhuận trước thuế đạt 79 tỷ đồng, bằng 92% kế hoạch

• Lợi nhuận sau thuế đạt 65 tỷ đồng, bằng 94% kế hoạch

• Mức cổ tức dự kiến năm 2017 là 10%, đạt kế hoạch đặt ra đầu năm.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty là tương đối tốt. Tuy nhiên kết quả này nhìn chung vẫn chưa đạt được như mức kỳ vọng đầu năm. Việc này là do một số nguyên nhân chính sau: Thứ nhất, năm 2017 là năm giảm giá theo chu kỳ của sản phẩm nước ép chanh leo trên thế giới vì vậy ảnh hưởng lớn đến doanh thu của Công ty. Thứ hai, trong năm qua Công ty tập trung nguồn lực để hoàn thành dự án trọng điểm là Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An. Bước sang năm 2018, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng chắc chắn rằng: khi Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An hoàn thiện và đi vào hoạt động thì doanh thu và lợi nhuận của Nafoods Group sẽ có bước phát triển mạnh mẽ.

PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017

Nước ép chanh leo cô đặc – Dòng sản phẩm chủ đạo

Nước ép chanh leo cô đặc	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	291.08	278.78	-4.23%
Giá vốn	Tỷ đồng	234.28	206.75	-11.75%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	56.80	72.03	26.82%
Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	19.51%	25.84%	32.41%

279 tỷ đồng

Doanh thu nước ép chanh leo cô đặc giảm 4% so với năm 2016

Nước ép chanh leo cô đặc là sản phẩm đầu ra cuối cùng trong một chuỗi giá trị khép kín của Nafoods Group từ khâu nghiên cứu sản xuất cây giống, phát triển vùng trồng nguyên liệu, đưa vào sản xuất chế biến sâu cho đến khâu tiêu thụ. Hiện nay, vùng nguyên liệu công ty khai thác rộng khắp đất nước từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung, Tây Nguyên và miền Tây Nam Bộ. Với dây chuyền sản xuất hiện đại, công suất 5,000 tấn sản phẩm/năm (tính riêng cho Nhà máy Nghệ An), đảm bảo những tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt nhất, sản phẩm Nước ép chanh leo cô đặc của Công ty đã chinh phục thị trường hơn 60 quốc gia trên giới.

Năm 2017, Doanh thu sản phẩm Nước ép chanh leo cô đặc đạt gần 279 tỷ đồng, giảm nhẹ 4% so với năm 2016. Nguyên nhân chính là do 2017, sản phẩm nước ép chanh leo trên thế giới rơi vào chu kỳ giảm giá khiến doanh thu của Công ty cũng giảm theo. Tuy nhiên, lợi nhuận gộp của sản phẩm này năm 2017 lại tăng mạnh, đạt 72 tỷ đồng tương đương tăng gần 27%. Nguyên nhân là do những năm qua, Nafoods Group đã phát triển được vùng nguyên liệu rộng khắp giúp Công ty chủ động được nguyên liệu đầu vào cũng như giảm được chi phí.

Cơ cấu doanh thu sản phẩm chanh leo cô đặc theo thị trường xuất khẩu

Doanh thu chanh leo cô đặc theo khu vực	Tỷ đồng	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng trưởng
Châu Âu	Tỷ đồng	254.67	237.52	-6.74%
Châu Mỹ	Tỷ đồng	10.87	17.18	58.03%
Châu Á	Tỷ đồng	19.59	19.53	-0.30%
Úc	Tỷ đồng	5.94	4.54	-23.53%
Tổng cộng	**Tỷ đồng**	**291.08**	**278.78**	**-4.23%**

Cây giống chanh leo - Dòng sản phẩm hiệu quả cao

Cây giống chanh leo	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	88.64	99.73	12.51%
Giá vốn	Tỷ đồng	33.93	34.31	1.14%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	54.71	65.41	19.56%
Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	61.72%	65.59%	6.27%

100 tỷ đồng

Doanh thu cây giống chanh leo tăng 13% so với năm 2016

Cây giống là một sản phẩm quan trọng trong chuỗi giá trị nông nghiệp mà Nafoods Group hiện đang hướng tới. Chính vì vậy, Công ty xác định việc đầu tư nghiên cứu sản phẩm cây giống mới và kiểm soát chất lượng cây giống là chiến lược để đảm bảo sản phẩm cây giống của Nafoods Group luôn khỏe, sạch bệnh và phù hợp với điều kiện tự nhiên của Việt Nam.Hiện tại, sản phẩm cây giống chanh leo Đài Nông 1 do Nafoods Group sản xuất đã được cung cấp cho các vùng nguyên liệu khắp mọi miền đất nước.. Điều này vừa giúp đem lại doanh thu cho Công ty, vừa đảm bảo được chất lượng quả chanh leo nguyên liệu trước khi đưa vào chế biến. Không những thế, năm 2017, Viện giống Chanh leo sạch bệnh đi vào hoạt động ổn định với công suất tối đa 4 triệu cây giống/năm, không những cung cấp cho thị trường trong nước và còn xuất khẩu cây giống sang Lào. Doanh thu và lợi nhuận gộp sản phẩm này năm qua đều tăng trưởng tốt: Doanh thu cây giống chanh leo năm 2017 đạt gần 100 tỷ đồng, tăng gần 13% so với năm 2016; Lợi nhuận gộp năm 2017 đạt 65 tỷ đồng, tăng gần 20% so với năm 2016. Sản phẩm Cây giống chanh leo tiếp tục là sản phẩm có hiệu quả cao nhất trong các dòng sản phẩm của Công ty khi tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu thuần năm 2017 tiếp tục tăng lên 66% (năm 2016 là 62%)

Rau củ quả đông lạnh IQF – Tiềm năng phát triển mạnh mẽ

Rau củ quả đông lạnh IQF	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	48.52	74.18	52.89%
Giá vốn	Tỷ đồng	39.45	63.91	62.00%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	9.07	10.27	13.26%
Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	18.69%	13.84%	-25.92%

74 tỷ đồng

Doanh thu Rau củ quả đông lạnh IQF tăng 53% so với năm 2016

Các sản phẩm Rau củ quả đông lạnh IQF của Công ty được sử dụng công nghệ hiện đại đến từ Đức đảm bảo thời gian cấp đông nhanh, khi giã đông các sản phẩm vẫn giữ được hương vị tươi ngon. Một số sản phẩm IQF tiêu biểu như: Xoài IQF, dứa IQF, dừa IQF,...

Năm 2017, các sản phẩm Rau củ quả đông lạnh IQF tăng trưởng tương đối tốt và đứng thứ 3 trong tỷ trọng doanh thu cũng như lợi nhuận của Công ty: Doanh thu dòng sản phẩm này năm 2017 đạt 74 tỷ đồng, tăng gần 53% so với năm 2016, Lợi nhuận gộp đạt hơn 10 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2016.

Bước sang năm 2018, Khi Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An đi vào hoạt động sẽ tác động tích cực đến năng suất chế biến hoa quả của Nafoods Group nói chung và các sản phẩm IQF nói riêng. Không những thế, nhà máy mới có ưu thế về địa lý - gần vựa hoa quả lớn nhất Việt Nam sẽ đem lại hiệu quả cao hơn trong quá trình sản xuất khi giảm thiểu khoảng cách vận chuyển, đảm bảo chất lượng và nguồn nguyên liệu đa dạng phong phú.

Tiêu chuẩn chất lượng và an toàn thực phẩm toàn cầu đối với thực phẩm bán lẻ.

Hệ thống kiểm soát chất lượng nước ép, đảm bảo nguyên liệu quốc tế.

Chứng chỉ HALAL

Chứng chỉ Do thái KOSHER

Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm

Nước ép Gấc puree

Nước ép Gấc puree	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	22.56	3.68	-83.70%
Giá vốn	Tỷ đồng	18.41	3.06	-83.30%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	4.15	0.61	-85.30%
Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	18.39%	16.75%	-8.92%

Gấc là trái cây có nguồn gốc từ Việt Nam, đặc biệt phù hợp với khi hậu và thổ nhưỡng ở các tỉnh miền Bắc và miền Trung nước ta. Sản phẩm Gấc của Việt Nam có hàm lượng lycopene và beta-carotene vượt trội so với sản phẩm của các nước khác trong khu vực. Xác định các sản phẩm từ Gấc của nước ta có nhiều lợi thế cạnh tranh, trong những năm vừa qua Nafoods Group đã xúc tiến thương mại xuất khẩu sản phẩm nước Gấc Puree sang thị trường Mỹ cho khách hàng dưới hình thức bán thành phẩm.

Năm 2017, doanh thu sản phẩm nước Gấc Puree của Công ty giảm do khách hàng tạm ngừng mua đến hết tháng 3 năm 2018 để tập trung nghiên cứu các dòng sản phẩm tiêu dùng mới từ Gấc puree, đây là nguyên nhân khiến doanh thu và lợi nhuận của sản phẩm từ gấc giảm trong năm qua.

Nafoods Group xác định trong tương lai gần, Gấc vẫn là sản phẩm chiến lược có tính cạnh tranh cao. Tuy nhiên Nafoods Group sẽ tập trung nghiên cứu các dòng sản phẩm cuối cùng là nước uống bổ dưỡng từ Gấc kết hợp với nhiều loại siêu hoa quả phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc và Châu Âu để xuất khẩu và một phần phục vụ nhu cầu người tiêu dùng trong nước.

Các sản phẩm khác – Doanh thu tăng mạnh

Các dòng sản phẩm khác	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	9.71	63.00	548.78%
Giá vốn	Tỷ đồng	8.51	58.45	586.25%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	1.20	4.55	279.10%
Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	12.36%	7.00%	-43.30%

Doanh thu các sản phẩm khác năm 2017 của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động thương mại (mua bán nông sản) vì vậy biên lợi nhuận không cao. Doanh thu các sản phẩm khác đạt 63 tỷ đồng - tăng 549%, lợi nhuận gộp đạt 2.53 tỷ đồng – tăng 279,10%.

Cuối năm 2017, mặt hàng quả Chanh leo tươi của Nafoods Group đã chính thức xuất khẩu những lô hàng đầu tiên sang Châu Âu. Sự kiện quan trọng này hứa hẹn sẽ mang đến những tiềm năng để đưa sản phẩm này của Công ty tiếp cận các thị trường khó tính khác cũng như đem lại nguồn doanh thu và lợi nhuận trong tương lai.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

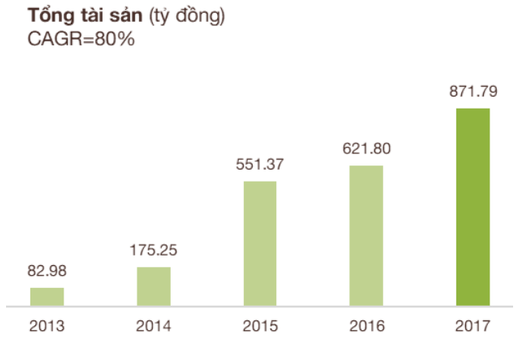

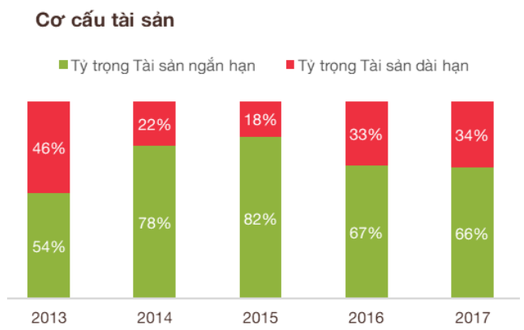

Tổng tài sản của Công ty năm 2017 đạt 872 tỷ đồng, tăng 40% so với năm 2016. Tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) giai đoạn 2013 – 2017 của tổng tài sản là 80%. Cơ cấu tài sản giữ ở mức ổn định trong năm 2016 và 2017, tài sản dài hạn của Công ty vẫn chiếm khoảng 1/3 tổng tài sản.

Tài sản ngắn hạn:

Tài sản ngắn hạn năm 2017 đạt 579 tỷ đồng tăng 38% so với năm 2016. Trong đó đang chú ý, Các khoản phải thu ngắn hạn năm 2017 tăng hơn 176 tỷ đồng tương đương 57%. Nguyên nhân là do hai lý do sau: Thứ nhất, các khoản phải thu khách hàng tăng 72 tỷ (46%) do Công ty áp dụng chính sách trả chậm đối với khách hàng (cả sản phẩm cây giống cũng như các sản phẩm xuất khẩu). Thứ hai, trả trước cho người bán ngắn hạn cũng tăng 51 tỷ đồng (77%) do Công ty phải ứng trước tiền mua một số máy móc, trang thiết bị cho Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An.

Cơ cấu tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn năm 2017 đạt 293 tỷ đồng, tăng 45% so với năm 2016. Nguyên nhân tăng chủ yếu là do đây là giai đoạn đầu tư xây dựng Dự án Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An.

Tình hình nguồn vốn

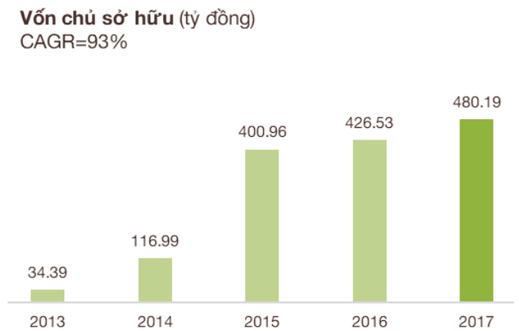

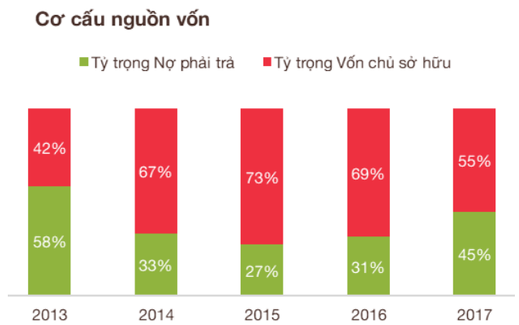

Cơ cấu nguồn vốn của Công ty từ năm 2015 – 2017 có xu hướng tăng tỷ trọng của nợ phải trả do công ty tiến hành huy động vốn để đầu tư dự án tại Long An. Vốn chủ sở hữu năm 2017 đạt 480 tỷ đồng, tăng tưởng 13% so với năm 2016. Tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) giai đoạn 2013 – 2017 của Vốn chủ sở hữu đạt 93%. Nợ phải trả năm 2017 tăng 101% đạt gần 392 tỷ đồng. Trong đó, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty năm 2017 đạt 273 tỷ đồng tăng 44% chủ yếu là do Công ty vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động. Nợ phải trả dài hạn năm 2017 tăng mạnh, đạt 118 tỷ đồng tương đương tăng 2.050% so với năm 2016 do phát sinh khoản vay dài hạn của Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An để đầu tư cho dự án Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An.

Đánh giá khác

Ảnh hưởng của biến động lãi suất vay

Trong hai năm trở lại, để bổ sung vốn lưu động và đặc biệt là tài trợ cho hoạt động đầu tư tại dự án Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An, Công ty đã sử dụng nhiều hơn nguồn vốn vay từ ngân hàng. Điều này làm cho chi phí lãi vay tăng lên và phần nào ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá mặt bằng lãi suất trong những năm qua cơ bản được duy trì ở mức thấp và ổn định nên sẽ là điều kiện tốt cho Công ty trong việc tiếp cận nguồn vốn này, phục vụ sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư.

Ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự ảnh hưởng lớn bởi các biến động của tỷ giá hối đoái do gần 70% doanh thu của Công ty đến từ xuất khẩu. Năm 2017, Tỷ giá Việt Nam đồng so với các ngoại tệ chính được Ngân hàng Nhà nước duy trì ổn đinh, tạo điều kiện cho hoạt động xuất khẩu của Công ty.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Năm 2018 tiếp tục là một năm bản lề của Nafoods Group khi Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu chính thức đi vào hoạt động vào tháng 4 năm 2018. Đây là năm thứ hai thực hiện kế hoạch 5 năm (2017-2021) phát triển theo chiến lược lấy chuỗi giá trị nông nghiệp xanh và khép kín cạnh tranh toàn cầu làm trọng tâm để phát triển bền vững. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc xác định mục tiêu nhiệm vụ năm 2018 như sau:

Về sản phẩm:

• Năm 2018, Nafoods Group tiếp tục dẫn đầu Việt Nam về thị phần nước chanh leo cô đặc xuất khẩu;

• Tiếp tục phát triển mạnh các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao như chanh leo quả tươi, thanh long quả tươi, dịch đóng túi nhỏ, dịch chanh leo xuất khẩu, v.v;

• Tập trung công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, khai thác ít nhất 3 sản phẩm mới mỗi năm;

• Nâng cao chất lượng cây giống hiện tại, tiếp tục nghiên cứu phát triển giống mới mang thương hiệu Nafoods và bắt đầu cung cấp cho thị trường vào cuối năm 2018;

Về thị trường:

• Đối với sản phẩm nước ép trái cây và trái cây đông lạnh: Duy trì tốt các thị trường sẵn có như Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, v.v và tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm của Nafoods Group trên các thị trường này, đặc biệt là các sản phẩm có giá trị gia tăng cao; Tiếp tục tấn công mạnh vào thị trường Trung Quốc, Trung Đông và Đông Âu;

• Đối với sản phẩm trái cây tươi: tăng cường sản lượng xuất vào thị trường Châu Âu, tiếp tục khai thác các thị trường mới, đặc biệt là thị trường Trung Quốc;

• Đối với sản phẩm cây giống: Đẩy mạnh công tác bán giống trực tiếp tới tận tay người dân, kết hợp với các chương trình khuyến khích và quản lý các đại lý phân phối gắn với chiến lược quản trị và phát triển vùng nguyên liệu. Tiếp tục tăng cường đẩy mạnh bán giống vào thị trường Tây Bắc, miền Trung, Tây Nguyên và Lào.

Về quản trị, nhân sự:

• Áp dụng triệt để hệ thống KPI/BSC quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời quản trị kế hoạch hành động nhằm đem lại hiệu quả cao nhất; Tập trung thu hút, tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực quản lý;

• Tăng cường công tác thu hút, tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự chất lượng cao, đặc biệt là các vị trí quản lý, đồng thời chú trọng công tác đào tạo đội ngũ nhân sự kế cận.

Về việc thực hiện các dự án:

• Quyết tâm đưa dự án Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An đi vào hoạt động vào tháng 4 năm 2018, vận hành ổn định và hiệu quả;

• Quyết tâm bám sát tiến độ thực hiện dự án nghiên cứu giống chanh leo mới để chính thức cung cấp giống mới mang thương hiệu Nafoods vào cuối năm 2018;

• Tiếp tục tiến hành nghiên cứu khả thi Dự án Chanh chua và Dự án bơ để sẵn sàng triển khai.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá chung về nền kinh tế và ngành nông nghiệp
- Đánh giá các mặc hoạt động của công ty
- Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Tình hình tài chính
- Kế hoạch năm 2018

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ NỀN KINH TẾ VÀ NGÀNH NÔNG NGHIỆP

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2017 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi, các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu đạt mức tăng trưởng khả quan. Hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt cùng với niềm tin của người tiêu dùng tăng lên là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Tuy nhiên, xu hướng gia tăng của chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch cùng những thay đổi về địa chính trị, chính sách thương mại của một số nước lớn đang là những thách thức đối với kinh tế nước ta. Trong bối cảnh đó, Chính Phủ đã có những chỉ đạo hết sức quyết liệt, kịp thời và vẫn kiên định với mục tiêu tăng trưởng đã đề ra đầu năm.

Những kết quả thu được là tương đối khả quan: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6.81% so với năm 2016, là mức tăng trưởng cao nhất trong nhiều năm qua và cao hơn mức kế hoạch đầu năm là 6.7%. Kinh tế vĩ mô ổn định với mức lạm phát được duy trì ở mức hợp lý. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 213,77 tỷ USD, tăng 21,1% so với năm trước, đây là mức tăng cao nhất trong nhiều năm qua.

Trong bối cảnh đó, GDP của ngành nông nghiệp nước ta cũng tăng 2,07% (năm 2016 tăng 0,72%), cho thấy dấu hiệu phục hồi của ngành nông nghiệp sau những ảnh hưởng nặng nề của thiên tai năm 2016, xu hướng chuyển đổi cơ cấu sản phẩm trong nội bộ ngành theo hướng đầu tư vào những sản phẩm có giá trị kinh tế cao đã mang lại hiệu quả. Bên cạnh những kết quả đạt được, sản xuất nông nghiệp trong năm 2017 của Việt Nam cũng gặp nhiều khó khăn do chịu ảnh hưởng của thời tiết biến đổi bất thường, bão, mưa lớn gây ngập úng, vỡ đê bao tại một số địa phương phía Bắc và hiện tượng lũ sớm ở Đồng bằng sông Cửu Long ảnh hưởng đến tiến độ, diện tích và năng suất cây trồng. Cùng chung với đà tăng của kim ngạch hàng hóa xuất khẩu, tính chung cả năm 2017, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa nhóm hàng nông, lâm sản cũng đạt 19,8 tỷ USD, tăng 9% và chiếm 9,3% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu.

Các chuyên gia đánh giá rằng, xuất khẩu năm 2017 là một lĩnh vực đặc biệt, có tốc độ tăng trưởng ngoạn mục trong bối cảnh Việt Nam có sự điều chỉnh giảm xuất khẩu về tài nguyên, chất lượng của tăng trưởng xuất khẩu, trong đó ngành nông nghiệp xuất siêu khoảng 7 tỷ USD đã cho thấy doanh nghiệp Việt Nam đang đi đúng hướng khi đầu tư vào nông nghiệp và coi trọng chất lượng thay vì chạy theo số lượng. Cụ thể hơn, nhóm hàng nông nghiệp công nghệ cao như một điểm nhấn thành công bước đầu của tái cơ cấu nông nghiệp., khu vực nông nghiệp năm qua tăng trưởng với sự bứt phá ngoạn mục hơn hẳn 2016 cho dù thiên tai và biến đổi khí hậu. Có thể nói, ấn tượng kinh tế năm nay là xuất khẩu, thể hiện ở việc không chỉ đạt được mức tăng trưởng vượt rất xa so với mục tiêu 10% để đạt 21,1% mà đằng sau con số ấy còn có hai điểm nhấn. Một là sự vươn lên của khu vực doanh nghiệp trong nước trong xuất khẩu. Hai là tăng trưởng xuất khẩu một số mặt hàng nông sản xuất khẩu, đặc biệt là một số loại thủy sản, rau quả.

Theo Tổng cục thống kê

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết quả thực hiện kế hoạc năm 2017

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2017	TH năm 2017	TH 2017/KH 2017 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	528.00	519.36	98.36%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	86.00	78.72	91.54%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	70.00	65.48	93.54%
Cổ tức	%	10-12%	10%	100%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Một số kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm qua như: Doanh thu thuần đạt 519 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2016 và đạt 98% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế đạt 65 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2016 và đạt 94% kế hoạch. Đây là kết quả đạt khá sát so với mức kế hoạch và rất đáng ghi nhận trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh chung gặp nhiều khó khăn và sự cạnh tranh đến từ các đối thủ trên thị trường, đặc biệt sự tăng trưởng doanh thu các dòng sản phẩm chủ đạo là rất đáng khích lệ. Cụ thể:

• Nước quả chanh leo cô đặc đông lạnh: mặc dù doanh thu năm 2017 giảm 4% so với năm 2016, nhưng lợi nhuận gộp lại tăng trưởng khá tốt với mức tăng 27% so với năm 2016;

• Rau củ quả IQF: mức tăng doanh thu đáng ghi nhận, tăng 53% so với năm 2016;

• Cây giống chanh leo đạt được sự tăng trưởng vững chắc cả về doanh thu và lợi nhuận gộp, doanh thu cây giống chanh leo năm 2017 tăng 13% so với năm 2016, lợi nhuận gộp tăng 20% so với năm 2016.

Hoạt động quản trị và tổ chức nhân sự

• Hoàn thành Dự án xét soát Bản kế hoạch chiến lược phát triển 5 năm (giai đoạn 2017-2021);

• Hoàn thiện mô hình quản trị phù hợp với chiến lược phát triển, tiếp tục áp dụng và không ngừng cải thiện hệ thống phương pháp BSC - KPI một cách khoa học và có hiệu quả nhất để phát triển cân bằng, quản trị tốt mục tiêu và đo lường hiệu quả công việc của Người lao động.

Hoạt động nghiên cứu phát triển

• Viện NC & PT Nông nghiệp Nafoods và Ban PTKD & Marketing chính thức đi vào hoạt động ổn định và hiệu quả, đạt được những kết quả bước đầu đáng khích lệ. Đơn cử Viện NC & PT Nông nghiệp Nafoods đã và đang phối hợp chặt chẽ với Công ty Cổ Phần Chanh leo Nafoods trong việc nghiên cứu lai tạo giống mới, cùng Công ty Cổ Phần Chanh leo Nafoods và Công ty Cổ Phần Nafoods Tây Nguyên bảo vệ thành công đề tài lai tạo giống chanh leo mới và Dự án xây dựng Nhà máy sơ chế quả chanh leo tươi xuất khẩu; Ban PTKD & Marketing đã xuất khẩu thành công những lô chanh leo quả tươi đầu tiên, hoạt động Marketing đi vào hoạt động bài bản và chuyên nghiệp;

• Công ty Cổ Phần Chanh leo Nafoods chính thức được công nhận là doanh nghiệp ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, đem đến những lợi thế về thuế, các chính sách ưu đãi, hình ảnh,v.v cho công ty nói riêng cũng như hệ thống Nafoods Group nói chung;

• Dự án nghiên cứu giống chanh leo mới đang được tiến hành thuận lợi, dự kiến cuối năm 2018, Nafoods Group sẽ cung cấp cho thị trường giống chanh leo mới mang thương hiệu Nafoods.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Những mặt làm được

Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã tiếp thu và tuân thủ một cách nghiêm túc những chỉ đạo từ các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT để triển chỉ đạo hoạt động SXKD của Công ty.

Năm 2017 quả thực là 1 năm khó khăn của ngành nông nghiệp Việt Nam, rất nhiều công ty trong cùng ngành gặp khó khăn dẫn đến bị thua lỗ. Trong hoàn cảnh khó khăn chung đó cùng với việc ngày càng nhiều đối thủ cạnh tranh xuất hiện trên thị trường, Ban Tổng Giám đốc Nafoods Group vẫn vững vàng chỉ đạo công ty hoàn thành tốt nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh, và đã đạt được tương đối kết quả đặt ra từ đầu năm 2017 (doanh thu đạt 98% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 94% so với kế hoạch).

Trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc đã tiếp tục áp dụng và không ngừng cải tiến hệ thống quản trị theo phương pháp BSC - KPI một cách khoa học và có hiệu quả nhất sau một thời gian đưa vào vận hành và áp dụng. Đặc biệt, Công ty đã hoàn thiện Bản kế hoạch chiến lược trong giai đoạn 5 năm 2017 – 2021 với tôn chỉ "kiên định, tập trung và bền vững" tạo sức bật cho một chiến lược dài hạn tiếp theo.

Vào tháng 11 năm 2017, Ban Giám đốc Nafoods Group đã ký hợp đồng với ActionCOACH - tổ chức Huấn luyện Doanh nghiệp toàn cầu với 25 năm kinh nghiệm trên 60 quốc gia - và cử một Team (do Tổng Giám đốc làm trưởng team) tham gia huấn luyện tại Hà Nội. Việc tham gia huấn luyện giúp Nafoods Group phát triển đội ngũ nhân sự có năng lực (trước hết là các thành viên thuộc Team huấn luyện) làm việc hiệu quả mang lại lợi nhuận cho công ty. Tạo điều kiện cho Công ty hiểu rõ phát triển đội ngũ nhân sự được hiểu không chỉ gồm định hướng và đào tạo mà còn giúp khai mở những khả năng tiềm ẩn bên trong của nhân viên. Từ đó giúp cải thiện các mối quan hệ trong công việc và hỗ trợ với sự linh hoạt và khả năng thích ứng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Kết quả bước đầu của việc tham gia huấn luyện được phản ánh rõ nét trong quá trình xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và KPI năm 2018 (Team huấn luyện ứng dụng sáng tạo những kiến thức trong qua trình tham gia huấn luyện vào thực tiễn xây dựng kế hoạch), cũng như các buổi đào tạo về kỹ năng/nâng cao chất lượng công việc trong hệ thống Nafoods Group.

Những mặt chưa làm được & Nguyên nhân

Công tác thu hút Nhân sự cao cấp và đào tạo nhân sự kế cận đã được Ban TGĐ quan tâm, tuy nhiên công tác tuyển dụng, thu hút nhân tài và đào tạo nhân sự kế cận trong năm 2017 chưa thực sự hiệu quả. Nguyên nhân chính của việc này chính là khâu tuyển dụng đầu vào chưa thực sự kỹ càng và Công ty chưa có chiến lược sử dụng và đào tạo nhân sự cao cấp và nhân sự kế cận hiệu quả.

Hoạt động kiểm soát nội bộ chưa được thực hiện đồng bộ và thường xuyên. Nguyên nhân chủ yếu là do công tác lập kế hoạch và sắp xếp thời gian để thực hiện công tác kiểm soát nội bộ trong hệ thống chưa thực sự được chú trọng.

KẾ HOẠCH NĂM 2018

- Doanh thu: 750 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế: 75 tỷ đồng
- Hoàn thành các hạng mục công việc còn tồn đọng theo Nghị quyết của 2017
- Thực hiện các nội dung tại Kế hoạch hoạt động trong năm 2018 của Báo cáo Ban TGĐ ở trên.

HĐQT tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát Ban TGĐ triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT nhằm đạt được các mục tiêu định hướng của Công ty năm 2018. Bên cạnh đó, HĐQT sẽ theo sát diễn biến của nền kinh tế trong nước và thế giới, chủ động phân tích, nắm bắt tình hình để có những nhận định đúng đắn từ đó kịp thời đưa ra những quyết sách phù hợp nhằm chỉ đạo Ban TGĐ tổ chức thực hiện nhiệm vụ tốt nhất.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Lương, thù lao của Ban lãnh đạo
- Các giao dịch
- Tăng cường quản trị công ty
- Quản trị rủi ro

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT	7,500,000	25.00%
2	Bà Phan Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch HĐQT	1,440,000	4.80%
3	Ông Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên HĐQT	5,000	0.0167%
4	Ông Nguyễn Văn Bộ	Thành viên HĐQT	-	-
5	Ông Lê Văn Minh	Thành viên HĐQT	-	-
6	Ông Johan De Geer	Thành viên HĐQT	-	-

Hoạt động của hội đồng quản trị năm 2017

Để phục vụ cho việc hoàn thành chiến lược kinh doanh giai đoạn 2017- 2021 và đáp ứng yêu cầu quản trị trong tình hình mới, Hội đồng quản trị Nafoods Group quyết định xin ý kiến ĐHĐCĐ và đã được thông qua việc bổ sung thêm ông Johan De Geer vào HĐQT, nâng tổng số thành viên HĐQT Nafoods Group lên thành 06 thành viên.

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nafoods Group đã tiến hành 09 cuộc họp HĐQT để thảo luận và thông qua các nội dung quan trọng trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.

STT	Họ và tên	Chức danh	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự buổi họp
1	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT	9/9	100%	
2	Bà Phan Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch HĐQT	9/9	100%	
3	Ông Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên HĐQT	9/9	100%	
4	Ông Nguyễn Văn Bộ	Thành viên HĐQT	9/9	100%	
5	Ông Lê Văn Minh	Thành viên HĐQT	9/9	100%	
6	Ông Johan De Geer	Thành viên HĐQT	2/9	22,22%	Thành viên HĐQT bổ sung từ ngày 15/9/2017

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong năm:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2017/NQ-HĐQT	14/07/2017	Tăng tỷ lệ vốn chủ sở hữu của Công ty CP Nafoods Group tại Công ty CP Nafoods Miền Nam từ 65% lên 95%
2	01B/2017/NQ-HĐQT	23/03/2017	Thảo luận và thống nhất chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017
3	02/2017/NQ-HĐQT	12/04/2017	Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 của Công ty CP Nafoods Group
4	03/2017/NQ-HĐQT	27/05/2017	- Phê duyệt chiến lược kinh doanh của Công ty giai đoạn 2017-2021 - Thành lập Viện nghiên cứu chanh leo và cây Nông nghiệp Nafoods và Ban phát triển kinh doanh trực thuộc Công ty CP Nafoods Group.
5	04/2017/NQ-HĐQT	19/07/2017	Lựa chọn Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam là đơn vị kiểm toán lại Báo cáo tài chính năm 2016, soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2017 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 cho Công ty Nafoods Group.
6	06/2017/NQ-HĐQT	28/08/2017	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017
7	08/2017/NQ-HĐQT	14/09/2017	- Thông qua việc thoái vốn toàn bộ tại Công ty cổ phần Nafoods Pleiku - Ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện các công việc liên quan tới việc thoái vốn tại Công ty cổ phần Nafoods Pleiku
8	09/2017/NQ-HĐQT	07/11/2017	- Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu, trả cổ tức năm 2015 - Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) - Thông qua quy chế phát hành cổ phiếu - Thông qua danh sách người lao động được tham gia chương trình lựa chọn người lao động
9	10/2017/NQ-HĐQT	28/12/2017	- Thông qua việc sửa đổi Nghị quyết HĐQT về vấn đề nguồn vốn phát hành cổ phiếu chia cổ tức năm 2015 và phát hành ESOP. - Thông qua ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT tiến hành các thủ tục để triển khai phương án phát hành

Hoạt động của Thành viên hội đồng quản trị độc lập.

Hiện nay, Công ty có 02 thành viên Hội đồng quản trị độc lập là ông Lê Văn Minh và ông Nguyễn Văn Bộ. Hai thành viên độc lập của Nafoods Group từng giữ những vị trí quan trọng trong Bộ NN & PTNT và Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam nên có nhiều bề dày kinh nghiệm và tâm huyết với hoạt động sản xuất nông nghiệp của Công ty.

Trong năm 2017, thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có những đóng góp tích cực vào hoạt động của HĐQT nói riêng và Công ty nói chung.

Các tiểu ban trực thuộc HĐQT: không có

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2017, HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm thuộc phạm vi chức năng và nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

HĐQT thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc và làm việc trực tiếp với Ban Tổng giám đốc theo các nội dung mà HĐQT xét thấy cần thiết để chủ động chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Cụ thể như sau:

• Xây dựng kế hoạch kinh doanh, triển khai đồng bộ đến các công ty trong hệ thống Nafoods Group, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, dự báo thị trường, xây dựng các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

• Thường xuyên và đột xuất kiểm tra hoạt động, kiểm tra công tác tài chính kế toán, kiểm tra tính tuân thủ của Ban điều hành và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Công ty và các Công ty trong hệ thống Nafoods Group.

• Thực hiện đánh giá năng suất lao động theo KPI nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, năng suất lao động và kết quả kinh doanh.

• Triển khai thực hiện các quy chế trong mọi hoạt động của Nafoods Group.

•Với mục đích đa dạng hóa sản phẩm cũng như phát triển và tạo ra nhiều giống cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế, vào đầu năm 2017 HĐQT chỉ đạo thành lập và đưa vào hoạt động Viện nghiên cứu phát triển Nafoods và Ban phát triển kinh doanh đi vào hoạt động. Đây được coi là chiến lược quan trọng của Công ty, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường kinh doanh, đem lại lợi nhuận và nâng cao vị thế của Công ty trên trường quốc tế.

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Nguyễn Thị Phương Hồng	Trưởng BKS	10,000	0,0333%
2	Ông Hồ Quốc Công	Thành viên BKS	5,000	0,0167%
3	Ông Hồ Minh Tuấn	Thành viên BKS	3,000	0.01%

Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017

Trong năm 2017, BKS đã thực hiện 3 phiên họp với 100% số lượng thành viên tham dự. Ngoài ra các thành viên BKS còn thường xuyên trao đổi công việc qua điện thoại, email, … để làm rõ những vấn đề chuyên môn liên quan và giải quyết kịp thời các công việc đột xuất.

STT	Họ và tên	Chức danh	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự buổi họp
1	Bà Nguyễn Thị Phương Hồng	Trưởng BKS	3/3	100%	
2	Ông Hồ Quốc Công	Thành viên BKS	3/3	100%	
3	Ông Hồ Minh Tuấn	Thành viên BKS	3/3	100%	

Kết quả hoạt động giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGĐ và cổ đông.

Kiểm soát công tác quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh sản xuất của HĐQT và Ban điều hành đã tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết HĐQT. Đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh được triển khai theo đúng mục tiêu chiến lược kế hoạch đã đưa ra trong các kỳ Đại hội và các cuộc họp của HĐQT.

Các vấn đề mang tính chiến lược hoặc vấn đề lớn của Công ty đều được HĐQT thông qua các cuộc họp HĐQT và nhận được sự thống nhất rất cao từ các thành viên HĐQT, ngày 14/7/2017 HĐQT thống nhất tăng tỷ lệ vốn chủ sở hữu của Công ty CP Nafoods Group tại Công ty CP Nafoods Miền Nam từ 65% lên 95%; ngày 12/4/2017 triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 của Công ty CP Nafoods Group đúng Luật doanh nghiệp; ngày 27/5/2017 HĐQT phê duyệt chiến lược kinh doanh của Công ty giai đoạn 2017-2021 và thành lập viện nghiên cứu chanh leo và cây Nông nghiệp Nafoods & ban phát triển kinh doanh trực thuộc Công ty CP Nafoods Group; và một số chiến lược, vấn đề quan trọng khác như báo cáo của HĐQT đã nêu.

Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Kiểm soát Báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội cổ đông thường niên.

Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của

Đại hội cổ đông. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác SXKD, công tác đầu tư và một số công tác khác của Công ty.

Đối với cổ đông Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Kiến nghị của BKS

Để Công ty CP Nafoods Group hoàn thành các chỉ tiêu năm 2018 được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

• Tiếp tục nâng cao vai trò của Hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định, giảm thiểu sai sót, nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong sản xuất kinh doanh;

• Tăng cường công tác quản lý và điều hành, khai thác hiệu quả các dự án đầu tư trong đó Dự án Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An là trọng điểm.

• Trong công tác điều hành, Ban Tổng Giám đốc cần có biện pháp để nâng cao khả năng thanh toán cho Công ty, quản lý tốt lượng tiền mặt và tài sản ngắn hạn sao cho vừa đảm bảo tỷ lệ thanh khoản hợp lý, vừa không gây lãng phí cho công ty.

• Đẩy mạnh công tác đào tạo, huấn luyện và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty.

• Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban kiểm soát theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa, hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính.

• Thường xuyên phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể, công đoàn chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.

Phương hướng hoạt động của BKS đối với 2018

Trong năm 2018, Ban kiểm soát tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau:

• Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

• Thực hiện thẩm định các báo cáo tài chính, hoạt động kinh doanh, triển khai các dự án đầu tư của Công ty. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban TGD trình Đại hội cổ đông.

• Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ban TGĐ nếu xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

LƯƠNG, THÙ LAO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Thu lao của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (đồng)
1	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT	72,000,000
2	Bà Phan Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch HĐQT	60,000,000
3	Ông Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên HĐQT	48,000,000
4	Ông Nguyễn Văn Bộ	Thành viên HĐQT	48,000,000
5	Ông Lê Văn Minh	Thành viên HĐQT	48,000,000
6	Ông Johan De Geer	Thành viên HĐQT	16,000,000
	Tổng Cộng		**292,000,000**

Thù lao của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (đồng)
1	Bà Nguyễn Thị Phương Hồng	Trưởng BKS	36,000,000
2	Ông Hồ Quốc Công	Thành viên BKS	24,000,000
3	Ông Hồ Minh Tuấn	Thành viên BKS	24,000,000
	Tổng Cộng		**84,000,000**

Tổng lương và các khoản lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Năm 2016 (đồng)	Năm 2017 (đồng)
Tất cả các thành viên Ban Tổng Giám đốc	1,936,984,595	3,190,815,757

CÁC GIAO DỊCH

Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và Người liên quan đến Người nội bộ: Không có

Giao dịch, hợp đồng của Công ty với người có liên quan

• Ngày 13/01/2017 Công ty Cổ phần Nafoods Group nhận chuyển nhượng 3.600.000 cổ phần (Ba triệu sáu trăm nghìn cổ phần), tương ứng 36.000.000.000 đồng (Ba mươi sáu tỷ đồng chẵn), từ Ông Nguyễn Mạnh Hùng – cổ đông của Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam – Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nafoods Group, tăng sở hữu tại Nafoods Miền Nam từ 65% lên 95%.

• Ngày 20/12/2017 Công ty Cổ phần Nafoods Group nhận chuyển nhượng 626.000 cổ phần (Sáu trăm hai mươi sáu nghìn cổ phần), tương ứng 14.147.600.000 đồng (Mười bốn tỷ một trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn) từ Ông Nguyễn Mạnh Hùng – cổ đông của Công ty Cổ phần Chanh leo Nafoods – Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nafoods Group, tăng sở hữu tại Công ty Cổ phần Chanh leo Nafoods từ 65% lên 75,43%.

TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đào tạo về quản trị công ty

Vấn đề quản trị Công ty được HĐQT, ban Tổng giám đốc hết sức quan tâm, tạo điều kiện cho các thành viên trong ban điều hành được tham gia các chương trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng quản trị Công ty. Trong đó, nổi bật nhất là các chương trình đào tạo sau:

Chương trình huấn luyện doanh nghiệp Action-COACH

ActionCOACH Business Coaching là tổ chức Huấn luyện Doanh nghiệp toàn cầu hoạt động với mục đích tạo ra nhiều lợi nhuận và thời gian hơn cho chủ doanh nghiệp. Với 25 năm kinh nghiệm trên hơn 60 quốc gia, ActionCOACH hướng đến mục tiêu giúp các chủ doanh nghiệp có nhiều thời gian hơn, đội ngũ nhân viên tốt hơn và kiếm được nhiều lợi nhuận hơn với phương pháp không chỉ huấn luyện chủ doanh nghiệp mà còn yêu cầu họ thực hiện tất cả chiến lược kinh doanh cần thiết để đảm bảo cho sự phát triển ổn định và lâu dài của doanh nghiệp.

Năm 2017, Nafoods Group đã ký hợp đồng với ActionCOACH và cử một Team (do Tổng Giám đốc làm trưởng team) tham gia huấn luyện tại Hà Nội. Việc tham gia huấn luyện giúp Nafoods Group phát triển đội ngũ nhân sự có năng lực (trước hết là các thành viên thuộc Team huấn luyện) làm việc hiệu quả mang lại lợi nhuận cho công ty. Tạo điều kiện cho Công ty hiểu rõ phát triển đội ngũ nhân sự được hiểu không chỉ gồm định hướng và đào tạo mà còn giúp khai mở những khả năng tiềm ẩn bên trong của nhân viên. Từ đó giúp cải thiện các mối quan hệ trong công việc và hỗ trợ với sự linh hoạt và khả năng thích ứng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Kết quả bước đầu của việc tham gia huấn luyện được phản ánh rõ nét trong quá trình xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và KPI năm 2018 (Team huấn luyện ứng dụng sáng tạo những kiến thức trong qua trình tham gia huấn luyện vào thực tiễn xây dựng kế hoạch), cũng như các buổi đào tạo về kỹ năng/nâng cao chất lượng công việc trong hệ thống Nafoods Group.

Cùng với sự đồng hành của nhà huấn luyện doanh nghiệp, Nafoods Group mong muốn toàn thể CBCNV trong hệ thống gia tăng động lực và kỹ năng làm việc năng suất hơn để luôn đạt và vượt kết quả sản xuất kinh doanh cũng như có cuộc sống tốt đẹp hơn.

Đào tạo hệ thống quản lý

Hệ thống quản lý giúp cho đội ngũ quản lý nắm một cách hệ thống hơn đồng thời giúp cho các vị trí nhân sự mới của công ty tiếp cận nắm bắt hệ thống quản lý của công ty. Ban lãnh đạo Nafoods Group đã tiếp cận nắm bắt, hiểu rõ về hệ thống; vận hành các công cụ quản lý một cách thuần thục; chủ động đưa ra các hoạt động cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống.

Nafoods Group đang ngày càng chuẩn hóa lại mô hình quản trị công ty và hệ thống quản lý, bao gồm nguyên tắc quản trị doanh nghiệp và cơ cấu tổ chức, thiết kế hệ thống tiêu chí phục vụ đánh giá kết quả công việc, đánh giá năng lực cho cán bộ nhân viên Công ty và hệ thống trả lương 3P.

Tuân thủ quy định về quản trị công ty

Năm 2017, Công ty tiếp tục tuân thủ tốt các quy định hiện hành về quản trị công ty đối với công ty niêm yết. Bao gồm:

• Công bố thông tin: Năm 2017, Công ty thực hiện tương đối tốt các quy định về công bố thông tin, đảm bảo công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời tới UBCK Nhà nước, Sở GDCK TP. HCM cũng như trên website Công ty. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 của Công ty sau khi được kiểm toán lại đã nhanh chóng được công bố trên thị trường và được ĐHĐCĐ bất thường năm 2017 thông qua. Cũng trong năm 2017, Công ty hướng tới nâng cao chất lượng Báo cáo thường niên cả về mặt nội dung cũng như hình thức bảo cáo nhằm truyền tải tốt hơn thông tin đến các cổ đông cũng như cộng đồng nhà đầu tư.

• Tổ chức Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 của Công ty được tổ chức thực hiện đúng trình tự, thủ tục.

• Cập nhật các quy định mới về quản trị công ty: Năm 2017, Chính ban hành Nghị định số 71/2017/NĐ-CP về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và sau đó là Thông tư số 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Quản trị sản xuất

Hiện nay, Nafoods Group đang thực hiện quản trị sản xuất bằng hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn ISO 22000:2005, Tiêu chuẩn AIJN, Tiêu chuẩn BRC, Halal, Kosher

Hiện quả thực hiện:

• Quản lý hoạt động theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005 và tiêu chuẩn BRC giúp Công ty kiểm soát hiệu quả công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm thỏa mãn nhu cầu khách hàng và các thị trường khó tính.

• Việc áp dụng tiêu chuẩn ISO 22000:2005 và BRC tạo uy tín của Công ty và góp phần cho việc hợp tác lâu dài giữa Công ty và khách hàng cũng như các tổ chức liên quan đến sản xuất, chế biến, vận chuyển, bao gói, lưu kho, cung cấp thiết bị & dịch vụ... thực phẩm nhằm hỗ trợ cho việc trao đổi thông tin và kinh nghiệm về việc thống nhất hóa các chuẩn mực quốc tế về an toàn thực phẩm.

• Hệ thống tài liệu, hồ sơ được sắp xếp và kiểm soát chặt chẽ giúp việc sử dụng thuận tiện và nhanh chóng, khắc phục những thiếu sót trong quá trình giải quyết công việc.

• Lãnh đạo Công ty và tập thể cán bộ, công nhân viên các đơn vị đã và đang tham gia tích cực trong việc xây dựng, áp dụng và duy trì HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005 và BRC vào hoạt động sản xuất ngày càng hiệu quả.

Kế hoạch cải tiến

• Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và ý thức về sự tuân thủ cho đội ngũ công nhân viên thực hiện công tác quản lý, vận hành hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005, BRC và các tiêu chuẩn khác đặc biệt là các nhân viên mới.

• Cải tiến một số quy trình, hạng mục công việc, cơ sở hạ tầng đã không phù hợp với tiêu chuẩn hiện hành.

Quản lý kế hoạch sản xuất – kinh doanh:

Hiện tại Công ty áp dụng công cụ quản lý BSC/KPI để quản lý kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, theo bộ công cụ này nhân sự Công ty được quản trị:

• Từ mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức Công ty xác định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, phòng ban.

• Từ ma trận chức năng xây dựng hệ thống bản mô tả công việc cho từng cá nhân

• Từ chiến lược của Công ty xây dựng hệ thống đánh giá hiệu quả theo mục tiêu (BSC): hệ thống chỉ tiêu công ty => Hệ thống chỉ tiêu bộ phận => Hệ thống chỉ tiêu cá nhân

• Xây dựng hệ thống đánh giá BSC/KPI

• Từ năng lực cốt lõi của tổ chức xây dựng hệ thống đánh giá năng lực cán bộ công nhiên viên

• Áp dụng mô hình trả lương, thưởng cho người lao động theo vị trí công việc, năng lực cá nhân, mức độ hoàn thành mục tiêu, kế hoạch cá nhân nhằm đảm bảo sự công bằng và tạo động lực cho người lao động, thúc đẩy hoàn thành mục tiêu của tổ chức.

Ứng dụng Công nghệ thông tin

Hiệu quả thực hiện

• Áp dụng các phần mềm hỗ trợ công việc như: phần mềm kế toán online của FAST, các sản phẩm phần mềm kê khai thuế, bảo hiểm, hải quan do Nhà nước triển khai.

• Xây dựng các hệ quản trị cơ sở dữ liệu hướng tới áp dụng công nghệ lưu trữ điện toán đám mây trên các server. Đưa kế hoạch áp dụng các sản phẩm phần mềm bản quyền từ Google: hệ thống Email, hệ thống họp trực tuyến, ..., xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi cây trồng.

Kế hoạch cải tiến:

• Xây dựng hệ thống họp trực tuyến

• Chuyển đổi hệ thống email và triển khai môi trường cộng tác (office 365 hoặc Google app)

• Lắp đặt hệ thống camera

• Nâng cấp hệ thống mạng LAN

• Xây dựng hệ thống công cụ phục vụ vận hành và kiểm soát quy trình bằng Excel

• Trang bị bổ sung, nâng cấp thiết bị văn phòng cho các công ty thành viên Quý

• Xây dựng Data Center dựa trên công nghệ điện toán đám mây (Thuê cơ sở hạ tầng máy chủ)

•Nâng cấp đồng bộ đường truyền Internet

Quản trị mục tiêu và điều hành doanh nghiệp bằng phương pháp quản lý hiện đại

Áp dụng Thẻ điểm cân bằng (BSC) để quản trị mục tiêu và điều hành hệ thống

Ý thức được để một chuỗi giá trị dọc đặc biệt là chuỗi giá trị nông nghiệp phát triển bền vững là một thách thức lớn đối với người Lãnh đạo.

Nafoods Group hiểu rằng yếu tố "cân bằng" sẽ góp phần rất quan trọng để hướng tới sự phát triển bền vững. Bởi vậy, cách đây 6 năm, Nafoods Group đã tiếp cận và ứng dụng phương pháp Thẻ điểm cân bằng để quản trị mục tiêu và điều hành toàn hệ thống.

Ở Nafoods Group, bốn khía cạnh Tài chính, Khách hàng, Quy trình nội bộ, Học tập – Phát triển của Thẻ điểm cân bằng được cấu trúc xuyên suốt từ Sứ mệnh, Các giá trị văn hóa, Tầm nhìn, Chiến lược và Kế hoạch của tổ chức thông qua Bản đồ chiến lược; được áp dụng xuyên suốt từ công ty Mẹ đến các công ty thành viên, từ cấp Lãnh đạo cao nhất đến nhân viên.

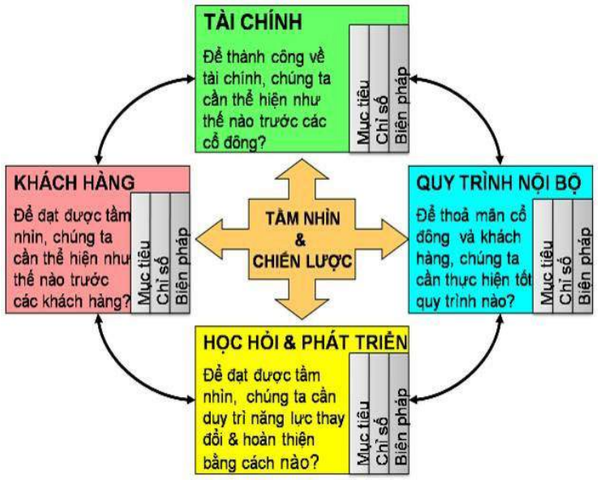

Ý thức được để một chuỗi giá trị dọc đặc biệt là chuỗi giá trị nông nghiệp phát triển bền vững là một thách thức lớn đối với người Lãnh đạo.

Nafoods Group hiểu rằng yếu tố "cân bằng" sẽ góp phần rất quan trọng để hướng tới sự phát triển bền vững. Bởi vậy, cách đây 6 năm, Nafoods Group đã tiếp cận và ứng dụng phương pháp Thẻ điểm cân bằng để quản trị mục tiêu và điều hành toàn hệ thống.

Ở Nafoods Group, bốn khía cạnh Tài chính, Khách hàng, Quy trình nội bộ, Học tập – Phát triển của Thẻ điểm cân bằng được cấu trúc xuyên suốt từ Sứ mệnh, Các giá trị cốt lõi, Tầm nhìn, Chiến lược và Kế hoạch của tổ chức thông qua Bản đồ chiến lược; được áp dụng xuyên suốt từ công ty Mẹ đến các công ty thành viên, từ cấp Lãnh đạo cao nhất đến nhân viên.

Ở Nafoods Group, BSC và KPI là "đôi bạn" cùng đồng hành

Song song với việc áp dụng BSC để phát triển doanh nghiệp cân bằng, Nafoods Group chọn KPI làm công cụ để đánh giá, đo lường hiệu quả làm việc của các công ty, các phòng ban và mỗi cá nhân từ người công nhân/ nhân viên cho tới Lãnh đạo cấp cao.

Tương ứng trên từng khía cạnh của Thẻ điểm cân bằng, hàng năm Nafoods Group xây dựng: (i) các mục tiêu cụ thể, (ii) thước đo cho từng mục tiêu, (ii) các chỉ tiêu cho thước đo, (iii) chương trình hành động cho từng mục tiêu cụ thể cho từng bộ phận/ đơn vị và mỗi một cá nhân.

Đã 6 năm, mỗi một cá nhân hay bộ phận/đơn vị thuộc Nafoods Group luôn nhận thức được lợi ích của người lao động gắn liền với hiệu quả của doanh nghiệp, mà hiệu quả của doanh nghiệp lại được tích lũy từ sự cống hiến và hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân. Bởi vậy, tinh thần "công bằng" đã được thấm nhuần tới mỗi một thành viên của Nafoods Group, đó là: sự đãi ngộ đi đôi với mức độ & hiệu quả cống hiến; và, lợi ích cá nhân đi đôi với lợi ích doanh nghiệp.

Thỏa mãn nhu cầu "Khách hàng nội bộ"

Vì mỗi mắt xích của chuỗi giá trị mà Nafoods Group đang vận hành đảm nhận một chức năng riêng của chuỗi, mà sản phẩm của mắt xích trước là đầu vào của mắt xích sau. Bởi vậy, để sản phẩm của Nafoods Group mang lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng, trước hết ngay trong nội bộ, Nafoods Group quản trị hệ thống bằng việc phải coi và ứng xử với nhau như khách hàng để đáp ứng và thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của nhau thông qua việc giao KPI đúng trọng tâm và thực hiện ký kết Hợp đồng kinh tế gắn với các chế tài giữa các công ty trong hệ thống. Đây cũng là một trong những giải pháp quản trị kế hoạch của toàn hệ thống mà Nafoods Group đang áp dụng.

QUẢN TRỊ RỦI RO

STT	Rủi ro	Xu hướng/giải pháp phòng ngừa rủi ro
1	**Rủi ro kinh tế** Rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, ... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh. • Tăng trưởng kinh tế: Là một bộ phận của nền kinh tế nên hoạt động kinh doanh của Công ty luôn gắn liền với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Những biến động trong kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng ngay đến tốc độ đầu tư của nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Nafoods Group • Lạm phát: Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến sức mua của người tiêu dùng. • Lãi suất: Công ty sử dụng nguồn vốn vay từ các ngân hàng thương thương mại để tài trợ cho các hoạt động kinh doanh vì vậy những biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến Công ty	Kinh tế vĩ mô của Việt Nam những năm qua tương đối tốt: Tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6.81%; lạm phát được kìm chế ở mức thấp; lãi suất ngân hàng thấp và ổn định. Đây là những điều kiện thuận lợi để Công ty tận dụng và phát triển
2	**Rủi ro luật pháp** Rủi ro phát sinh do việc không kịp thời nắm bắt các quy định của pháp luật dẫn tới các tác động tiêu cực trong quá trình sản xuất kinh doanh.	• Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên còn nhiều hạn chế cũng như thương xuyên thay đổi • Để hạn chế những tác động này, Nafoods Group đã xây dựng điều lệ và quy chế quản trị cập nhật với những văn bản pháp luật mới nhất.
3	**Rủi ro chuỗi cung ứng** Là rủi ro phát sinh khi nguồn cung cấp nguyên liệu không có sãn và/hoặc thiếu gây ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục và tăng giá thành sản phẩm	Nafoods Group chủ động xây dựng vùng nguyên liệu cũng như kết hợp với bà con nông dân trong việc bao tiêu nông sản để hạn chế rủi ro này
4	**Rủi ro vận hành chuỗi giá trị** Kết quả không tốt tại một khâu nào nó trong chuỗi giá trị sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống.	Nafoods Group thực hiện chuỗi giá trị từ việc lựa chọn giống, chăn nuôi, trồng trọt, đến sản xuất và xuất khẩu. Mô hình này đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng và đồng bộ của toàn hệ thống. Công ty nhận thức rõ tầm quan trọng của các khâu, quy trình vận hành và đưa ra phương thức quản trị tốt nhằm giảm thiểu rủi ro này.
5	**Rủi ro trong vận chuyển và bảo quản thành phẩm** Quá trình vận chuyển gặp trục trặc dẫn đến chất lượng sản phẩm không được đảm bảo khi tới tay khách hàng.	Nafoods Group giảm thiểu thời gian vận chuyển từ vùng nguyên liệu tới nhà máy chế biến để hạn chế rủi ro này. Bên cạnh đó, quá trình bảo quản và vận chuyển sản phẩm cũng được kiểm tra kỹ lưỡng và chặt chẽ.
6	**Rủi ro thời tiết** Là rủi ro phát sinh khi các tác động xấu của thời tiết ảnh hưởng xấu đến nguồn nguyên liệu trực tiếp và gián tiếp của Công ty	Thời tiết hiện nay bị ảnh hưởng nhiều của biến đổi khí hậu và thay đổi khó lường trước. Công ty đã thực hiện những biện pháp trồng trọt và bảo quản nhằm giảm ảnh hưởng của rủi ro thời tiết.
7	**Rủi ro tỷ giá** Tỷ giá thay đổi ảnh hưởng đến dư nợ vay USD và giá bán bằng USD của các sản phẩm xuất khẩu.	Xu hướng đồng USD tăng giá có lợi cho Nafoods Group do Công ty xuất khẩu và thu doanh thu bằng USD.
8	**Rủi ro cạnh tranh** Cạnh tranh của các thương hiệu khác tại Việt Nam và quốc tế.	• Xu hướng cạnh tranh ngày càng gia tăng cùng với quá trình toàn cầu hóa. • Các giải pháp giảm thiểu rủi ro đã được triển khai như phát triển sản phẩm thuộc thị trường ngách, độc quyền duy nhất trên thị trường, giá cả hợp lý, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng
9	**Rủi ro truyền thông đại chúng** Ảnh hưởng của dư luận, xã hội tác động không tốt đến hình ảnh của Nafoods Group	Người tiêu dùng hiện đại có xu hướng bị ảnh hưởng bởi thông tin đại chúng, mạng xã hội. Giải pháp của Nafoods Group: nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng chu đáo, giải quyết thắc mắc của khách hàng kịp thời; duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động quan hệ nhà đầu tư
10	**Rủi ro chất lượng sản phẩm** Sản phẩm trong quá trình sản xuất gặp vấn đề ảnh hưởng đến chất lượng.	Sản phẩm của Nafoods Group được kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế như BRC, ISO 22000:2500, HACCP, SGF và ngoài ra còn có kiểm soát chất lượng nội bộ của Nafoods Group. Rủi ro này đang được kiểm soát hiệu quả.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Mục tiêu chung
- Trách nhiệm với sản phẩm
- Phát triển nguồn nhân lực
- Bảo vệ môi trường
- Hỗ trợ phát triển cộng đồng
- Phát triển kinh tế địa phương

MỤC TIÊU CHUNG

Những năm qua, Nafoods Group đã có những bước phát triển ấn tượng; trở thành một trong những doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu các sản phẩm rau củ quả lớn nhất tại Việt Nam và đang không ngừng nỗ lực chinh phục thị trường quốc tế. Nafoods Group luôn xác định nguyên tắc kinh doanh là gắn kết một cách hài hoà giữa mục tiêu kinh doanh với trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và môi trường.

Vì vậy, suốt 23 năm qua, Công ty luôn theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững với tâm niệm đưa sản phẩm của một chuỗi giá trị nông nghiệp xanh, khép kín với một mô hình quản trị theo hướng chuyên môn hóa mang thương hiệu và bản sắc văn hóa Nafoods – "trọn vẹn từ thiên nhiên" đến với khách hàng, cùng với bảo vệ môi trường và tạo ra những tác động tích cực đến cộng đồng & xã hội.

TRÁCH NHIỆM VỚI SẢN PHẨM

Đặt an toàn thực phẩm làm nguyên tắc hàng đầu, Nafoods Group cam kết mỗi sản phẩm của Nafoods Group đều là kết quả của một chu trình khép kín đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nghiêm ngặt.

Nghiên cứu sản phẩm an toàn

Chiến lược phát triển sản phẩm của Nafoods Group từ trước tới nay vẫn luôn hướng đến sự an toàn và lợi ích sức khỏe của khách hàng. Vì thế chúng tôi vô cùng cẩn trọng trong từng giai đoạn: từ lựa chọn nguồn nguyên liệu đến thiết kế kiểu dáng bao bì sản phẩm nhằm đảm bảo sự an toàn tối đa cho người sử dụng. Ngoài ra, chúng tôi tuyệt đối không sử dụng những thành phần có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người tiêu dùng như dư lượng thuốc bảo vệ thực vật cho tất cả sản phẩm của Nafoods Group hiện tại và tương lai.

Chuỗi giá trị khép kín

Nafoods Group đã hình thành được chuỗi giá trị sản phẩm khép kín từ sản xuất giống, trồng trọt, chế biến và vận chuyển đến tận tay khách hàng. Quy trình vô cùng nghiêm ngặt nhằm đảm bảo sản phẩm thực sự an toàn.

Thiết bị, công nghệ hiện đại

Để đảm bảo chất lượng tuyệt vời của sản phẩm, Nafoods Group không ngừng nghiên cứu, đầu tư cho các thiết bị và công nghệ hiện đại và tự hào rằng chúng tôi đang sở hữu những dây chuyền sản xuất tiên tiến hàng đầu trên thế giới.

Quản lý và kiểm soát chất lượng vận hành theo tiêu chuẩn quốc tế

Nafoods Group luôn coi trọng các công tác quản lý và kiểm soát chất lượng sản phẩm. Chúng tôi áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến và các tiêu chuẩn quốc tế như Global Gap, BRC, ISO,... để kiểm soát chặt chẽ và toàn diện tất cả các công đoạn từ trước, trong, và sau sản xuất nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm Nafoods luôn là an toàn.

Thông tin trung thực, đầy đủ cho người tiêu dùng

Nafoods Group cam kết cung cấp đầy đủ và trung thực những thông tin về sản phẩm như quy trình trồng trọt, thu hoạch, chế biến, bảo quản để giúp khách hàng lựa chọn và sử dụng sản phẩm của Nafoods Group một cách tối ưu và hài lòng.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Mục tiêu

Nafoods Group đã và đang từng ngày hoàn thiện và xây dựng một văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng, khởi tạo một nền tảng vững chắc, văn minh, cam kết đảm bảo tất cả các quyền lợi cho người lao động trong công ty.

Điều kiện làm việc an toàn và được chăm sóc sức khoẻ

Nhu cầu được làm việc trong điều kiện an toàn và được chăm lo về sức khoẻ của người lao động là chính đáng, Nafoods Group cam kết:

• Trang bị đầy đủ công cụ bảo hộ lao động và những biện pháp để đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình làm việc.

• Tổ chức các chương trình hướng dẫn và đào tạo an toàn thường niên cho người lao động.

• Xây dựng hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy tại tất cả các trụ sở, địa điểm hoạt động và đảm bảo 100% người lao động được huấn luyện về phòng cháy chữa cháy mỗi năm một lần.

• Thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe. Ngoài bảo hiểm sức khỏe theo pháp luật, người lao động còn được cung cấp những gói khám sức khỏe toàn diện, bảo hiểm tai nạn.

Phát triển đội ngũ lao động đa dạng, tôn trọng sự khác biệt và không phân biệt đối xử

Chúng tôi muốn xây dựng một môi trường làm việc văn hoá, văn minh cho tất cả mọi thành viên của công ty. Để làm được điều đó, chúng tôi luôn đối xử với các nhân viên của mình và khuyến khích tất cả mọi người trong Nafoods Group đối xử với nhau trên nguyên tắc "tôn trọng, bình đẳng, không phân biệt giới tính, vùng miền, tôn giáo".

Người lao động được đảm bảo tất cả các quyền lợi mà phát luật quy định

Quan hệ giữa Nafoods Group và người lao động được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Nafoods Group cam kết đảm bảo tất cả các quyền lợi của người lao động thuộc công ty:

• Mọi quyền lợi của người lao động theo Bộ Luật Lao động đều được đảm bảo.

• Nafoods Group tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức.

• Thỏa ước lao động tập thể được áp dụng cho toàn bộ nhân viên.

• Công đoàn là tổ chức đại diện và bảo vệ quyền lợi cho người lao động.

Giá trị lao động của nhân viên được ghi nhận và bù đắp thoả đáng

Luôn ghi nhận và trân trọng sự nỗ lực cùng với các giá trị lao động của tất cả các nhân viên trong hành trình lớn mạnh và trong từng thành công của Nafoods Group, chúng tôi muốn từng thành viên của công ty nhận được những gì họ xứng đáng. Tại Nafoods Group chúng tôi có các chính sách về tiền lương rõ ràng và công bằng để đảm bảo từng thành viên của Nafoods Group sẽ có một mức thu nhập tốt và thoả đáng với công sức và tâm huyết của họ.

Phát triển nhân viên

Tại Nafoods Group, chúng tôi nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phát triển nhân viên trong vấn đề xây dựng một môi trường làm việc hiệu quả và tích cực. Vì thế, Nafoods Group dành một phần ngân sách không nhỏ cho các hoạt động đào tạo nhân viên thường niên thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài. Chúng tôi mong muốn tạo cơ hội và điều kiện tốt nhất cho nhân viên của mình nâng cao kiến thức, phát triển bản thân đồng thời đóng góp cho sự phát triển công ty và cộng đồng.

Người lao động của các đối tác trong chuỗi cung ứng

Trong quan điểm về người lao động của Nafoods Group, chúng tôi không những chỉ quan tâm tới những nhân lực trực thuộc công ty mà còn quan tâm đến lực lượng lao động gián tiếp làm việc trong chuỗi cung ứng của mình.

Đối với nhà cung cấp dịch vụ lao động, chúng tôi yêu cầu:

• Phải ký kết hợp đồng lao động với những người lao động sẽ tham gia vào công việc của Nafoods Group.

• Đóng bảo hiểm xã hội, tổ chức hoạt động công đoàn và các chế độ khác theo quy định của pháp luật cho người lao động.

• Có chế độ bảo hiểm tai nạn cho người lao động 24/24.

• Tất cả các yêu cầu này đều được cam kết trong hợp đồng giữa Nafoods Group và nhà cung cấp dịch vụ lao động. Chúng tôi cũng chấp nhận việc tính các chi phí phát sinh vào phí dịch vụ của mình.

CBCNV Nafoods Group đi du lịch mùa hè năm 2017 tại Nha Trang

Nafoods Group tham dự giải bóng đá nữ Công đoàn ngành Công thương nhân ngày Phụ nữ Việt Nam năm 2017

Hành động

Số lượng lao động và mức lương trung bình

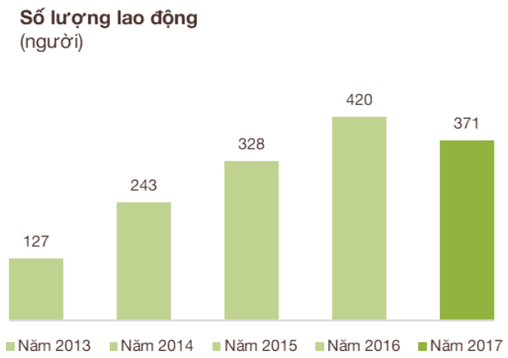

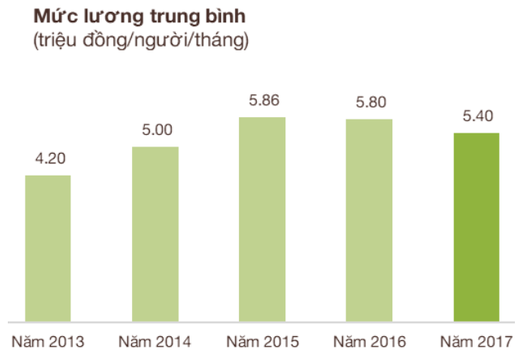

Cơ cấu lao động

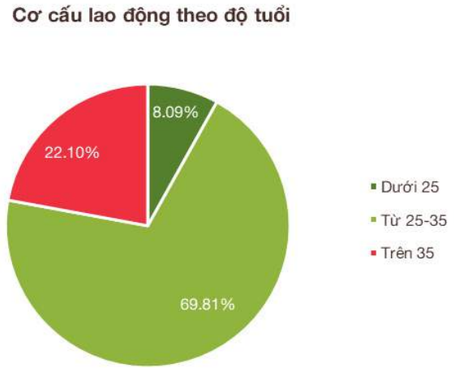

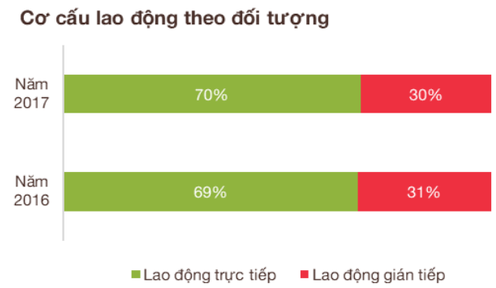

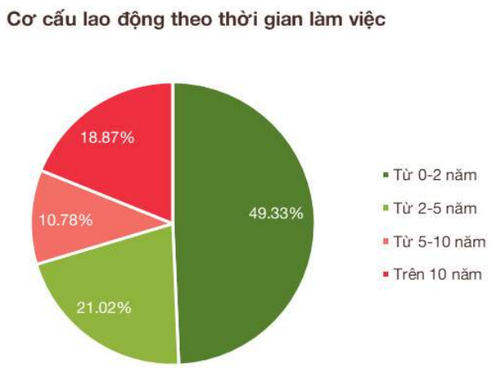

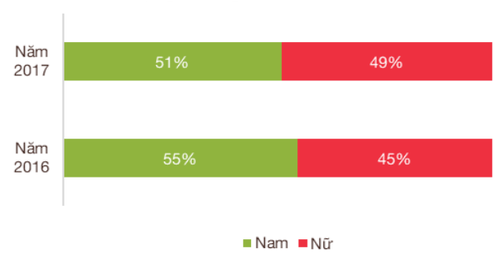

Hoạt động đào tạo

7,439

giờ

Tổng số giờ đào tạo trong năm 2017

1,445

triệu đồng

Tổng chi phí đào tạo năm 2017

Chỉ tiêu	Năm 2017
Tổng số lượt đào tạo	1,070 lượt
Tổng số giờ đào tạo	7,438 giờ
- Đào tạo nội bộ	3,326 giờ
- Đào tạo bên ngoài	4,112 giờ
Tổng chi phí đào tạo	1,445 triệu đồng
Số lượt đào tạo/người	3 lượt
Số giờ đào tạo/người	20 giờ
Chi phí đào tạo/người	3.89 triệu đồng

Một số chương trình đào tạo của Nafoods Group trong năm:

• Đào tạo nội bộ: đào tạo cho lao động thời vụ, tổ chức thi tay nghề, phổ biến quy chế, đào tạo về chất gây dị ứng, đào tạo quy định an toàn thực phẩm, đào tạo về tiêu chuẩn HALAL trong doanh nghiệp, …

• Đào tạo bên ngoài công ty: đào tạo tiếng Anh trực tuyến, chương trình huấn luyện doanh nghiệp ActionCOACH, các chương trình đào tạo chuyên gia đánh giá nội bộ, đào tạo kiến thức về PCCC,…

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Mục tiêu

Nafoods Group luôn ý thức rằng bất kỳ hoạt động trồng trọt, sản xuất nào cũng có những tác động đến môi trường xung quanh. Vì thế tất cả giải pháp của chúng tôi đều hướng đến các mục đích chính: sử dụng hiệu quả các yếu tố đầu vào (vật liệu, năng lượng, nguồn nước) và kiểm soát yếu tố đầu ra để giảm thiểu các tác động đến môi trường.

Sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng

Nhận biết rằng sử dụng năng lượng một cách hiệu quả là một trong những vấn đề được quan tâm nhiều nhất trong thời gian vừa qua cũng như trong tương lai, Nafoods Group cũng đang trên hành trình đạt đến mục tiêu sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng bằng các biện pháp bao gồm:

• Nâng cao chất lượng quản lý

• Tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng sạch, năng lượng có thể tái tạo

• Sử dụng thiết bị chiếu sáng tiết kiệm năng lượng thay cho các thiết bị cũ

Sử dụng nguồn nước hiệu quả và tiết kiệm

Nước là một tài nguyên quan trọng phục vụ cho quá trình sản xuất của Nafoods Group. Ý thức được sự quan trọng của tài nguyên này đối với cuộc sống con người trong bối cảnh nguồn nước ngầm đang cạn kiệt và ô nhiễm, Nafoods Group cam kết sẽ sử dụng nước một cách tiết kiệm và hiệu quả nhất bằng các biện pháp tiết kiệm và tái sử dụng.

Kiểm soát và xử lý tốt phát thải

Với mục tiêu là giảm thiểu tối đa các tác động đến môi trường, Nafoods Group đặt vấn đề về phát thải ngay từ những giai đoạn đầu tiên trong các quy trình quy hoạch xây dựng và cố gắng quản lý chặt chẽ nhất có thể về vấn đề này trong suốt quá trình hoạt động của mình. Chúng tôi tự hào rằng Nafoods Group đang vận hành cơ chế quản lý, kiểm soát và xử lý chất thải đảm bảo an toàn với môi trường tuân theo các tiêu chuẩn tiên tiến trong tất cả các hoạt động của Nafoods Group và sẽ tiếp tục cải tiến hơn trong tương lai.

Hành động

Sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng

Nguyên vật liệu sử dụng

Nguyên liệu chính mà Nafoods Group sử dụng là các loại trái cây để chế biến như: chanh leo, gấc, dứa, xoài, dừa, thanh long, măng cầu xiêm, vải, v.v. Đối với chanh leo và gấc, công ty đã chủ động được một phần nguyên liệu đầu vào. Phần nguyên liệu chanh leo, gấc còn lại và các loại trái cây khác, công ty tiến hành thu mua từ bà con nông dân theo các hợp đồng liên kết.

Tái chế nguyên liệu

• Tái chế Bã chanh leo sản xuất từ dịch chanh leo: hơn 890 tấn hạt chanh leo đã được tái chế trong năm 2017

• Phương pháp tái chế: Đem sấy khô rồi đốt để thay thế than, làm nhiên liệu đốt lò hơi

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng sử dụng

2,782,278 Khw

Tiêu thụ điện năm 2017

8,024 Lít

Tiêu thụ dầu năm 2017

2,691 Kg

Tiêu thụ gas năm 2017

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	2015	2016	2017
1	**Điện năng**			
	Lượng tiêu thụ (Kwh)	2,670,303	2,312,727	2,782,278
	Năng lượng tiêu thụ (Kjun)	9,613,090,909	8,325,818,182	9,936,707,142
	Chi phí (triệu đồng)	4,005	3,469	4,221
2	**Dầu**			
	Lượng tiêu thụ (lít)	2,222	1,800	8,024
	Năng lượng tiêu thụ (Kjun)	78,130,853	63,292,320	282,143,097
	Chi phí (triệu đồng)	30.7	19	116.4
3	**Gas**			
	Lượng tiêu thụ (kg)	2,390	2,040	2,691
	Năng lượng tiêu thụ (Kjun)	105,160,000	89,760,000	118,404,000
	Chi phí (triệu đồng)	45	36.8	48.5
4	**Mùn cưu**			
	Lượng tiêu thụ (tấn)	473	468	503
	Năng lượng tiêu thụ (Kjun)	-	-	-
	Chí phí (triệu đồng)	340.56	307	285.5

Tiêu thụ năng lượng

Sáng kiến tiết kiệm năng lượng

STT	Sáng kiến giúp tiết kiệm năng lượng	Nội dung chi tiết	Năng lượng tiết kiệm (Kjun)
1	Cải tiến quy trình vận hành máy lạnh hầm đông IQF	Bằng cách điều chỉnh van cấp dịch cho hệ thống lạnh hầm đông IQF bằng tay giúp thay đổi thời gian làm lạnh cho hệ thống nhanh hơn, hiệu quả hơn, giúp tăng công suất làm lạnh cho hệ thống, tiết kiệm chi phí điện trên tấn thành phẩm năm 2017. Với cải tiến này đã giảm được 28,100 Kw điện năng tiêu thụ.	100,357,142
2	Cải tiến tăng công suất rót chanh leo puree bằng phương pháp thanh trùng 2 lần	Trước cải tiến: Công suất rót chanh leo puree đạt tối đa 1200l/h. Sau cải tiến: Công suất rót chanh leo puree đạt tối đa 1600l/h. Tiết kiệm 794 Kw điện năng tiêu thụ	2,835,714
3	Giải pháp phân luồng nước thải và cải tiến phương pháp nuôi cấy vi sinh nước thải	Trước sản cải tiến: Toàn bộ lượng nước làm mát cho bản vĩ chiller, nước cooling tower đều được đưa về khu vực xử lý nước thải gây quá tải cho hệ thống. Sau cải tiến: Phân luồng nước làm mát chiller, nước cooling tower đưa về ao nuôi cá, tái sử dụng mục đích chăn nuôi. Với giải pháp này tiết kiệm được 2120kw điện năng tiêu thụ	7,571,428

Tiêu thụ nước

Nguồn nước sử dụng

Nguồn nước được Nafoods Group sử dụng là nguồn nước mặt, được khai thác từ hồ tự nhiên sau đó tiến hành các công đoạn xử lý nghiêm ngặt, đảm bảo vệ sinh và đưa vào phục vụ cho hoạt động sản xuất cũng như sinh hoạt của Công ty.

Lượng nước sử dụng

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017
Khối lượng nước sử dụng	m3	43.762	69.563
- Nước phục vụ sản xuất	m3	32.530	44.220
- Nước phục vụ sinh hoạt	m3	11.232	25.343
Khối lượng nước tái chế	m3	4.000	5.247
Tỷ lệ nước tái chế	%	9,14%	7,54%

Tiêu thụ nước | **Tái chế nước**

69,563 M3

Lượng nước năm 2017

5,247 M3

Lượng nước được tái chế năm 2017

Tái chế nước

Hiện nay Nafoods Group đang tái chế nước chủ yếu bằng phương pháp ngưng tụ cô đắc nước sau quá trình sản xuất. Khối lượng nước được tái chế năm 2017 là khoảng 5.247 M3, tương đương 7,54% tổng khối lượng nước sử dụng.

Xử lý nước:

Đối với lượng nước sử dụng không qua tái chế, Nafoods Group có hệ thống xử lý nước để đảm bảo các tiêu chuẩn cũng như các quy định của pháp luật. Nguồn nước sau khi đã xử lý được được xả thải đúng chỗ và đảm bảo không gây các tác động xấu tới môi trường.

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Mục tiêu

Nafoods sẽ nỗ lực hơn nữa để có thể tham gia rộng và sâu hơn các chương trình hỗ trợ cộng đồng và cùng phấn đấu xây dựng quê hương Nghệ An ngày càng giàu đẹp, văn minh hơn.

Nafoods Group luôn xem đây là định hướng chung cho các hoạt động hỗ trợ cộng đồng của mình. Các hoạt động hỗ trợ cộng đồng được phát động và tổ chức bởi ban điều hành Nafoods Group luôn nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của toàn thể nhân viên của công ty:

• Hỗ trợ và tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại các trại trẻ mồ côi, trẻ em cơ nhỡ tại các trung tâm nhân đạo.

• Hỗ trợ đồng bào gặp thiên tai lũ lụt.

Hành động

Nafoods Group luôn cố gắng chia sẻ những giá trị của mình đến với cộng đồng xã hội. Trong năm 2017, Công ty đã có những hoạt động hết sức thiết thực như:

Tạo công ăn việc làm

- Hệ thống Nafoods Group có hàng trăm CBCNV là con em dân tộc thiểu số và vùng sâu vùng xa;

- Chuỗi giá trị nông nghiệp của Nafoods Group đã tạo công ăn việc làm cho hàng vạn bà con nông dân từ các vùng miền Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ, Tây Bắc, …

Tham gia các chương trình từ thiện

Tham gia chương trình “Tết vì người nghèo – Xuân Đinh Dậu” do Tỉnh Nghệ An tổ chức

Hợp tác đào tạo sinh viên

Là nơi đào tạo thực hành cho nhiều thế hệ sinh viên: Các công ty thuộc hệ thống Nafoods Group từ lâu đã trở thành cái nôi đào tạo thực tế cho sinh viên các trường Đại học với đa dạng các chuyên ngành như Kỹ sư Nông học, Thực vật học, Cơ khí, Điện, Tự động hóa, Công nghệ Thực phẩm, Ngoại thương, Tài chính – Kế toán, Quản trị Nhân sự,… thông qua chương trình thực tập. Đặc biệt, Nafoods Group đã chính thức ký hợp đồng “hợp tác đào tạo sinh viên” với Khoa Nông học – Trường Đại học Nông lâm Huế, gần như tháng nào các công ty sản xuất Nông nghiệp của Nafoods Group cũng đón nhận vài chục sinh viên về thực tập.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG

Mục tiêu

Trong mọi hoạt động của mình, Nafoods Group đều hướng đến việc gắn kết sự phát triển công ty với sự phát triển chung của nền kinh tế địa phương và đất nước.

Hoạt động tuân thủ pháp luật

• Luôn tuân thủ các quy định của pháp luật tại những nơi Nafoods Group hoạt động

• Đảm bảo các số liệu báo cáo, thống kê cung cấp cho các cơ quan chức năng là chính xác, trung thực, đầy đủ và kịp thời

• Tích cực tham gia vào các chương trình phát động của chính phủ nhằm ổn định và phát triển kinh tế

• Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật các nước

Phát triển kinh tế tại các địa phương

Tại các địa phương mà Nafoods Group có hoạt động sản xuất và kinh doanh, Nafoods Group luôn hướng đến viêc gắn kết giữa mở rộng quy mô hoạt động với sự phát triển kinh tế của địa phương:

• Đầu tư cơ sở vật chất, góp phần xây dựng các cơ sở hạ tầng tại địa phương.

• Tạo việc làm, đào tạo nghề cho lực lượng lao động của địa phương

Phát triển nông nghiệp chất lượng cao

• Ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong trồng trọt vào các trang trại của Nafoods Group, góp phần phát triển nền nông nghiệp trồng trọt chất lượng cao của Viêt Nam.

• Các hoạt động hỗ trợ nông dân về kỹ thuật, công nghệ trồng trọt.

• Chính sách về thu mua nông sản đảm bảo quyền lợi của người nông dân với những cam kết về số lượng thu mua ổn định và mức giá thu mua cạnh tranh.

MÔ HÌNH LIÊN KẾT 4 NHÀ:

“NHÀ DOANH NGHIỆP – NHÀ NÔNG DÂN – NHÀ NƯỚC – NHÀ KHOA HỌC”

Hành động

Chương tình Hợp tác với bà con nông dân của Nafoods Group

Hiện tại Công ty Cổ phần Nafoods Group đang hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp, với một chu trình khép kín "Giống, trồng, sản xuất, xuất khẩu". Để đảm bảo được nguyên liệu đủ và chất lượng cho sản xuất và xuất khẩu, nên Nafoods Group xác định việc hợp tác với bà con nông dân là điều kiện cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Phát triển nông nghiệp đã và sẽ tiếp tục được Nafoods Group tổ chức các chương trình hướng dẫn các hộ dân sản xuất có nhu cầu về quy trình sản xuất các loại rau quả an toàn, thu mua tiêu thụ sản phẩm; hướng dẫn và hỗ trợ thủ tục chứng nhận VietGap và hỗ trợ tài chính. Với việc kiểm soát khép kín từ đồng ruộng đến tiêu thụ về đến nhà máy sản xuất, Chương trình sẽ cắt giảm được tối đa các khâu trung gian, tập trung nâng cao chất lượng nông sản cung ứng cho sản xuất của Nafoods Group.

Cụ thể, Nafoods Group tổ chức đào tạo định kỳ kỹ thuật sản xuất, kiến thức sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, hướng dẫn cách ghi chép nhật ký đồng ruộng. Các hộ sản xuất sẽ được kết nối và hướng dẫn cách tuân thủ tiêu chuẩn và làm thủ tục đăng ký VietGap. Quan trọng nhất, để bảo đảm đầu ra ổn định cho các hộ sản xuất, với những sản phẩm đạt chuẩn an toàn, Nafoods Group đã thu mua sản phẩm theo sản lượng đã cam kết với người dân.

Các diện tích đất trên vùng nguyên liệu cũng được công ty tổ chức lấy mẫu, phân tích miễn phí thành phần hóa học đất. Trên cơ sở phân tích đất, Công ty sẽ tư vấn công thức, cách thức bón phân hoặc hướng dẫn nông dân đầu tư các loại phân bón phù hợp để bổ sung các chất dinh dưỡng đất đang thiếu hụt

Mặt khác, Nafoods Group đã lựa chọn những nông dân, xóm trưởng tiêu biểu tổ chức đào tạo dài hạn theo hướng chuyên sâu để họ trở thành "Khuyến nông viên cơ sở" tại từng địa bàn, hỗ trợ công ty trong quá trình chuyển giao các kiến thức khoa học và kỹ thuật mới.

Bên cạnh đó, Công ty còn đầu tư trang thiết bị để ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, bảo đảm minh bạch hóa thông tin về địa điểm sản xuất, chủ hộ sản xuất. Người tiêu dùng có thể dễ dàng tra cứu thông tin nông sản. Đặc biệt, đối với những hộ sản xuất đủ điều kiện, Nafoods Group hỗ trợ tài chính một phần cho các hộ có điều kiện kinh tế khó khăn.

Tổng Giám đốc Nafoods Group đã chỉ đạo thực hiện: "Mục tiêu lớn nhất của chương trình là cung cấp thực phẩm sạch cho người tiêu dùng; thứ hai là hỗ trợ bà con nông dân tiếp cận với kỹ thuật, công nghệ tiên tiến nhằm thay đổi và tối ưu hóa sản xuất nông nghiệp; tiến tới từng bước xây dựng được các thương hiệu nông sản Việt có tầm Quốc tế".

Nafoods Group đang vận động nông dân cam kết trồng theo quy trình ít sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, … bảo đảm an toàn thực phẩm. Khuyến khích nông dân tham gia các mô hình hợp tác để nhận được hỗ trợ của doanh nghiệp. Ngoài ra, Nafoods Group sẽ phối hợp các bộ, ngành để giám sát và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm về an toàn thực phẩm, ảnh hưởng tới sức khỏe, tính mạng của người dân".

Phối hợp với chính quyền địa phương

Trong quá trình phát triển, Nafoods Group luôn xác định phát triển vùng nguyên liệu, nhà máy sản xuất theo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước và đại diện trực tiếp quản lý đó là Chính quyền địa phương sở tại.

Nghiên cứu và cập nhật các văn bản Nhà nước thường xuyên liên tục để phát triển vùng nguyên liệu heo đúng quy định.

Thường xuyên cùng chính quyền địa phương tổ chức hội nghị, nghiên cứu để định hướng, quy hoạch vùng trồng nguyên liệu phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ những cũng như tập tục canh tác của người dân bản địa.

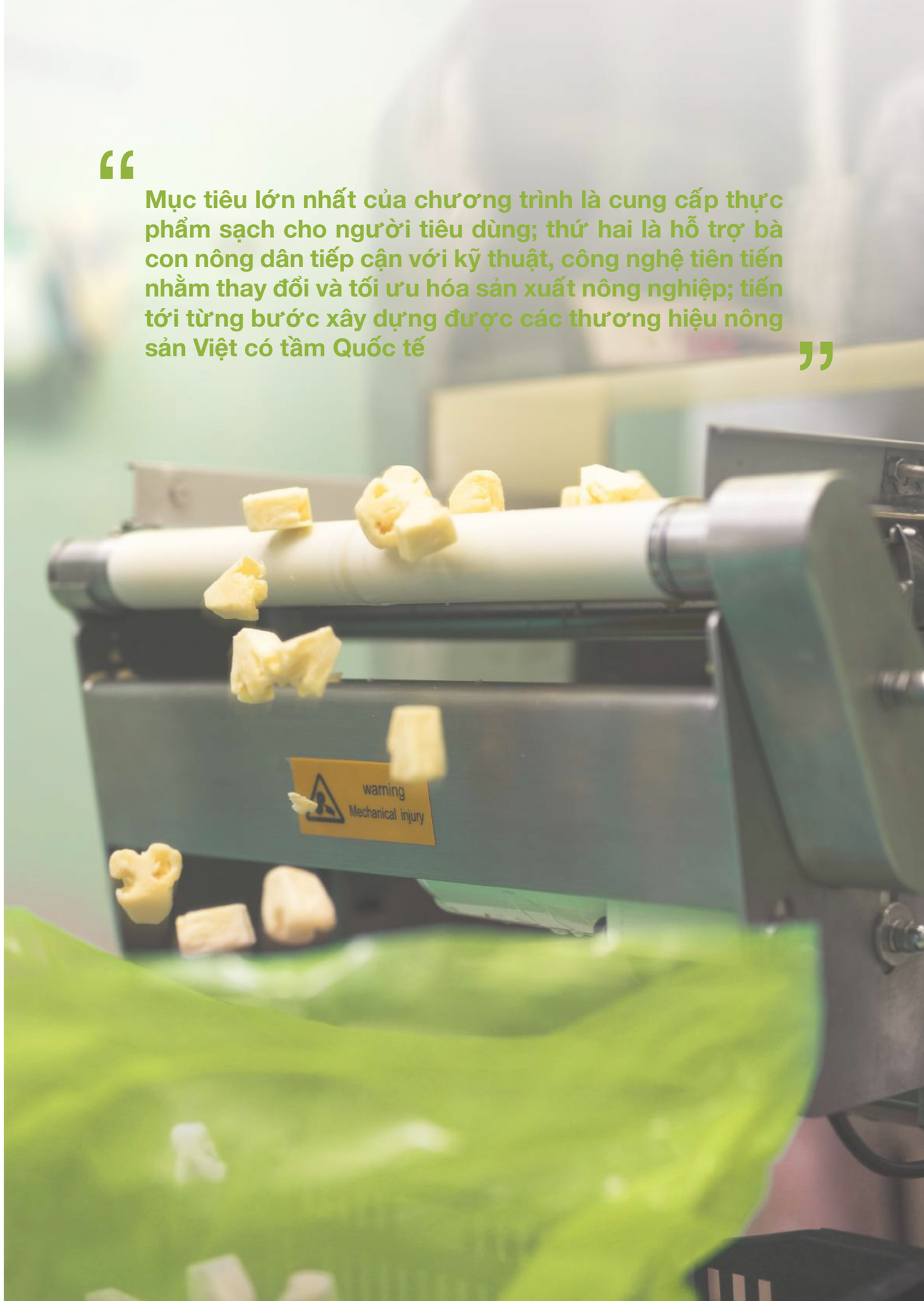

> "Mục tiêu lớn nhất của chương trình là cung cấp thực phẩm sạch cho người tiêu dùng; thứ hai là hỗ trợ bà con nông dân tiếp cận với kỹ thuật, công nghệ tiên tiến nhằm thay đổi và tối ưu hóa sản xuất nông nghiệp; tiến tới từng bước xây dựng được các thương hiệu nông sản Việt có tầm Quốc tế"

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- **Bảng cân đối kế toán hợp nhất**
- **Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất**
- **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**
- **Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

BCTC riêng năm 2017 mời quý cổ đông xem tại website của công ty www.nafoods.com.vn

Grant Thornton

Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo kiểm toán độc lập

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Nội dung

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Nafoods Group ("Công ty mẹ") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Kiểm toán

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán.

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch	Ngày 1 tháng 6 năm 2010
Bà Phan Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch	Ngày 1 tháng 6 năm 2010
Ông Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên	Ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Lê Văn Minh	Thành viên	Ngày 22 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Bộ	Thành viên	Ngày 23 tháng 4 năm 2016
Ông Johan De Geer	Thành viên	Ngày 15 tháng 9 năm 2017

Ban Giám đốc	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 6 năm 2010
Bà Phan Thị Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Tiến Chinh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Phạm Duy Thái	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 12 năm 2014

Ban Kiểm soát	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Phương Hồng	Trưởng ban	Ngày 23 tháng 4 năm 2016
Ông Hồ Minh Tuấn	Thành viên	Ngày 22 tháng 6 năm 2015
Ông Hồ Quốc Công	Thành viên	Ngày 23 tháng 4 năm 2016

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Áp dụng chính sách kế toán thích hợp với các ước tính và xét đoán thận trọng, hợp lý và được áp dụng thống nhất;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;

- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định về việc Tập đoàn tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp; và
- Kiểm soát và điều hành Tập đoàn hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên các báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn, do vậy có những bước thích hợp để phòng ngừa và phát hiện gian lận và các điều bất thường.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn tuân thủ theo các quy định trên trong việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, cùng với các thuyết minh đính kèm, đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân theo các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 2900326375 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP TP. VINH - T. NGHỆ AN

Nguyễn Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc

Nghệ An, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Grant Thornton

Báo cáo kiểm toán độc lập

về báo cáo tài chính hợp nhất của
Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Grant Thornton (Vietnam) Limited
18th Floor
Hoa Binh International Office Building
106 Hoang Quoc Viet Street
Cau Giay District, Hanoi
Vietnam

T +84 24 3850 1686
F +84 24 3850 1688

Số: 17-11-022-02

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Nafoods Group

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nafoods Group ("Công ty mẹ") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2018, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thuyết minh giải trình khác, như được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện của Ban Giám đốc cũng như việc đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)

Lê Thế Việt
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0821-2018-068-1
Phó Tổng Giám đốc

Bùi Trần Phương Minh
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2595-2018-068-1
Kiểm toán viên

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn		100	**579.225.537.765**	419.613.561.994
Tiền và các khoản tương đương tiền	5	110	**3.210.637.047**	35.337.566.349
Tiền		111	**3.210.637.047**	17.337.566.349
Các khoản tương đương tiền		112	**-**	18.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	120	**-**	15.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	**-**	15.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn		130	**486.485.112.637**	309.992.981.052
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	131	**227.146.296.413**	155.309.813.376
Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	132	**117.530.071.066**	66.340.773.277
Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	135	**115.182.091.865**	75.460.144.996
Phải thu ngắn hạn khác	10	136	**34.205.609.413**	20.024.739.750
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	137	**(7.627.554.040)**	(7.191.088.267)
Tài sản thiếu chờ xử lý		139	**48.597.920**	48.597.920
Hàng tồn kho		140	**53.063.870.087**	37.866.749.950
Hàng tồn kho	12	141	**53.063.870.087**	37.866.749.950
Tài sản ngắn hạn khác		150	**36.465.917.994**	21.416.264.643
Chi phí trả trước ngắn hạn	13	151	**982.084.058**	373.128.180
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	**35.483.313.936**	20.941.407.016
Thuế và các khoản phải thu từ Nhà nước		153	**520.000**	101.729.447

Bảng cân đối kế toán hợp nhất
(tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Tài sản dài hạn		200	**292.563.394.191**	202.185.055.105
Tài sản cố định		220	**120.757.851.848**	89.263.579.732
Tài sản cố định hữu hình	14	221	**59.982.693.309**	28.465.421.189
- Nguyên giá		222	***74.693.978.046***	*37.290.706.273*
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	***(14.711.284.737)***	*(8.825.285.084)*
Tài sản cố định vô hình	15	227	**60.775.158.539**	60.798.158.543
- Nguyên giá		228	***60.831.483.818***	*60.831.483.818*
- Giá trị hao mòn lũy kế		229	***(56.325.279)***	*(33.325.275)*
Tài sản dở dang dài hạn		240	**101.628.593.110**	34.696.973.460
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241	**-**	1.883.205.319
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	242	**101.628.593.110**	32.813.768.141
Đầu tư tài chính dài hạn		250	**51.348.806.337**	57.734.732.994
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	6	252	**50.348.806.337**	57.734.732.994
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6	253	**4.100.000.000**	3.100.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	6	254	**(3.100.000.000)**	(3.100.000.000)
Tài sản dài hạn khác		260	**18.828.142.896**	20.489.768.919
Chi phí trả trước dài hạn	13	261	**18.828.142.896**	20.489.768.919
Tổng tài sản		270	**871.788.931.956**	621.798.617.099

Bảng cân đối kế toán hợp nhất
(tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả		300	**391.601.529.813**	195.271.433.332
Nợ ngắn hạn		310	**273.365.307.925**	189.771.251.069
Phải trả người bán ngắn hạn	17	311	**72.324.564.091**	21.005.748.772
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	312	**3.375.621.283**	1.296.001.145
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	313	**14.391.985.651**	13.775.604.214
Phải trả người lao động		314	**4.971.334.026**	3.920.584.999
Chi phí phải trả ngắn hạn		315	**109.090.909**	-
Phải trả ngắn hạn khác	20	319	**3.259.342.825**	5.683.327.763
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	320	**172.089.270.374**	141.245.885.410
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322	**2.844.098.766**	2.844.098.766
Nợ dài hạn		330	**118.236.221.888**	5.500.182.263
Phải trả dài hạn khác	20	337	**123.618.095**	139.618.095
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	338	**114.996.578.566**	4.062.500.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33	341	**3.116.025.227**	1.298.064.168
Vốn chủ sở hữu	22,23	400	**480.187.402.143**	426.527.183.767
Vốn chủ sở hữu	23	410	**480.187.402.143**	426.527.183.767
Vốn góp của chủ sở hữu	23	411	**300.000.000.000**	300.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển		418	**2.866.202.541**	2.866.202.541
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421	**137.112.825.461**	84.614.646.332
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		*421a*	***82.037.031.352***	*56.881.975.320*
- LNST chưa phân phối năm nay		*421b*	***55.075.794.109***	*27.732.671.012*
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	23	429	**40.208.374.141**	39.046.334.894
Tổng nguồn vốn		440	**871.788.931.956**	621.798.617.099

Nghệ An, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Mạnh Hùng	Nguyễn Thị Trang	Đặng Thị Loan
Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	01	**529.938.812.296**	462.720.610.452
Các khoản giảm trừ doanh thu	26	02	**(10.580.883.188)**	(2.213.856.889)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	**519.357.929.108**	460.506.753.563
Giá vốn hàng bán	27,32	11	**(366.471.044.616)**	(334.581.771.541)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20	**152.886.884.492**	125.924.982.022
Doanh thu hoạt động tài chính	28	21	**6.050.551.179**	7.628.245.653
Chi phí tài chính	29	22	**(15.169.229.635)**	(10.761.479.318)
- Trong đó: Chi phí lãi vay		*23*	***(6.975.508.501)***	*(5.570.345.655)*
Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		24	**(1.385.926.657)**	(115.267.006)
Chi phí bán hàng	30,32	25	**(34.604.705.710)**	(29.388.390.222)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	31,32	26	**(29.624.346.546)**	(24.157.709.889)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30	**78.153.227.123**	69.130.381.240
Thu nhập khác		31	**2.404.541.074**	185.790.307
Chi phí khác		32	**(1.837.525.397)**	(2.005.493.390)
Lãi/(lỗ) khác		40	**567.015.677**	(1.819.703.083)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50	**78.720.242.800**	67.310.678.157
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	51	**(11.423.488.255)**	(6.398.744.722)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33	52	**(1.817.961.059)**	(951.398.327)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		60	**65.478.793.486**	59.960.535.108
Phân bổ cho:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		61	**10.402.999.377**	11.573.438.415
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		62	**55.075.794.109**	48.387.096.693
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	70	**1.836**	1.613

Nghệ An, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Mạnh Hùng	Nguyễn Thị Trang	Đặng Thị Loan
Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Mã số	**Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VNĐ**	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế		01	**78.720.242.800**	67.310.678.157
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định		02	**6.660.998.627**	4.240.188.213
Các khoản dự phòng		03	**436.465.773**	671.197.469
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		04	**(42.861.374)**	945.985.754
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		05	**(4.440.924.278)**	(3.743.256.220)
Chi phí lãi vay		06	**6.975.508.501**	5.570.345.655
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		08	**88.309.430.049**	74.995.139.028
Thay đổi các khoản phải thu		09	**(159.437.776.711)**	(10.167.327.887)
Thay đổi hàng tồn kho		10	**(15.234.659.342)**	(5.936.257.663)
Thay đổi các khoản phải trả		11	**103.423.569.629**	(35.158.972.053)
Thay đổi chi phí trả trước		12	**482.397.295**	(2.981.481.797)
Tiền lãi vay đã trả		14	**(6.975.508.501)**	(5.566.145.655)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		15	**(6.364.624.282)**	(2.280.466.367)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20	**4.202.828.137**	12.904.487.606

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo) (phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Mã số	**Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VNĐ**	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		21	**(105.376.292.813)**	(98.786.851.755)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ		22	**-**	23.954.540
Tiền chi cho đơn vị khác vay		23	**(111.310.684.760)**	(20.117.313.465)
Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác		24	**92.803.189.925**	73.397.182.177
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25	**-**	(3.749.957.862)
Lãi tiền gửi, lãi cho vay nhận được		27	**4.664.449.939**	3.515.096.019
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30	**(119.219.337.709)**	(45.717.890.346)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		31	**6.527.750.000**	3.872.250.000
Tiền thu từ đi vay		33	**497.808.235.998**	431.828.592.233
Tiền trả nợ gốc vay		34	**(413.746.678.988)**	(362.146.349.642)
Cổ tức đã trả cho cổ đông		36	**(7.700.000.000)**	(35.454.197.704)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40	**82.889.307.010**	38.100.294.887
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		50	**(32.127.202.562)**	5.286.892.147
Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	60	**35.337.566.349**	30.050.674.202
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		61	**273.260**	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	70	**3.210.637.047**	35.337.566.349

Nghệ An, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Mạnh Hùng	Nguyễn Thị Trang	Đặng Thị Loan
Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn

Công ty Cổ phần Nafoods Group ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam, ban đầu với tên gọi là Công ty TNHH Thành Vinh do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp Giấy phép thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn số 007153 GP/TLDN-02 vào ngày 26 tháng 8 năm 1995. Sau đó ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2900326375 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An với tên gọi là Công ty Cổ phần Thực phẩm Choa Việt. Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 40.000.000.000 đồng, được chia thành 4.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty đã được thay đổi nhiều lần sau đó (sau đây gọi chung là "Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh").

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 12 năm 2014, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Nafoods Group và tăng vốn điều lệ lên 200.000.000.000 đồng, được chia thành 20.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Tại ngày 27 tháng 5 năm 2015, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi gần đây nhất, Công ty tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng, được chia thành 30.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả và sản phẩm rau củ quả đông lạnh; kinh doanh giống cây trồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các công ty con được hợp nhất như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu đăng ký	
			2017	2016
Công ty con				
Công ty CP Chanh leo Nafoods	Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Trồng trọt, Sản xuất giống cây trồng	**75,43%**	65%
Công ty CP Đầu tư LMC	Số 162A Nguyễn Tuân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh thương mại đồ uống, thực phẩm	**65%**	65%
Công ty CP Gấc Tân Thắng	Xã Tân Thắng, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Trồng trọt chăn nuôi hỗn hợp; Chi tiết: trồng gấc	**65%**	65%
Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods	Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả và rau củ quả đông lạnh; kinh doanh giống cây trồng	**100%**	100%
Công ty CP Nafoods Miền Nam	Ấp Hóc Thơm 1, Xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam	Sản xuất chế biến các loại sản phẩm nước ép hoa quả và sản phẩm rau củ quả đông lạnh	**95%**	65%

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty mẹ có các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu đăng ký	
			2017	2016
Công ty liên kết				
Công ty CP Dược liệu Quế Phong	Bản D1 Minh Châu, Xã Tri Lễ, Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	**30%**	30%
Công ty CP Nông Nghiệp La Giang	Tổ dân phố 6, Thị trấn Đức Thọ, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Trồng trọt	**30%**	30%
Công ty CP Nafoods Tây Nguyên (trước đây là Công ty CP Giống Nafoods)	Bản D1 Minh Châu, Xã Tri Lễ, Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất giống cây trồng; Hoạt động dịch vụ trồng trọt	**40%**	40%
Công ty CP Nafoods Pleiku	Số 49 Hùng Vương, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trồng trọt	**35%**	35%
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	Tiểu khu 84-85 Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam	Trồng trọt	**35%**	35%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty và các công ty con có 285 nhân viên (31 tháng 12 năm 2016: 312 nhân viên).

2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty mẹ và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 12 đến ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các công ty con được lập sử dụng tiền Đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

3.1 Cơ sở chung lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính hợp nhất không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp. Tập đoàn áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong năm và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

3.2 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tập đoàn được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Nafoods Group ("Công ty mẹ"), và các báo cáo tài chính của các công ty con (như được trình bày trong Thuyết minh số 1).

3.3 Công ty con

Công ty con là các công ty mà Tập đoàn có quyền chi phối và kiểm soát về các chính sách tài chính và hoạt động với mục đích nhằm thu được lợi ích kinh tế cho Tập đoàn từ hoạt động của các công ty đó. Quyền kiểm soát được xác định thông qua quyền biểu quyết và tỷ lệ góp vốn.

Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn đạt được quyền kiểm soát đến ngày mất quyền kiểm soát. Chính sách kế toán của các công ty con được điều chỉnh phù hợp với các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty mẹ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động kinh doanh và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định theo tỉ lệ tương ứng với lợi ích mà Tập đoàn không nắm giữ. Lợi ích này được xác định dựa trên phần sở hữu của cổ đông thiểu số đối với giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của công ty con được thành lập, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ được tính cho cổ đông thiểu số trong công ty con vượt quá lợi ích của cổ đông thiểu số trong nguồn vốn của công ty con. Trong trường hợp đó khoản lỗ vượt quá đó cũng như bất kỳ các khoản lỗ thêm nào khác sẽ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp cổ đông thiểu số có một nghĩa vụ ràng buộc, và có khả năng bù đắp các khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi tính cho cổ đông thiểu số sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới khi bồi hoàn lại đủ phần lỗ trước đây đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các thay đổi quyền sở hữu trong công ty con mà không dẫn đến việc đạt được hay mất đi quyền kiểm soát ở các công ty con được hạch toán theo phương pháp giao dịch vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này thì khác biệt giữa khoản tiền đầu tư trả thêm hay giảm đi và tỷ lệ sở hữu thay đổi tương ứng trên giá trị ghi sổ tài sản thuần của công ty con sẽ được ghi nhận là giao dịch giữa lợi ích của các cổ đông của Tập đoàn. Giá trị ghi sổ của các tài sản và nghĩa vụ của công ty con ghi nhận trước đây được giữ nguyên.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Số chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý công ty con và giá trị ghi sổ còn lại của tài sản trừ đi nợ phải trả của công ty con này tại ngày thanh lý được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất như khoản lãi, lỗ thanh lý công ty con.

Giá trị còn lại của khoản đầu tư tại ngày thanh lý được tính toán theo phương pháp giá gốc.

3.4 Công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, thường đi kèm với tỷ lệ sở hữu từ 20% đến 50% của quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh của công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể là quyền tham gia của Tập đoàn vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty liên kết nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi hoặc lỗ của bên nhận đầu tư sau ngày đầu tư. Khoản được phân chia từ bên nhận đầu tư phải được hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Tập đoàn thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư.

Việc thay đổi quyền sở hữu trong công ty liên kết dẫn đến việc mất đi quyền ảnh hưởng đáng kể được coi là một giao dịch thanh lý đầu tư vào công ty liên kết. Phần sở hữu còn lại của khoản đầu tư này được hạch toán theo giá gốc tại ngày mất đi quyền ảnh hưởng.

3.5 Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

4. Chính sách kiểm toán áp dụng

4.1 Tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được qui đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được qui đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao và các khoản tiền ký quỹ ký cược tại ngân hàng với kỳ hạn không quá 3 tháng.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có khả năng không thu hồi được các khoản đầu tư này. Tổn thất từ việc không thu hồi được khoản đầu tư, nếu chưa được trích lập dự phòng, được ghi nhận vào chi phí trong kỳ và giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết
Một liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng mà hai hoặc nhiều bên cùng thực hiện hoạt động kinh tế mà được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Trong báo cáo tài chính hợp nhất, đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và sau đó hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu như được trình bày trong Thuyết minh 3.4.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Đối với các sản phẩm sản xuất, giá hàng tồn kho bao gồm một phần hợp lý định phí và biến phí trong chi phí sản xuất chung dựa trên công suất hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v..) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên giá
Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì nguyên giá ban đầu được tính bằng cách lấy tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình. Nguyên giá TSCĐ hình thành qua xây dựng cơ bản bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Khấu hao
Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với thời gian khấu hao như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 - 40
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	8 – 10
Cây lâu năm	3 - 5
Tài sản cố định khác	13 - 16

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

4.8 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất
Quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh để mua quyền sử dụng đất chính thức và các chi phí san lấp mặt bằng. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất được xác định dựa trên giá trị được Nhà nước phê duyệt tại thời điểm mua. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên khoảng thời gian dự tính sẽ thu được các lợi ích từ các chi phí liên quan tới quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính
Giá trị của các phần mềm máy tính không phải là bộ phận đi kèm với phần cứng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

4.9 Thuê hoạt động

Việc thuê tài sản trong đó phần lớn tất cả các lợi ích và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được ghi nhận là khoản thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí.

4.10 Tài sản dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn là các chi phí dự định để sản xuất hàng tồn kho vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi số dự phòng giảm giá đã trích lập.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là toàn bộ trị giá tài sản cố định đang mua sắm, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí nhà cửa, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Khấu hao không được trích trong giai đoạn này mà chỉ được trích khi việc xây dựng và lắp đặt đã hoàn thành và tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng dự định mà khi đó các chi phí liên quan mới được chuyển thành tài sản cố định hữu hình.

4.11 Chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ
Công cụ, dụng cụ bao gồm tài sản được Tập đoàn nắm giữ để sử dụng cho kỳ kinh doanh thông thường có nguyên giá dưới 30 triệu đồng và không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 quy định về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 1 năm đến 3 năm.

Phí tư vấn chuyển giao công nghệ
Phí tư vấn chuyển giao công nghệ thể hiện khoản tư vấn chuyển giao công nghệ nhân giống chanh leo, đào tạo chuyển giao kỹ thuật phát hiện kiểm soát virus trên cây chanh leo, cung cấp cây giống bố mẹ, tư vấn thiết lập vườn ươm giống chanh leo được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 49 năm.

Tiền thuê đất trả trước
Tiền thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê trả trước và các chi phí khác phát sinh trong việc đảm bảo sử dụng đất đi thuê. Những chi phí này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê là 49 năm.

Chi phí tư vấn, thiết kế
Chi phí tư vấn, thiết kế logo cho Tập đoàn và nhãn hiệu cho các sản phẩm được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

4.12 Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

4.13 Chi phí đi vay

Chi phí vay bao gồm lãi suất và các chi phí liên quan khác và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ chi phí vay để mua sắm tài sản cố định trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt (kể cả khi thời gian xây dựng và lắp đặt dưới 12 tháng) thì được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản đó.

4.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Tập đoàn sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

4.15 Lợi ích nhân viên

Lợi ích hưu trí
Lợi ích hưu trí được trả cho những nhân viên đã nghỉ hưu bởi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Tập đoàn có nghĩa vụ đóng góp vào quỹ trợ cấp hưu trí thông qua đóng phí bảo hiểm xã hội cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội theo tỷ lệ 18% dựa trên mức lương cơ bản hàng tháng. Từ ngày 1 tháng 6 năm 2017, theo Nghị định 44/2017/NĐ-CP, Tập đoàn có nghĩa vụ đóng góp vào quỹ trợ cấp hưu trí thông qua đóng bảo hiểm xã hội cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội theo tỷ lệ 17,5% dựa trên mức lương cơ bản hàng tháng. Tập đoàn không còn nghĩa vụ nào khác đóng góp trợ cấp hưu trí cho nhân viên.

Bảo hiểm thất nghiệp
Theo các quy định về pháp luật lao động tại Việt Nam và văn bản gần nhất, Nghị định số 28/2015/NĐ-CP có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Luật Việc làm số 38/2013/QH13 về bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn có nghĩa vụ trích 1% quỹ lương để trả bảo hiểm thất nghiệp đối với những cá nhân tham gia đóng bảo hiểm và đồng thời khấu trừ 1% lương tháng của mỗi nhân viên để đóng góp cho Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

4.16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

4.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp
Vốn cổ phần thể hiện giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu đã phát hành.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo hợp nhất.

4.18 Cổ tức

Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

4.19 Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa
Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu tiền, ước tính hợp lý của giá vốn hoặc khả năng hàng hóa bị trả lại.

Thu nhập cổ tức
Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Lãi tiền gửi
Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở theo tỉ lệ thời gian sử dụng phương pháp lãi suất thực tế.

4.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.

4.21 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Nghĩa vụ/Tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc

được thực hiện chắc chắn tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

4.22 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu
Lãi cơ bản được tính bằng cách chia lợi nhuận phân phối cho các cổ đông phổ thông sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trên số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.23 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông và các công ty liên kết của Tập đoàn.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

4.24 Công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng các Chuẩn mực Lập và trình bày Báo cáo tài chính Quốc tế ("IFRS") về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu trình bày và thuyết minh đối với các công cụ tài chính theo IFRS, do vậy việc ghi nhận và đánh giá các tài sản và khoản nợ thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn vẫn tuân theo quy định của Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Việt Nam.

Phân loại
Theo Thông tư 210, Tập đoàn phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thành các nhóm sau đây:

Đối với tài sản tài chính:
- Tài sản tài chính ghi nhận lãi lỗ theo giá trị hợp lý
- Tài sản tài chính được giữ đến ngày đáo hạn
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Đối với các khoản nợ tài chính:
- Nợ tài chính ghi nhận lãi lỗ theo giá trị hợp lý
- Nợ tài chính khác ghi nhận theo giá trị phân bổ

4.25 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Tập đoàn sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

4.26 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

4.27 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Tập đoàn tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

4.28 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Tiền		
Tiền mặt	**2.145.806.273**	9.333.668.858
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	**1.064.830.774**	8.003.897.491
	3.210.637.047	17.337.566.349
Các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	18.000.000.000
	3.210.637.047	35.337.566.349

6. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31 tháng 12 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng nhưng dưới 12 tháng	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		31 tháng 12 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	VNĐ	%	%	%	%
Đầu tư vào công ty liên kết					
Công ty CP Nafoods Pleiku	**7.000.000.000**	**35**	**35**	35	35
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	**4.000.000.000**	**35**	**35**	35	35
Công ty CP Chăn nuôi Tân Thắng (i)	**20.000.000.000**	**-**	**-**	30	30
Công ty CP Dược liệu Quế Phong	**40.000.000.000**	**30**	**30**	30	30
Công ty CP Nafoods Tây Nguyên (trước đây là Công ty CP Giống Nafoods)	**60.000.000.000**	**40**	**40**	40	40
Công ty CP Nông Nghiệp La Giang	**40.000.000.000**	**30**	**30**	30	30
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
Công ty CP Chăn nuôi Tân Thắng (i)	**20.000.000.000**	**5**	**5**	-	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	**62.000.000.000**	**5**	**5**	5	5

Chi tiết giá trị các khoản đầu tư thực góp như sau:

	31 tháng 12 năm 2017			31 tháng 12 năm 2016		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Lỗ phát sinh	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Lỗ phát sinh
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty CP Dược Liệu Quế Phong	**12.000.000.000**	**11.996.593.727**	**(3.406.273)**	12.000.000.000	11.999.018.700	(981.300)
Công ty CP Nông Nghiệp La Giang	**12.000.000.000**	**11.997.508.562**	**(2.491.438)**	12.000.000.000	11.999.019.221	(980.779)
Công ty CP Chăn nuôi Tân Thắng (i)	**-**	**-**	**-**	6.000.000.000	5.998.662.180	(1.337.820)
Công ty CP Nafoods Tây Nguyên (trước đây là Công ty CP Giống Nafoods)	**24.000.000.000**	**23.286.279.559**	**(713.720.441)**	24.000.000.000	23.901.264.773	(98.735.227)
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	**1.400.000.000**	**1.143.913.170**	**(256.086.830)**	1.400.000.000	1.389.850.159	(10.149.841)
Công ty CP Nafoods Pleiku	**2.450.000.000**	**1.924.511.319**	**(525.488.681)**	2.450.000.000	2.446.917.961	(3.082.039)
	51.850.000.000	**50.348.806.337**	**(1.501.193.663)**	57.850.000.000	57.734.732.994	(115.267.006)

	31 tháng 12 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty CP Chăn nuôi Tân Thắng (i)	**1.000.000.000**	**-**	**-**	**-**
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	**3.100.000.000**	**(3.100.000.000)**	3.100.000.000	(3.100.000.000)
	4.100.000.000	**(3.100.000.000)**	3.100.000.000	(3.100.000.000)

(i) Căn cứ theo Biên bản họp hội đồng quản trị số 14/2017/BB-HĐQT ngày 19 tháng 12 năm 2017 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 17/2017/HĐCN ngày 20 tháng 12 năm 2017, Công ty Cổ phần Nafoods Group đã chuyển nhượng cổ phần cho Bà Dương Thị Thanh Huyền với tổng giá trị 5.000.000.000 VNĐ của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Tân Thắng, tương đương với 500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Nafoods Group tại Công ty CP Chăn nuôi Tân Thắng giảm từ 30% xuống 5% vốn điều lệ, được phân loại sang khoản đầu tư vốn góp vào đơn vị khác.

7. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Phải thu bên thứ ba		
FLAGFOOD AG	**113.209.676.854**	62.356.323.029
Hộ nông dân mua cây giống	**10.408.043.198**	15.750.000.000
Khách lẻ mua chanh quả	**-**	2.504.500.000
World Foods and Flavors Slu	**25.192.931.709**	38.532.226.810
Các khách hàng khác	**20.841.499.835**	35.286.697.537
	169.652.151.596	154.429.747.376
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 34)		
Công ty Cổ phần Nafoods Pleiku	**237.500.000**	212.500.000
Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc	**-**	663.771.000
Công ty CP Nafoods Tây Nguyên	**33.293.781**	-
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Nghệ An	**57.223.351.036**	3.795.000
	57.494.144.817	880.066.000
	227.146.296.413	155.309.813.376

8. Trả trước người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Trả trước cho bên thứ ba		
Trả trước mua gấc lẻ	**1.315.131.000**	7.121.789.750
Công ty TNHH MTV Nông Sản Anh Đức	**17.939.594.791**	12.073.228.537
DNTN Bảo Long Đức Trọng	**-**	4.221.169.082
Công ty Bertuzzi Food Processing	**62.838.620.124**	-
Công ty Jonh Bean Technologies	**16.854.750.000**	-
Công ty ABL SPA	**2.032.066.008**	-
Công ty CP Đầu Tư Phú Nguyên	**2.294.859.000**	-
Công ty PND S.r.l	**1.935.607.315**	-
Các đối tượng khác	**4.707.002.777**	15.287.873.520
	109.917.631.015	38.704.060.889
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh 34)		
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	**5.455.187.897**	12.282.477.938
Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc	**2.157.252.154**	6.354.234.450
Công ty CP Nafoods Tây Nguyên	**-**	9.000.000.000
	7.612.440.051	27.636.712.388
	117.530.071.066	66.340.773.277

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Phải thu bên thứ ba		
Công ty CP Đầu tư VSC	**-**	1.000.000.000
Nguyễn Mạnh Cường (i)	**11.080.000.000**	
Nguyễn Cao Cường (ii)	**6.750.000.000**	-
	17.830.000.000	1.000.000.000
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 34) (iii)		
Công ty CP Nafoods Tây Nguyên	**58.401.696.080**	24.960.804.911
Công ty CP Thực Phẩm Nghệ An	**9.283.240.131**	4.834.840.085
Công ty CP Nông nghiệp La Giang	**86.836.404**	20.580.000
Công ty CP Chăn Nuôi Tân Thắng	**24.575.319.250**	39.638.920.000
Công ty CP Dược liệu Quế Phong	**5.005.000.000**	5.005.000.000
	97.352.091.865	74.460.144.996
	115.182.091.865	75.460.144.996

(i) Khoản phải thu từ cho vay Ông Nguyễn Mạnh Cường, không chịu lãi suất, không có tài sản đảm bảo và có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng.

(ii) Khoản phải thu từ cho vay Ông Nguyễn Cao Cường có lãi suất 7,3%/năm, hình thức vay tín chấp và có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng.

(iii) Các khoản phải thu từ việc cho các bên liên quan vay có lãi suất từ 5% đến 7%/năm, không có tài sản đảm bảo và có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng.

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Phải thu bên thứ ba		
Phải thu từ lãi trả chậm	**813.453.748**	813.453.748
Phải thu lãi tiền gửi	**-**	223.525.661
Phải thu nhân viên	**21.287.291.362**	12.726.029.588
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ TS Việt Nam	**-**	1.500.000.000
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần (i)	**5.000.000.000**	-
Phải thu khác	**2.905.777.806**	1.039.184.202
	30.006.522.916	16.302.193.199
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 34)		
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Nghệ An	**1.999.240.000**	634.130.325
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Tân Thắng	**731.139.824**	1.743.825.928
Công ty CP Dược Liệu Quế Phong	**260.435.697**	-
Công ty CP Nông Nghiệp La Giang	**5.612.123**	-
Công ty CP Nafoods Pleiku	**38.500.000**	-
Công ty Cổ phần Giống Nafoods	**1.164.158.853**	1.344.590.298
	4.199.086.497	3.722.546.551
	34.205.609.413	20.024.739.750

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, phải thu từ Bà Dương Thị Thanh Huyền cho việc chuyển nhượng cổ phần với giá trị 5 tỷ đồng như đã trình bày trong Thuyết minh 6.

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31 tháng 12 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Các khoản phải thu quá hạn không thanh toán				
Công ty Cổ phần Tân Tân	**4.176.437.050**	**(4.176.437.050)**	4.176.437.050	(4.176.437.050)
Công ty Cổ phần bánh kẹo ANCO	**300.000.000**	**(300.000.000)**	300.000.000	(300.000.000)
Công ty TNHH Màu Xanh Đổi Mới	**1.260.000.000**	**(1.260.000.000)**	1.260.000.000	(1.260.000.000)
Khách lẻ mua cây giống	**1.576.983.294**	**(1.077.663.242)**	2.048.793.296	(641.197.469)
	7.313.420.344	**(6.814.100.292)**	7.785.230.346	(6.377.634.519)
Các khoản phải thu về lãi trả chậm phát sinh từ các khoản nợ quá hạn				
Công ty Cổ phần Tân Tân	**347.873.081**	**(347.873.081)**	347.873.081	(347.873.081)
Công ty TNHH Màu Xanh Đổi Mới	**400.539.000**	**(400.539.000)**	400.539.000	(400.539.000)
Công ty Cổ phần Bánh kẹo ANCO	**65.041.667**	**(65.041.667)**	65.041.667	(65.041.667)
	813.453.748	**(813.453.748)**	813.453.748	(813.453.748)
	8.126.874.092	**(7.627.554.040)**	8.598.684.094	(7.191.088.267)

12. Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Nguyên vật liệu	**26.759.916.527**	2.886.105.577
Công cụ, dụng cụ	**1.009.635.139**	1.145.739.605
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	**23.208.308.401**	25.008.120.530
Thành phẩm	**1.260.897**	46.245.840
Hàng hóa	**2.084.749.123**	5.379.398.311
Hàng gửi bán	**-**	3.401.140.087
	53.063.870.087	37.866.749.950

13. Chi phí trả trước

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	**982.084.058**	373.128.180
	982.084.058	373.128.180
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	**4.957.800.318**	5.024.753.341
Phí chuyển giao công nghệ	**5.166.549.217**	5.287.561.158
Tiền thuê đất trả trước (*)	**3.750.846.723**	3.836.734.696
Chi phí tư vấn, thiết kế	**847.569.435**	1.503.736.107
Chi phí trả trước khác	**4.105.377.203**	4.836.983.617
	18.828.142.896	20.489.768.919
	19.810.226.954	20.862.897.099

(*) Khoản thuê đất trả tiền trước tại Bản D1 Minh Châu, Xã Tri Lễ, Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An với tổng diện tích 10.000 m2.

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Nguyên giá						
1 tháng 1 năm 2017	17.239.872.234	161.070.606	7.321.423.200	2.112.261.481	10.456.278.752	**37.290.706.273**
Mua trong năm	1.710.285.299	87.320.000	1.920.883.112	-	665.770.980	**4.384.259.391**
Đầu tư XDCB hoàn thành	34.668.225.827	-	-	-	-	**34.668.225.827**
Thanh lí, nhượng bán	-	-	(1.649.213.445)	-	-	**(1.649.213.445)**
31 tháng 12 năm 2017	53.618.183.360	248.390.606	7.593.092.867	2.112.261.481	11.122.049.732	**74.693.978.046**
Giá trị hao mòn lũy kế						
1 tháng 1 năm 2017	(2.948.205.127)	(35.084.676)	(1.729.021.618)	(945.232.508)	(3.167.741.155)	**(8.825.285.084)**
Khấu hao trong năm	(2.855.895.289)	(25.747.097)	(885.202.788)	(515.581.368)	(2.355.572.081)	**(6.637.998.623)**
Thanh lí, nhượng bán	-	-	751.998.970	-	-	**751.998.970**
31 tháng 12 năm 2017	(5.804.100.416)	(60.831.773)	(1.862.225.436)	(1.460.813.876)	(5.523.313.236)	**(14.711.284.737)**
Giá trị còn lại						
1 tháng 1 năm 2017	14.291.467.107	125.985.930	5.592.401.582	1.167.028.973	7.288.537.597	**28.465.421.189**
31 tháng 12 năm 2017	47.814.082.944	187.558.833	5.730.867.431	651.447.605	5.598.736.496	**59.982.693.309**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là khoảng 1,2 tỷ đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Tập đoàn vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 21).

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có một số tài sản với nguyên giá là 505.462.917 VNĐ (31 tháng 12 năm 2016: 505.462.917 VNĐ) đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang sử dụng.

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	**Tổng** **VNĐ**
Nguyên giá			
1 tháng 1 năm 2017	60.716.483.818	115.000.000	**60.831.483.818**
Mua trong năm	-	-	**-**
31 tháng 12 năm 2017	60.716.483.818	115.000.000	**60.831.483.818**
Giá trị hao mòn lũy kế			
1 tháng 1 năm 2017	-	(33.325.275)	**(33.325.275)**
Khấu hao trong năm	-	(23.000.004)	**(23.000.004)**
31 tháng 12 năm 2017	-	(56.325.279)	**(56.325.279)**
Giá trị còn lại			
1 tháng 1 năm 2017	60.716.483.818	81.674.725	**60.798.158.543**
31 tháng 12 năm 2017	60.716.483.818	58.674.721	**60.775.158.539**

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31 tháng 12 năm 2017 **VNĐ**	31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
1 tháng 1 năm 2017	**32.813.768.141**	1.867.784.935
Tăng trong năm	**103.483.050.796**	33.126.648.457
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 14)	**(34.668.225.827)**	(2.180.665.251)
31 tháng 12 năm 2017	**101.628.593.110**	32.813.768.141
Trong đó:		
Nhà xưởng	***213.636.364***	*213.636.364*
Dự án nhà máy bơ lạc	***316.070.000***	*316.070.000*
Dự án: Nhà máy Nafoods Miền Nam – Giai đoạn I	***99.814.152.463***	*5.478.024.300*
Chi phí sửa chữa văn phòng LMC chi nhánh Miền Nam	**-**	*1.832.448.539*
Hệ thống nhà vườn ươm	**-**	*16.893.484.496*
Dự án trồng dược liệu	**-**	*501.773.224*
Dự án trồng gấc Hà Tĩnh	**-**	*449.050.927*
Các công trình khác	***1.284.734.283***	*7.129.280.291*
	101.628.593.110	32.813.768.141

17. Phải trả người bán

	31 tháng 12 năm 2017 **VNĐ**	31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Phải trả cho bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Giao nhận vận tải Toàn Cầu	**2.164.240.787**	3.102.366.676
Công ty TNHH nước giải khát Delta	**6.111.834.387**	811.822.702
Doanh nghiệp tư nhân Bảo Long Đức Trọng	**4.177.903.154**	-
Công ty TNHH MTV Thương Mại Nghĩa Đức Đắk Nông	**3.605.800.334**	-
Công ty TNHH Bá Trai	**4.787.676.393**	-
Công ty cổ phần Thực phẩm Bảo Long	**5.294.723.933**	-
Công ty CP Seatecco	**23.928.314.400**	-
Hồ Hữu Trang	**1.520.536.628**	-
Các đối tượng khác	**20.182.558.781**	14.033.378.954
	71.773.588.797	17.947.568.332
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh 34)		
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Nghệ An	**550.975.294**	538.586.700
Cty Cổ phần Giống Nafoods	**-**	2.461.093.740
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp La Giang	**-**	58.500.000
	550.975.294	3.058.180.440
	72.324.564.091	21.005.748.772

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2017 **VNĐ**	31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Phải trả cho bên thứ ba		
Công ty Directus South East Asia Co., Ltd	**355.394.520**	-
Công ty Mau Lin food Co., Ltd	**340.413.425**	107.499.630
Công ty Wellness Co., Ltd	**297.395.710**	-
Công ty Miki oz Asakim Ltd	**311.159.405**	149.526.563
Công ty Waiola Life Ltd	**-**	503.106.471
Công ty Ken Well Trading Ltd	**-**	302.456.520
Khác	**548.050.634**	233.411.961
	1.852.413.694	1.296.001.145
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh 34)		
Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc	**1.523.207.589**	-
	3.375.621.283	1.296.001.145

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2017 **VNĐ**	31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	**278.135.692**	4.807.859.680
Thuế thu nhập doanh nghiệp	**11.577.527.558**	6.518.663.585
Thuế thu nhập cá nhân	**2.536.322.401**	2.119.942.810
Thuế sử dụng đất	**-**	325.657.000
Thuế khác	**-**	3.481.139
	14.391.985.651	13.775.604.214

20. Phải trả khác

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	**148.674.545**	223.714.357
Bảo hiểm xã hội	**254.349.885**	424.361.700
Cổ tức phải trả	**-**	462.500.000
Phải trả cho nhân viên khoản trả hộ cho Tập đoàn	**1.537.694.833**	3.780.111.475
Phải trả, phải nộp khác	**1.318.623.562**	792.640.231
	3.259.342.825	5.683.327.763
Dài hạn		
Phải trả nhân viên	**123.618.095**	139.618.095
	123.618.095	139.618.095
	3.382.960.920	5.822.945.858

21. Vay

Vay ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2017		Trong năm		31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Vay ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bắc Hà Tĩnh (a)	**19.900.000.000**	**19.900.000.000**	38.500.000.000	(38.450.000.000)	19.850.000.000	19.850.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN - CN Nghệ An (b)	**-**	**-**	42.598.600.000	(89.115.283.910)	46.516.683.910	46.516.683.910
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Vinh (c)	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**	2.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Vinh (d)	**99.755.699.485**	**99.755.699.485**	275.519.036.933	(247.032.538.948)	71.269.201.500	71.269.201.500
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thành Phố Vinh (e)	**39.990.000.000**	**39.990.000.000**	54.990.000.000	(15.000.000.000)	-	-
	161.645.699.485	**161.645.699.485**	413.607.636.933	(391.597.822.858)	139.635.885.410	139.635.885.410
Bên liên quan						
Công ty CP Nafoods Tây Nguyên	**6.952.570.889**	**6.952.570.889**	7.372.386.730	(419.815.841)	-	-
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	**-**	**-**	-	(300.000.000)	300.000.000	300.000.000
	6.952.570.889	**6.952.570.889**	7.372.386.730	(719.815.841)	300.000.000	300.000.000
Khác						
Các đối tượng khác	**3.491.000.000**	**3.491.000.000**	16.218.611.480	(14.037.611.480)	1.310.000.000	1.310.000.000
	3.491.000.000	**3.491.000.000**	16.218.611.480	(14.037.611.480)	1.310.000.000	1.310.000.000
	172.089.270.374	**172.089.270.374**	437.198.635.143	(406.355.250.179)	141.245.885.410	141.245.885.410

Vay dài hạn

	31 tháng 12 năm 2017		Trong năm		31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Vay ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nghệ An (f)	**112.957.578.566**	**112.957.578.566**	112.957.578.566	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nghệ An (c)	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**	-	(2.000.000.000)	4.000.000.000	4.000.000.000
	114.957.578.566	**114.957.578.566**	112.957.578.566	(2.000.000.000)	4.000.000.000	4.000.000.000
Khác						
Các đối tượng khác	**39.000.000**	**39.000.000**	-	(23.500.000)	62.500.000	62.500.000
	39.000.000	**39.000.000**	-	(23.500.000)	62.500.000	62.500.000
	114.996.578.566	**114.996.578.566**	112.957.578.566	(2.023.500.000)	4.062.500.000	4.062.500.000

(a) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà Tĩnh theo Hợp đồng cấp Tín dụng số 034/2017/3000/HDK.GTT ngày 26 tháng 9 năm 2017 với hạn mức vay tối đa 20 tỷ VNĐ, thời hạn vay là 179 ngày kể từ ngày rút vốn vay và lãi suất áp dụng được ghi nhận trên từng Khế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Gấc. Khoản vay có tài sản đảm bảo là 2.042.550 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nafoods Group do Ông Nguyễn Mạnh Hùng đứng tên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã rút vốn vay với tổng giá trị là 19,9 tỷ VNĐ.

(b) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng Hạn mức Tín dụng số 0706.01/2016/HĐHMTD/PVB-CNNA ngày 17 tháng 6 năm 2016 và Phụ lục sửa đổi ngày 10 tháng 10 năm 2016 với hạn mức vay tối đa 60 tỷ VNĐ, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày rút vốn vay và được ghi nhận trên từng Khế ước nhận nợ. Đồng tiền cấp tín dụng là đồng Việt Nam hoặc đồng Đô la Mỹ quy đổi tương đương. Mục đích của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động sản xuất, mua bán thực phẩm hoa quả đông lạnh. Khoản vay có tài sản đảm bảo là 1.600.000 cổ phiếu với mã giao dịch NAF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Hùng - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã có 6 lần rút vốn vay với tổng số tiền là 1.870.000 USD và tất toán 19 lần với số tiền là 3.909.311 USD.

(c) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh theo Hợp đồng Tín dụng số 1934/14/HĐTD-VIN-KHDN ngày 16 tháng 12 năm 2014 với số tiền vay 10 tỷ VNĐ, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Mục đích của khoản vay này là thanh toán chi phí đầu tư dự án khu vườn ươm giống chanh leo công nghệ cao. Khoản vay có tài sản đảm bảo gồm tài sản gắn liền với đất tại Xã Tri Lễ, Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT 344774 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 19 tháng 11 năm 2014 với giá trị là 4 tỷ VNĐ. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Bên cho vay từng thời kỳ.

(d) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vinh theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 275/HĐHM17/NAN.KHDN ngày 16 tháng 6 năm 2017 và sửa đổi theo phụ lục hợp đồng số 01/275/HĐHM17/NAN.KHDN ngày 30 tháng 11 năm 2017 với hạn mức cho vay là 4.386.000 USD. Thời hạn vay là 4 tháng theo từng giấy nhận nợ và lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích của khoản vay là nhằm phục vụ hoạt động thanh toán tiền mua hàng nông sản thực phẩm (chanh leo cô đặc, gấc puree, măng cầu xiêm, vải,...) và chi trả các chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Đình Hùng và bà Nguyễn Thị Trang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC572787 do UBND TP Vinh

cấp ngày 15 tháng 7 năm 2016; 4.000.000 cổ phiếu của công ty CP Nafoods Group do ông Nguyễn Mạnh Hùng sở hữu; tài sản trên đất đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 621539 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 18/06/2013 của Công ty CP Nafoods Group; tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số đất BR 298632 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 23 tháng 10 năm 2013 của Công ty CP Nafoods Group; máy móc thiết bị, dây chuyền chanh leo IQF, máy phát điện Himoinsa đã qua sử dụng của bên thế chấp là Công ty CP Thực phẩm Nghệ An; một xe ô tô con đã qua sử dụng hiệu TOYOTA FORTUNER mang biển kiểm soát 37A-363.08 của Công ty CP Nafoods Group; một xe ô tô con đã qua sử dụng hiệu MITSUBISHI TRITON mang biển kiểm soát 37C-066.56 của Công ty CP Nafoods Group; quyền sử dụng đất của ông Phạm Duy Thái và bà Hoàng Thị Như Quỳnh đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 960459 do UBND huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An cấp ngày 28 tháng 6 năm 2008.

(e) Khoản vay từ Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam- CN thành phố Vinh theo hợp đồng cho vay hạn mức tín dụng số 01/2017-HĐCVHM/NHCT1442-NAFOODS ngày 22 tháng 6 năm 2017 và phụ lục hợp đồng số 01/2017-HĐCVHM/NHCT1442-NAFOODS-SĐBS2 ngày 13 tháng 10 năm 2017. Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 VNĐ. Mục đích của khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay quy định trên giấy nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất biến đổi theo thị trường. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(f) Khoản vay từ Ngân hàng thương mại CP Ngoại thương Việt Nam- CN Nghệ An theo hợp đồng số 101/DADT17/NAN.KHDN ngày 27 tháng 2 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 169.893.000.000 VNĐ. Bên cho vay cam kết giao cho bên vay các khoản tiền có giá trị tối đa là 61.000.000.000 VNĐ, và/hoặc 3.900.000 USD và/hoặc 5.000.000 EUR nhưng tổng giá trị cấp tín dụng tối đa của tất cả các đồng tiền quy VNĐ tại mọi thời điểm không vượt quá 169.893.000.000 VNĐ. Thời hạn cho vay là 84 tháng. Mục đích của khoản vay nhằm thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc thực hiện đầu tư dự án Xây dựng nhà máy chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An, gồm cả lãi vay trong thời gian xây dựng. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc Dự án của Bên vay theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất số CĐ 837675 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 20 tháng 07 năm 2016; toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay, vốn tự có và vốn khác thuộc Dự án; toàn bộ các quyền tài sản của Bên vay phát sinh từ Dự án; toàn bộ vốn góp của Công ty CP Nafoods Group tại bên vay.

22. Nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu phân bổ cho Công ty mẹ			Lợi ích	
	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ đông không kiểm soát	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Số dư, 1 tháng 1 năm 2016	300.000.000.000	56.881.975.320	22.103.775	44.054.844.183	**400.958.923.278**
Góp vốn trong năm	-	-	-	3.872.250.000	**3.872.250.000**
Lợi nhuận trong năm	-	48.387.096.693	-	11.573.438.415	**59.960.535.108**
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	(2.844.098.766)	2.844.098.766	-	-
Trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	(2.844.098.766)	-	-	**(2.844.098.766)**
Chi trả cổ tức	-	(15.000.000.000)	-	(20.454.197.704)	**(35.454.197.704)**
Khác	-	33.771.851	-	-	**33.771.851**
Số dư, 31 tháng 12 năm 2016	300.000.000.000	84.614.646.332	2.866.202.541	39.046.334.894	**426.527.183.767**
Số dư, 1 tháng 1 năm 2017	300.000.000.000	84.614.646.332	2.866.202.541	39.046.334.894	**426.527.183.767**
Góp vốn trong năm	-	-	-	6.527.750.000	**6.527.750.000**
Lợi nhuận trong năm	-	55.075.794.109	-	10.402.999.377	**65.478.793.486**
Điều chỉnh truy thu thuế cho giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2016	-	(737.983.891)	-	-	**(737.983.891)**

	Vốn chủ sở hữu phân bổ cho Công ty mẹ			Lợi ích	
	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ đông không kiểm soát	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Chi trả cổ tức	-	-	-	(7.700.000.000)	**(7.700.000.000)**
Mua thêm phần lợi ích tại Công ty con hiện hữu	-	(3.951.031.238)	-	(3.936.568.762)	**(7.887.600.000)**
Giảm khác do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	2.111.400.149	-	(4.132.141.368)	**(2.020.741.219)**
Số dư, 31 tháng 12 năm 2017	300.000.000.000	137.112.825.461	2.866.202.541	40.208.374.141	**480.187.402.143**

23. Vốn góp chủ sở hữu

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi gần đây nhất tại ngày 27 tháng 5 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty mẹ là 300.000.000.000 đồng, được chia thành 30.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu phát hành:

	31 tháng 12 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**30.000.000**	**300.000.000.000**	30.000.000	300.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng				
- Cổ phiếu phổ thông	**30.000.000**	**300.000.000.000**	30.000.000	300.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành				
- Cổ phiếu phổ thông	**30.000.000**	**300.000.000.000**	30.000.000	300.000.000.000

Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng cho một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tại từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Trong trường hợp các cổ phiếu được Công ty mua lại, tất cả các quyền sẽ bị tạm dừng cho đến khi chúng được phát hành lại.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VNĐ)	**55.075.794.109**	48.387.096.693
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	**55.075.794.109**	48.387.096.693
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	**30.000.000**	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/Cổ phiếu)	**1.836**	1.613

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Số cổ phiếu phổ thông đầu năm	**30.000.000**	30.000.000
Số cổ phiếu phổ thông phát hành thêm trong năm	**-**	-
Số cổ phiếu phổ thông cuối năm	**30.000.000**	30.000.000
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	**30.000.000**	30.000.000

24. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm các khoản gốc ngoại tệ khác VNĐ, như sau:

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	USD	USD
Gốc ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	**1.723,52**	334.115,75

25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Doanh thu xuất khẩu	**371.754.214.195**	360.977.028.360
Doanh thu bán hàng trong nước	**158.184.598.101**	101.743.582.092
	529.938.812.296	462.720.610.452

26. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Chiết khấu thương mại	**68.862.500**	-
Giảm giá hàng bán	**9.989.480.984**	2.213.856.889
Hàng bán bị trả lại	**522.539.704**	-
	10.580.883.188	2.213.856.889

27. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Giá vốn hàng xuất khẩu	**301.255.720.239**	291.580.681.651
Giá vốn hàng bán trong nước	**65.215.324.377**	43.001.089.890
	366.471.044.616	334.581.771.541

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	**4.440.924.278**	3.738.621.680
Lãi chênh lệch tỷ giá	**1.609.626.901**	3.853.551.667
Doanh thu hoạt động tài chính khác	**-**	36.072.306
	6.050.551.179	7.628.245.653

29. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Chi phí tiền vay	**6.975.508.501**	5.570.345.655
Lỗ chênh lệch tỷ giá	**4.155.965.330**	4.954.243.763
Chi phí tài chính khác	**101.187.042**	236.889.900
Lỗ từ mua cổ phần	**3.936.568.762**	-
	15.169.229.635	10.761.479.318

30. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Chi phí nhân viên	**1.709.072.855**	5.292.090.555
Chi phí vật liệu bao bì, đồ dùng	**778.377.716**	812.718.537
Chi phí khấu hao	**373.227.817**	428.879.488
Chi phí dịch vụ mua ngoài	**23.458.800.812**	18.621.536.293
Chi phí khác	**8.285.226.510**	4.233.165.349
	34.604.705.710	29.388.390.222

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	**12.257.680.460**	10.001.297.863
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	**1.114.596.773**	913.820.154
Chi phí khấu hao	**1.262.058.045**	890.641.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	**4.985.889.207**	4.464.020.532
Các khoản khác	**10.004.122.061**	7.887.929.874
	29.624.346.546	24.157.709.889

32. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Chi phí nhân công	**28.408.326.154**	26.298.985.782
Chi phí nguyên vật liệu	**23.205.097.993**	28.992.821.317
Khấu hao và phân bổ	**6.181.430.386**	4.559.392.325
Chi phí dịch vụ mua ngoài	**76.349.998.120**	48.745.588.886
Chi phí khác	**18.769.346.832**	15.092.609.070
	152.914.199.485	123.689.397.380

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế TNDN sửa đổi số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") chung là 22% cho các năm 2014 và 2015, và 20% cho các năm tiếp theo. Công ty Nafoods Group và hai công ty con là Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods, Công ty Cổ phần Đầu tư LMC có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo thuế suất phổ thông.

Công ty Cổ phần Chanh leo Nafoods, công ty con, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 10% trên thu nhập chịu thuế từ thực hiện dự án đầu tư sản xuất giống chanh leo. Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2014-2017) và giảm 50% thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo (2018-2026).

Công ty Cổ phần Gắc Tân Thắng, công ty con, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 10% trên thu nhập chịu thuế cho toàn bộ dự án theo quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC do hoạt động của Công ty nằm trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam, công ty con, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 10% trên thu nhập chịu thuế trong suốt thời gian hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và giảm 50% thuế TNDN trong bốn (4) năm tiếp theo.

Bảng đối chiếu thuế suất thực tế như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**75.974.467.676**	67.310.678.157
Ảnh hưởng bởi:		
Chi phí không được khấu trừ	**2.460.053.633**	2.550.125.797
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện từ tiền và các khoản phải thu	**217.348.478**	(525.042.696)
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của năm trước đã thực hiện trong năm nay	**525.042.696**	(80.343.996)
Thu nhập tính thuế ước tính	**79.176.912.483**	69.255.417.262
Trong đó:		
Thu nhập được miễn thuế	**22.059.471.208**	38.958.768.919
Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 10%	**-**	(1.193.311.212)
Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	**57.117.441.275**	31.489.959.555
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 10%	**-**	-
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 20%	**11.423.488.255**	6.297.991.911
Ước tính thuế TNDN	**11.423.488.255**	6.297.991.911
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	**-**	100.752.811
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**11.423.488.255**	6.398.744.722
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	**6.518.663.585**	2.400.385.230
Thuế TNDN đã nộp trong năm	**(6.364.624.282)**	(2.280.466.367)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm (Thuyết minh số 19)	**11.577.527.558**	6.518.663.585

Việc tính chi phí thuế TNDN hiện hành còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Thuế hoãn lại

Chi tiết chi phí thuế hoãn lại ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Số dư đầu năm	**1.298.064.168**	346.665.841
Ghi nhận thêm các khoản chênh lệch tạm thời trong năm	**1.817.961.059**	951.398.327
Số dư cuối năm	**3.116.025.227**	1.298.064.168

34. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Tập đoàn đã thực hiện các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	Đối tác	Doanh thu bán hàng hóa	**56.752.536.217**	208.460.000
		Thu từ cho thuê xe ôtô	**-**	7.059.000
		Lãi từ cho vay	**288.426.872**	305.282.601
		Phạt về bao bì tồn kho	**186.976.412**	-
		Phí gia công	**500.324.205**	36.767.689.905
		Mua hàng hóa	**44.195.341.827**	47.664.273
		Cho vay	**19.733.508.631**	16.155.102.465
		Nhận lại khoản cho vay	**15.285.108.585**	21.369.982.996
		Nhận khoản vay	**727.000.000**	1.283.900.000
		Thanh toán khoản vay	**727.000.000**	1.293.743.999
		Thanh lý tài sản	**65.132.712**	12.500.000
		Thuê kho	**-**	18.894.700
Công ty Cổ phần Nafoods Tây Nguyên	Công ty liên kết	Lãi từ cho vay	**2.597.175.557**	382.589.271
		Cho vay	**94.803.466.759**	2.946.711.000
		Nhận lại khoản cho vay	**419.815.841**	14.642.692.874
		Mua hàng hóa	**3.235.888.000**	4.077.011.421
		Nhận khoản vay	**7.372.386.730**	2.937.000.000
		Chi phí lãi vay	**44.386.495**	-
		Thanh toán khoản vay	**61.362.575.590**	2.937.000.000
Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc	Công ty liên kết	Góp vốn	**-**	1.400.000.000
		Nhận khoản vay	**-**	300.000.000
		Chi phí lãi vay	**9.590.000**	4.200.000
		Lãi từ cho vay	**7.101.563**	-
		Thanh toán khoản vay	**300.000.000**	-
		Mua hàng hóa	**2.267.653.285**	676.582.700
		Doanh thu bán hàng hóa	**4.726.167.000**	1.169.371.000
Công ty Cổ phần Nafoods Pleiku	Công ty liên kết	Góp vốn	**-**	2.450.000.000
		Mua hàng hóa	**373.403.500**	-
		Doanh thu bán hàng hóa	**25.000.000**	701.250.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Tân Thắng	Công ty liên kết	Lãi từ cho vay	**905.436.899**	432.190.629
		Giảm vốn đầu tư	**5.000.000.000**	-
		Nhận lại khoản cho vay	**15.063.600.750**	-
		Trả hộ	**-**	14.798.604
Công ty Cổ phần Nông nghiệp La Giang	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	**-**	345.603.367
		Lãi từ cho vay	**4.402.123**	-
		Cho vay	**66.256.404**	-
Công ty Cổ phần Dược liệu Quế Phong	Công ty liên kết	Cho vay	**-**	5.000.000
		Lãi từ cho vay	**253.725.697**	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có các số dư với các bên liên quan đã được trình bày ở các Thuyết minh số 6, 7, 8, 9, 10, 17, 18, và 21.

35. Thù lao của Ban Giám đốc

Trong năm, thù lao nhận được của thành viên Ban Giám đốc như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Tổng lương và các khoản lợi ích khác	**3.190.815.757**	1.936.984.595

36. Cam kết

Thuê hoạt động
Tại ngày 31 tháng 12, Tập đoàn cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một (1) năm	**651.313.885**	651.313.885
Trong vòng hai (2) đến năm (5) năm	**2.605.255.541**	2.605.255.541
Từ năm (5) năm trở lên	**10.268.671.439**	10.929.031.350
	13.525.240.865	14.185.600.776

37. Mục tiêu và chính sách quản trị rủi ro

Tập đoàn chịu các rủi ro khác nhau liên quan đến sử dụng các công cụ tài chính. Các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả của Tập đoàn đã được phân loại theo khoản mục trên Thuyết minh số 4.24. Các rủi ro chính là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh toán.

Quản trị rủi ro của Tập đoàn được thực hiện bởi Hội đồng Quản trị của Tập đoàn với sự kết hợp chặt chẽ với Ban Giám đốc, và tập trung vào đảm bảo các dòng tiền ngắn và trung hạn một cách chủ động thông qua tối thiểu hóa chịu tác động từ thị trường tài chính.

Các rủi ro tài chính trọng yếu tác động đến hoạt động của Công ty được mô tả dưới đây.

37.1 Rủi ro thị trường

Tập đoàn có rủi ro thị trường thông qua việc sử dụng các công cụ tài chính và đặc biệt là rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất mà phần lớn phát sinh từ hoạt động kinh doanh.

Biến động tỷ giá hối đoái
Phần lớn các giao dịch của Tập đoàn là Đồng Việt Nam. Tập đoàn chịu tác động rủi ro biến động tỷ giá do có các khoản mua bán bằng ngoại tệ, chủ yếu bằng Đô la Mỹ (USD) và Euro (EUR).

Tài sản và nợ phải trả tài chính phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	31 tháng 12 năm 2017			31 tháng 12 năm 2016		
	USD	EUR	Tương đương VNĐ	USD	EUR	Tương đương VNĐ
Tài sản tài chính	**7.226.664**	**2.547.573**	**232.857.177.088**	4.838.960	-	110.110.539.351
Nợ tài chính	**(5.203.203)**	**(2.530.171)**	**(187.499.765.249)**	(5.167.211)	-	(117.579.886.305)
Ảnh hưởng ngắn hạn	**2.023.461**	**17.402**	**45.357.411.839**	(328.251)	-	(7.469.346.954)

Do ảnh hưởng của biến động tỷ giá tới các báo cáo tài chính của Tập đoàn là không đáng kể nên phần phân tích về biến động tỷ giá hối đoái không được trình bày trong báo cáo.

37.2 Rủi ro tín dụng

Tập đoàn đối mặt với rủi ro tín dụng trong giới hạn giá trị ghi sổ của tài sản tài chính ghi nhận tại ngày lập báo cáo tài chính, được tóm tắt như sau:

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Các nhóm tài sản tài chính – giá trị ghi sổ		
Tiền và các khoản tương đương tiền	**3.210.637.047**	35.337.566.349
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**-**	15.000.000.000
Phải thu thương mại và phải thu khác	**253.724.351.786**	168.143.464.859
Phải thu về cho vay ngắn hạn	**115.182.091.865**	75.460.144.996
	372.117.080.698	293.941.176.204

Tập đoàn liên tục theo dõi khả năng không trả được nợ của khách hàng và các đối tác khác, được xác định riêng lẻ hoặc bởi Tập đoàn, và kết hợp thông tin này để kiểm soát rủi ro tín dụng. Khi có sẵn chi phí hợp lý, xếp hạng tín dụng bên ngoài và/hoặc báo cáo về khách hàng và các đối tác khác sẽ được thu thập và sử dụng.

37.3 Rủi ro thanh khoản

Tập đoàn quản lý nhu cầu thanh khoản bằng cách theo dõi sát sao lịch trả nợ phục vụ cho việc thanh toán các khoản nợ phải trả tài chính dài hạn cũng như dòng tiền ra hàng ngày. Nhu cầu thanh khoản được theo dõi trong các dải thời gian khác nhau, trên cơ sở hàng ngày và hàng tuần, cũng như trên cơ sở đáo hạn 30 ngày. Nhu cầu thanh khoản dài hạn cho giai đoạn 180 ngày và 360 ngày được xác định hàng tháng.

Tập đoàn duy trì một mức tiền và tương đương tiền để đáp ứng yêu cầu thanh khoản cho giai đoạn lên đến 30 ngày.

Tại ngày 31 tháng 12, các khoản nợ của Tập đoàn có thời gian đáo hạn được tóm tắt như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	Trong vòng 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm
31 tháng 12 năm 2017	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Các khoản vay	**159.645.699.485**	**12.443.570.889**	**2.039.000.000**	**112.957.578.566**
Phải trả thương mại	**72.324.564.091**	-	-	-
Nợ phải trả tài chính khác	**11.198.393.712**	-	-	-
	243.168.657.288	**12.443.570.889**	**2.039.000.000**	**112.957.578.566**
31 tháng 12 năm 2016				
Các khoản vay	139.245.885.410	2.000.000.000	4.062.500.000	-
Phải trả thương mại	21.005.748.772	-	-	-
Nợ phải trả tài chính khác	12.587.629.623	-	-	-
	172.839.263.805	2.000.000.000	4.062.500.000	-

38. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được trình bày dưới đây:

	31 tháng 12 năm 2017 Giá trị ghi sổ VNĐ	31 tháng 12 năm 2016 Giá trị ghi sổ VNĐ
Tài sản tài chính		
Các khoản cho vay và phải thu		
- Cho bên liên quan vay	**97.352.091.865**	74.460.144.996
- Cho đối tượng khác vay	**17.830.000.000**	1.000.000.000
- Phải thu thương mại và phải thu khác	**253.724.351.786**	168.143.464.859
Tiền và các khoản tương đương tiền	**3.210.637.047**	35.337.566.349
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**-**	15.000.000.000
	372.117.080.698	293.941.176.204
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay		
- Vay từ các bên liên quan	**6.952.570.889**	300.000.000
- Vay ngân hàng	**276.603.278.051**	143.635.885.410
- Vay từ các đối tượng khác	**3.530.000.000**	1.372.500.000
Nợ phải trả tài chính khác		
- Phải trả người bán	**72.324.564.091**	21.005.748.772
- Nợ tài chính phải trả khác	**11.198.393.712**	12.587.629.623
	370.608.806.743	178.901.763.805

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán bởi vì không có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính vào ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam.

39. Số liệu sau ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng tới tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 hoặc kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày.

40. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Giám đốc phê duyệt để phát hành.

Nghệ An, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Mạnh Hùng	Nguyễn Thị Trang	Đặng Thị Loan
Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP

Địa chỉ	Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Số điện thoại	02383 853.322
Số fax	02383 853.902
Website	www.nafoods.com.vn